

Hướng Dẫn Sử Dụng dành cho Nokia N70

CE0434

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Công ty NOKIA CORPORATION xin công bố sản phẩm RM-84 này đáp ứng các yêu cầu chính yếu và tuân thủ các điều khoản quy định khác của Chỉ Thị 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

© 2005-2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Pop-Port và Visual Radio là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd © 1998-2006 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2006. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh phim MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được âm chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn

có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trang <<http://www.mpegla.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển liên tục. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoại trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

Mục lục

An toàn cho người sử dụng	vii	Chế độ màn hình chờ.....	12
Kết nối.....	x	Gọi điện.....	13
Điện thoại Nokia N70.....	1	Cuộc gọi thoại.....	13
Trợ giúp	1	Gọi điện hội nghị	13
Tutorial (Hướng dẫn).....	1	Quay nhanh một số điện thoại	14
Các phím tắt hữu dụng	1	Lệnh thoại	14
Clock (Đồng hồ).....	3	Gọi điện video.....	15
Cài đặt đồng hồ.....	4	Chia sẻ video	16
Đồng hồ thể giới.....	4	Yêu cầu chia sẻ hình ảnh.....	17
Điều chỉnh loa và âm lượng	4	Cài đặt.....	18
Quản lý tập tin	5	Chia sẻ video thực và video clip.....	18
Xem mức sử dụng bộ nhớ	5	Nhận một lời mời	19
Không đủ bộ nhớ — làm trống bộ nhớ	6	Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	19
Công cụ dùng cho thẻ nhớ	6	Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video	20
Định dạng thẻ nhớ.....	7	Call waiting (Cuộc gọi chờ)	20
Cài đặt riêng điện thoại.....	8	Các tùy chọn trong khi gọi.....	20
Profiles (Cấu hình) — cài âm báo.....	9	Các tùy chọn trong khi gọi điện video	21
Cấu hình không trực tuyến.....	9	Log (Nhật ký)	21
Chuyển nội dung từ điện thoại khác	10	Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)	21
Thay đổi giao diện điện thoại.....	11	Call duration (Thời lượng cuộc gọi)	22
		Packet data (Dữ liệu gói)	22
		Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc	22

Số liên lạc (danh bạ điện thoại)24

Lưu tên và số điện thoại.....	24
Các số điện thoại và địa chỉ mặc định.....	25
Sao chép số liên lạc.....	25
SIM directory (Thư mục thẻ SIM) và các dịch vụ SIM khác	26
Gán nhạc chuông cho các số liên lạc	27
Tạo các nhóm liên lạc.....	27
Xóa thành viên khỏi nhóm.....	27

Camera và gallery (Bộ sưu tập).....28

Camera	28
Chụp hình	28
Chụp hình liên tiếp	30
Chụp tự động — Self-timer.....	30
Đèn flash	30
Điều chỉnh cài đặt camera hình tĩnh	31
Điều chỉnh ánh sáng và màu sắc	32
Chế độ chụp	32
Chỉnh sửa hình ảnh	33
Quay phim.....	34
Biên tập các đoạn video clip	36
Gallery (Bộ sưu tập).....	39
Xem hình ảnh và các đoạn video clip.....	40
Trình chiếu	41

Album	41
-------------	----

Imaging (Hình ảnh) 42

In hình ảnh	42
Chọn máy in	42
Xem trước bản in	42
Cài đặt in ấn	42
RealPlayer™	43
Phát đoạn video clip hoặc đoạn âm thanh.....	43
Tạo danh sách bài nhạc	43
Xem nội dung trực tuyến.....	44
Nhận các thông số cài đặt RealPlayer	44
Movie director (Đạo diễn phim)	46
Tạo quick movie	46
Tạo movie tùy chỉnh	46

Nhắn tin 49

Viết văn bản	50
Kiểu nhập văn bản truyền thống.....	50
Kiểu nhập văn bản tiên đoán — từ điển.....	51
Sao chép văn bản.....	53
Soạn và gửi tin nhắn	53
Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail.....	55

Hộp thư đến — nhận tin nhắn.....	56
Tin nhắn đa phương tiện	56
Dữ liệu và các thông số cài đặt.....	57
Tin nhắn dịch vụ Web	57
My folders	58
Mailbox	58
Mở hộp thư.....	58
Tải tin nhắn e-mail	58
Xóa tin nhắn e-mail	59
Ngắt kết nối khỏi hộp thư	60
Outbox — các tin nhắn chờ gửi	61
Xem tin nhắn trên thẻ SIM.....	61
Cài đặt tin nhắn	62
Tin nhắn văn bản	62
Tin nhắn đa phương tiện	63
E-mail.....	64
Tin nhắn dịch vụ web.....	66
Tin nhắn quảng bá.....	66
Other settings (Cài đặt khác)	67
Radio (Đài FM)	68
Nghe radio	68
Xem nội dung trực quan	69
Các kênh đã lưu.....	70
Cài đặt	70

Lịch	71
Tạo các mục nhập lịch	71
Cài đặt âm báo lịch	72
Xem lịch	72
Xóa các mục nhập lịch.....	73
Cài đặt lịch	73
Web.....	74
Truy cập Web.....	74
Nhận các thông số cài đặt trình duyệt.....	74
Nhập cài đặt theo cách thủ công.....	74
Giao diện chỉ mục	75
Thêm chỉ mục theo cách thủ công	75
Gửi chỉ mục	76
Tạo kết nối	76
Kết nối an toàn	76
Trình duyệt.....	76
Xem các trang đã lưu	78
Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục.....	78
Ngưng kết nối.....	78
Dọn cache	79
Cài đặt web	79

My own (Cá nhân)81

Trò chơi.....	81
Máy nghe nhạc	81
Phát nhạc	81
Danh sách bài hát	82
Go to (Chọn) — gán phím tắt.....	82
Xóa phím tắt	83
IM — tin nhắn trò chuyện (trò chuyện).....	83
Nhận thông số cài đặt IM	83
Kết nối với server IM	84
Chỉnh sửa cài đặt IM	84
Tìm kiếm nhóm và người dùng IM	85
Tham gia và rời khỏi nhóm IM.....	85
Trò chuyện	85
Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện.....	86
Số liên lạc IM.....	87
Quản lý các nhóm IM	87
Cài đặt server trò chuyện	87

Kết nối88

Kết nối Bluetooth	88
Cài đặt kết nối Bluetooth	89
Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth	89
Ghép nối thiết bị	90

Nhận dữ liệu qua tính năng kết nối Bluetooth	91
Tắt kết nối Bluetooth.....	92
Kết nối PC	92
CD-ROM.....	92
Điện thoại của bạn hoạt động như một modem.....	92
Quản lý kết nối	92
Chi tiết kết nối dữ liệu	93
Đồng bộ hóa.....	94
Tạo một cấu hình đồng bộ mới	94
Đồng bộ dữ liệu	95
Quản lý thiết bị	95
Cài đặt cấu hình server.....	96

Các ứng dụng văn phòng..... 97

Máy tính.....	97
Bộ chuyển đổi	97
Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi.....	98
To-do.....	98
Ghi chú.....	99
Máy ghi âm.....	99

Tools (Công cụ)	100	Giải quyết sự cố	117
Media key (Phím media) (Nokia N70 (phiên bản gốc))	100	Hỏi&Đáp.....	117
Music access key (Phím truy cập nhạc) (Nokia N70 Music Edition)	100	Thông tin về pin	121
Settings (Cài đặt).....	100	Sạc và Xả pin.....	121
Phone settings (Cài đặt cho máy).....	101	Hướng dẫn xác nhận pin Nokia.....	122
Call settings (Cài đặt cuộc gọi)	102	Phụ kiện chính hãng Nokia	124
Connection settings (Cài đặt kết nối)	103	Pin.....	125
Date and time (Ngày giờ)	106	Tai nghe Nokia trên xe Plug-in	
Security (Bảo mật)	107	Không dây HF-6W	126
Chuyển hướng cuộc gọi	110	Bàn phím không dây Nokia SU-8W	126
Call Barring (Chặn cuộc gọi).....	110	Giữ gìn và Bảo trì	128
Network (Mạng)	111	Thông tin bổ sung	
Enhancement settings (Cài đặt phụ kiện).....	111	về sự an toàn	129
Lệnh thoại.....	112	Từ mục	133
Quản lý ứng dụng	112		
Cài đặt phần mềm và ứng dụng.....	113		
Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm	114		
Cài đặt ứng dụng.....	115		
Activation keys (Các mã khóa kích hoạt) — xử lý các tập tin được bảo hộ bản quyền	115		

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện nâng cấp và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím đàm thoại. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 900/1800/1900 và UMTS

2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Thiết bị của bạn hỗ trợ kết nối Internet và các phương thức kết nối khác. Tương tự như máy tính, thiết bị của bạn cũng có nguy cơ bị nhiễm virus, gặp các ứng dụng và thư tín nguy hại và các nội dung độc hại khác. Hãy luôn cẩn trọng và chỉ mở tin nhắn, chấp nhận yêu cầu kết nối, nội dung tải về và chấp nhận các trình cài đặt từ các nguồn đáng tin cậy. Để tăng cường tính bảo mật cho thiết bị của bạn, hãy xem xét việc cài đặt phần mềm chống virus cùng dịch vụ cập nhật và cùng ứng dụng tường lửa.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các đoạn video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các Dịch vụ Mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện từ các bộ sạc DC-4, AC-3 và AC-4.

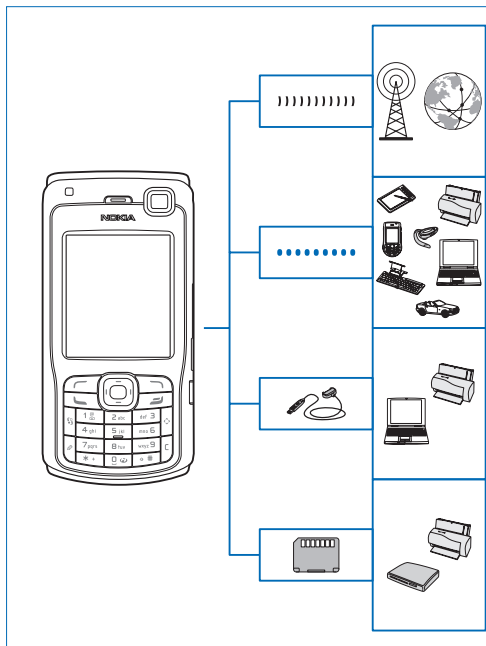
Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BL-5C.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện nâng cấp được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện nâng cấp chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Kết nối



Dùng thiết bị của bạn trong các loại mạng 2G và 3G. Xem phần "[Giới thiệu điện thoại](#)" trên trang [viii](#).

Dùng công nghệ Bluetooth để truyền tải các tập tin và kết nối với các phụ kiện tương thích. Xem phần "[Kết nối Bluetooth](#)" trên trang [88](#).

Sử dụng cáp dữ liệu USB tương thích, ví dụ Nokia Connectivity Cable CA-53, để kết nối với các thiết bị tương thích, chẳng hạn như máy in và máy PC.

Sử dụng thẻ nhớ tương thích để chuyển dữ liệu hoặc sao lưu thông tin. Xem phần "[Công cụ dùng cho thẻ nhớ](#)" trên trang [6](#).

Điện thoại Nokia N70

Số hiệu: Nokia N70-1.

Dưới đây được đề cập như Nokia N70. Nếu một chức năng nào đó mô tả trong tài liệu hướng dẫn này chỉ có trong phiên bản Nokia N70 gốc hoặc Nokia N70 Music Edition, chức năng này sẽ được trình bày trong phần mô tả chức năng đó bằng cách tham khảo đến Nokia N70 (phiên bản gốc) hoặc Nokia N70 Music Edition. Hãy kiểm tra lại trong hộp thiết bị của bạn khi mua để xem thiết bị của bạn là loại Nokia N70 gốc hay là Nokia N70 Music Edition.



Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Bạn có thể truy cập phần trợ giúp từ một ứng dụng hoặc từ menu chính.

Khi mở một ứng dụng, để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại, chọn **Options (Tùy chọn) > Help (Trợ giúp)**.



Ví dụ: Để xem các hướng dẫn về cách tạo một thẻ liên lạc, bắt đầu tạo một thẻ liên lạc và chọn **Options (Tùy chọn) > Help (Trợ giúp)**.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ .

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools (Công cụ) > Help (Trợ giúp)**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem danh sách các chủ đề trợ giúp. Để tìm các chủ đề trợ giúp bằng từ khóa, chọn **Options (Tùy chọn) > Search by keyword (Tìm theo từ khóa)**.

Khi bạn đang đọc một chủ đề trợ giúp, để xem các chủ đề liên quan bấm  hoặc .



Tutorial (Hướng dẫn)

Tutorial cung cấp cho bạn thông tin về các tính năng của điện thoại.

Để xem hướng dẫn, hãy lắp thẻ nhớ vào điện thoại, bấm , và chọn **My own (Cá nhân) > Tutorial (Hướng dẫn)** và chọn mục bạn muốn xem.

Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh các ứng dụng thường sử dụng trong điện thoại. Tham khảo các

phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết về các chức năng.

Chụp hình

- Để điều chỉnh thông số thiết lập hình trước khi chụp, bấm .
- Sau khi chụp, để gửi hình, bấm  và chọn **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Để biết thêm thông tin, xem chương "Nhắn tin" trên trang 49 và "Kết nối Bluetooth" trên trang 88.
- Để xóa hình, bấm .
- Để chụp hình mới, bấm  hoặc bấm phím chụp camera.

Quay các đoạn video clip

- Để điều chỉnh các thông số thiết lập video trước khi quay, bấm .
- Sau khi quay, để gửi đoạn video clip, bấm  và chọn **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Bạn không thể gửi các đoạn video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để biết thêm thông tin, xem chương "Nhắn tin" trên trang 49 và "Kết nối Bluetooth" trên trang 88.
- Để xóa một đoạn video clip, bấm .

Chỉnh sửa văn bản và các danh sách

- Để đánh dấu một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó và bấm  và  cùng lúc.
- Để đánh dấu chọn nhiều mục trong danh sách, bấm và giữ  trong khi bạn bấm  hoặc . Để ngưng chọn, thả phím , sau đó thả phím  ra.
- Để sao chép và dán văn bản: Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc . Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng. Để sao chép văn bản đến vùng lưu trữ tạm thời khi đang giữ , chọn **Copy (sao chép)**. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste (Dán)**.

Chế độ chờ

- Để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ . Nếu bộ nhớ được sử dụng hết, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại tất cả dữ liệu trước khi đóng ứng dụng. Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin.
- Để thay đổi cấu hình, bấm , và chọn một cấu hình.
- Để chuyển giữa cấu hình **General (Bình thường)** và **Silent (Im lặng)** bấm và giữ phím **#**. Nếu bạn có hai số máy điện thoại, thao tác này cũng sẽ chuyển qua lại giữa hai số máy.

- Để mở danh sách các số đã gọi mới nhất, bấm .
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ .
- Để kết nối **Web**, bấm và giữ . Xem phần "**Web**" trên trang 74.

Để biết thêm thông tin về các phím tắt hiện có ở chế độ chờ, xem "**Chế độ màn hình chờ**" trên trang 12.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

- Để khóa: Khi ở chế độ chờ, bấm , sau đó bấm *.
- Để mở khóa: Bấm , sau đó bấm *.
- Để bật đèn màn hình khi bàn phím bị khóa, bấm .

Khi bật chức năng khóa bàn phím, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Clock (Đồng hồ)

Bấm , và chọn **Clock (Đồng hồ)**.

Để cài báo thức mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Set alarm (Cài báo thức)**. Nhập giờ báo thức, và chọn **OK**. Khi báo thức được kích hoạt,  sẽ hiển thị.

Để tắt báo thức, chọn **Stop (Ngừng)**. Khi âm báo phát ra, chọn **Snooze (Báo lại)** để ngừng âm báo trong năm phút trước khi báo lại. Bạn có thể thực hiện tối đa năm lần.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop (Ngừng)**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No (Không)** để tắt điện thoại hoặc **Yes (Có)** để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn **Yes (Có)** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock (Đồng hồ)** > **Options (Tùy chọn)** > **Remove alarm (Xóa báo thức)**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** trong đồng hồ. Để thay đổi thời gian và ngày tháng, chọn **Time (Giờ)** hoặc **Date (Ngày)**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, di chuyển xuống và chọn **Clock type (Kiểu đồng hồ)** > **Analogue (Đồng hồ cơ điển)** hoặc **Digital (Đồng hồ số)**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), di chuyển xuống dưới và chọn **Auto time update (Tự động cập nhật thời gian)**. Để cài đặt **Auto time update (Tự động cập nhật thời gian)** có tác dụng, điện thoại sẽ khởi động lại.

Để thay đổi âm báo, di chuyển xuống dưới và chọn **Clock alarm tone (Âm báo thức)**.

Để thay đổi trạng thái tiết kiệm năng lượng vào ban ngày, di chuyển xuống và chọn **Daylight-saving (Tiết kiệm vào ban ngày)**. Chọn **On (Bật)** để thêm 1 giờ vào **My current city (Thành phố tôi hiện đang sống)**. Xem phần "**Đồng hồ thế giới**" trên trang 4. Khi thời gian mùa hè đã được kích hoạt, ☀ sẽ hiển thị trên màn hình chính của đồng hồ. Cài đặt này sẽ không hiển thị nếu chức năng **Auto time update (Tự động cập nhật thời gian)** được bật.

Đồng hồ thế giới

Mở **Clock (Đồng hồ)**, và bấm  để mở cửa sổ đồng hồ thế giới. Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm các thành phố vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add city (Thêm thành phố)**. Nhập các ký tự đầu tiên của tên thành phố vào. Trường tìm kiếm sẽ tự động xuất hiện và các thành phố tương ứng sẽ hiển thị. Chọn một thành phố. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options (Tùy chọn)** > **My current city (Thành phố tôi hiện đang sống)**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng khi bạn đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc .



Loa tích hợp cho phép bạn đàm thoại và nghe ở một khoảng cách ngắn mà không cần cầm điện thoại gần tai. Các ứng dụng âm thanh sử dụng loa theo mặc định.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa trong một cuộc gọi, bắt đầu cuộc gọi đó và chọn **Options (Tùy chọn) > Activate loudsp. (Bật loa)**.

Để tắt loa khi bạn đang có một cuộc gọi hoặc đang nghe nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate handset (Bật chế độ điện thoại)**.



Quản lý tập tin

Nhiều tính năng trong điện thoại sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Các tính năng này bao gồm danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, kiểu chuông, lịch và ghi chú việc, tài liệu và các ứng dụng được tải về. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại. Bạn có thể sử dụng các thẻ nhớ tương thích làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể lưu và xóa dữ liệu trên thẻ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ tương thích (nếu có), bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > File mgr. (Quản lý tập tin)**. Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra. Bấm  để mở giao diện thẻ nhớ ().

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm  và  cùng lúc để đánh dấu tập tin và chọn **Options (Tùy chọn) > Move to folder (Đi đến thư mục)** hoặc **Copy to folder (Copy vào thư mục)**.

Để tìm một tập tin, chọn **Options (Tùy chọn) > Find (Tìm)** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser hiện có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại có những loại dữ liệu nào và mức sử dụng bộ nhớ của mỗi loại dữ liệu, chọn **Options (Tùy chọn) > Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**. Di chuyển xuống **Free memory (Bộ nhớ còn trống)** để xem dung lượng còn trống trong điện thoại.

Trong trường hợp có gắn thêm thẻ nhớ tương thích vào máy, để xác định dung lượng bộ nhớ còn trống trên thẻ nhớ, bấm  để mở cửa sổ thẻ nhớ và chọn **Options (Tùy chọn) > Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**.

Không đủ bộ nhớ — làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo khi bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ sử dụng đã gần hết.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, hãy chuyển dữ liệu sang thẻ nhớ tương thích bằng chương trình quản lý tập tin. Đánh dấu các tập tin sẽ được chuyển và chọn **Move to folder (Đời đến thư mục) > Memory card (Thẻ nhớ)**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.

 **Mẹo!** Để làm trống bộ nhớ trên điện thoại hoặc thẻ nhớ, sử dụng ứng dụng Image Store hiện có trong Nokia PC Suite để truyền hình ảnh và đoạn video clip sang máy PC tương thích. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr. (Quản lý tập tin)** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox (Hộp thư đến)**, **Drafts (Nháp)**, và **Sent (Đã gửi)** trong phần **Messaging (Nhắn tin)**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, video và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần **"Quản lý ứng dụng"** trên trang 112
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa



Công cụ dùng cho thẻ nhớ

Chỉ sử dụng thẻ nhớ Reduced Size MultiMediaCards (RS-MMC) được Nokia phê duyệt để dùng với thiết bị này. Nokia sử dụng các tiêu chuẩn thẻ nhớ chuyên ngành đã được phê chuẩn, nhưng thiết bị này không thể tương thích hoàn toàn hoặc hoạt động ổn định với tất cả các loại nhãn hiệu sản phẩm.

Điện thoại này sử dụng Thẻ nhớ RS-MMC Điện thế Kép Kích cỡ Nhỏ (1,8 hoặc 3V). Để đảm bảo khả

năng hoạt động tương thích, chỉ nên sử dụng các loại thẻ RS-MMC điện thế kép. Kiểm tra tính tương thích của thẻ RS-MMC với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thẻ.

Chỉ sử dụng thẻ RS-MMC tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, như thẻ SD sẽ không vừa với khe chứa thẻ nhớ và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm với trẻ em.

Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Memory (Bộ nhớ)**. Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ tương thích làm vùng lưu trữ thêm. Bạn cũng nên thường xuyên sao lưu thông tin trong bộ nhớ điện thoại vào một thẻ nhớ tương thích. Thông tin có thể được khôi phục vào điện thoại sau này.

Bạn không thể sử dụng thẻ nhớ nếu nắp của ngăn chứa thẻ nhớ mở.



Chú ý: Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ tương thích, chọn **Options (Tùy chọn) > Backup phone mem. (Sao lưu bộ nhớ điện thoại)**.

Để khôi phục thông tin từ một thẻ nhớ tương thích vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Restore from card (Khôi phục từ thẻ nhớ)**.



Mẹo! Để đổi tên thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Memory card name (Tên thẻ nhớ)**.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

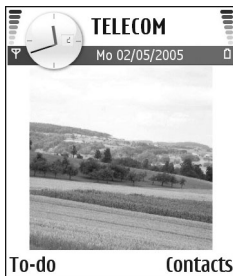
Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Format mem. card (Định dạng thẻ nhớ)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận. Khi quá trình định dạng kết thúc, đặt tên cho thẻ nhớ và chọn **OK**.

Cài đặt riêng điện thoại

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng được cấu hình đặc biệt dành cho nhà cung cấp mạng. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần "**Chế độ màn hình chờ**" trên trang 12.
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị trong chế độ tiết kiệm năng lượng, xem phần "**Thay đổi giao diện điện thoại**" trên trang 11.
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần "**Profiles (Cấu hình) — cài âm báo**" trên trang 9.



- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn trái và phải khi ở chế độ chờ, xem phần "**Standby mode (Chế độ chờ)**" trên trang 101. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ active standby.
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị ở chế độ chờ, bấm và chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Clock type (Kiểu đồng hồ) > Analogue (Đồng hồ cổ điển)** hoặc **Digital (Đồng hồ số)**.
- Để thay đổi âm báo thức, bấm và chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Clock alarm tone (Âm báo thức)** và chọn âm báo.
- Để thay đổi âm báo lịch, bấm và chọn **Calendar (Lịch) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Calendar alarm tone (Âm báo lịch)** và chọn âm báo.
- Để thay lời chào bằng một dòng văn bản hoặc hình ảnh, bấm và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Phone (Trên máy) > General (Bình thường) > Welcome note or logo (Lời chào hoặc logo)**.

- Để gán một kiểu chuông riêng cho một số liên lạc, bấm  và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Xem phần "**Gán nhạc chuông cho các số liên lạc**" trên trang 27.
- Để gán một số quay nhanh cho số liên lạc, bấm một phím số khi ở chế độ chờ (1) được dành riêng cho hộp thư thoại) và bấm . Chọn **Yes (Có)**, sau đó chọn một số liên lạc.
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Move (Di chuyển), Move to folder (Đời đến thư mục), hoặc New folder (Thư mục mới)**. Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục và bố trí các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Profiles (Cấu hình) — cài âm báo

Để cài đặt và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo có tin nhắn, và các hiệu ứng khác nhau cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Profiles (Cấu hình)**. Nếu cấu hình được chọn hiện tại không phải là cấu hình **General (Bình thường)**, tên cấu hình sẽ hiển thị ở trên đầu màn hình khi ở chế độ chờ.

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Profiles (Cấu hình)**. Di chuyển đến cấu hình và chọn **Options (Tùy chọn) > Personalise (Cài đặt riêng)**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm  để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và lắng nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm thanh.



Mẹo! Trong danh sách âm báo, **Tone downloads (Nhạc âm tải về)** sẽ mở một danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Create new (Tạo hình mới)**.

Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline (Không trực tuyến)** cho phép sử dụng thiết bị mà bạn không cần kết nối mạng vô tuyến. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, kết nối với mạng vô tuyến sẽ tắt và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu . Tất cả tín hiệu điện thoại vô tuyến đi và đến điện thoại của bạn đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Cảnh báo: Trong cấu hình offline, bạn không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, bấm **(1)**, và chọn một cấu hình khác. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu tính năng kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, kết nối này sẽ bị ngắt. Tính năng kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**. Xem phần "**Cài đặt kết nối Bluetooth**" trên trang 89.



Chuyển nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể sao chép số liên lạc, lịch, hình ảnh, video và tập tin âm thanh qua kết nối Bluetooth từ điện thoại Nokia S60 tương thích.

Bạn có thể sử dụng điện thoại Nokia N70 mà không cần thẻ SIM. Cấu hình offline sẽ được tự động kích hoạt khi bạn bật điện thoại mà không gắn thẻ SIM. Chức năng này cho phép bạn sử dụng thẻ SIM trên một điện thoại khác.

Để tránh bị trùng lặp các mục, bạn có thể chuyển cùng loại thông tin (ví dụ như số liên lạc) từ điện thoại khác vào điện thoại Nokia N70 của bạn chỉ một lần.

Trước khi chuyển dữ liệu, bạn phải kích hoạt kết nối Bluetooth trên cả hai điện thoại. Trên từng điện thoại, bấm **[Menu]** và chọn **Connect. (Kết nối) > Bluetooth**. Chọn **Bluetooth > On (Bật)**. Đặt tên cho từng điện thoại.

Để chuyển nội dung:

- 1 Bấm **[Menu]** và chọn **Tools (Công cụ) > Transfer (Nối chuyển)** trên điện thoại Nokia N70 của bạn. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.
- 2 Điện thoại sẽ tìm các thiết bị khác có kết nối Bluetooth. Khi quá trình tìm kiếm kết thúc, chọn điện thoại khác trong danh sách.
- 3 Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã trên điện thoại Nokia N70. Nhập một mã (1-16 số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã vào điện thoại kia và chọn **OK**.
- 4 Ứng dụng **Transfer (Nối chuyển)** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn.

- 5 Mở tin nhắn để cài đặt ứng dụng **Transfer (Nối chuyển)** trên điện thoại kia và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.
- 6 Trong điện thoại Nokia N70, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại khác.

Nội dung sẽ được sao chép từ bộ nhớ và thẻ nhớ của điện thoại khác vào điện thoại Nokia N70 và thẻ nhớ. Thời gian sao chép tùy thuộc vào lượng dữ liệu sẽ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau. Ứng dụng **Transfer (Nối chuyển)** sẽ được thêm vào menu chính của điện thoại khác.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình điện thoại, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm  và chọn **Tools (Công cụ)** > **Themes (Chủ đề)**. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng ✓. Trong **Themes (Chủ đề)**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác nhau hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery (Bộ sưu tập)** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không có hiệu lực khi thẻ không chèn vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề vào bộ nhớ điện thoại trước.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads (Chủ đề tải xuống)**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Apply (Áp dụng)**.

Để xem trước một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Preview (Xem trước)**.

Để chỉnh sửa chủ đề, di chuyển đến một chủ đề và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)** để thay đổi các tùy chọn sau:

Wallpaper (Hình nền) — Hình sẽ được hiển thị dưới dạng hình nền khi ở chế độ chờ.

Power saver (Trình tiết kiệm điện) — Kiểu tiết kiệm năng lượng trên màn hình: ngày và giờ hoặc đoạn văn bản do bạn tự soạn. Xem thêm phần "**Display (Màn hình)**" trên trang 102.

Image in 'Go to' (Hình trong 'Menu nhanh') — Hình nền dành cho ứng dụng **Go to (Chọn)**.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Restore orig. theme (Khôi phục chủ đề gốc)** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

Chế độ màn hình chờ

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Phone (Trên máy) > Standby mode (Chế độ chờ) > Active standby (Chế độ chờ)**, và bấm  để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .

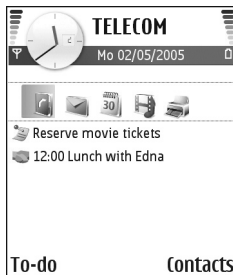
Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.

Để thay đổi các phím tắt của các ứng dụng mặc định:

- 1 Bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Phone (Trên máy) > Standby mode (Chế độ chờ) > Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ chờ)**, và bấm .

- 2 Tô sáng một phím tắt đến một ứng dụng và chọn **Options (Tùy chọn) > Change (Thay đổi)**.
- 3 Chọn một ứng dụng mới trong danh sách và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc . Nếu bạn đã cài âm lượng sang chế độ **Mute (Tắt âm)**, bạn không thể điều chỉnh âm lượng bằng phím di chuyển. Để điều chỉnh âm lượng, chọn **Unmute (Bật âm)**, và bấm  hoặc .

- 1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Bấm  để xóa một số điện thoại.
Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù đang có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts (Danh bạ)**, bấm  và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Di chuyển đến tên bạn muốn; hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Bấm  để gọi điện. Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call (Cuộc gọi thoại)**.

Bạn phải sao chép nội dung từ thẻ SIM vào **Contacts (Danh bạ)** trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này. Xem phần "**Sao chép số liên lạc**" trên trang 25.

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần "**Chuyển hướng cuộc gọi**" trên trang 110.

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Voice mail (Thư thoại) > Options (Tùy chọn) > Change number (Đổi số)**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi lại số vừa gọi khi ở chế độ chờ, bấm  để truy cập danh sách 20 số điện thoại mà bạn đã gọi hoặc cố gọi mới nhất. Di chuyển đến số điện thoại muốn gọi và bấm  để gọi số đó.

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options (Tùy chọn) > New call (Cuộc gọi mới)**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.

- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị)**.
 Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)**.
 Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
 Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Private (Riêng)**. Chọn một thành viên và chọn **Private (Riêng)**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)** để trở về cuộc gọi hội nghị.
 Để loại một thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Drop participant (Ngắt kết nối thành viên)**, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Drop (Ngắt kết nối)**.
- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Call (Gọi) > Speed dialling (Quay số nhanh) > On (Bật)**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2 — 9**), bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Speed dial (Quay số nhanh)**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại và chọn **Options (Tùy chọn) > Assign (Gán)**. **1** được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và .

Lệnh thoại

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cải tiến. Lệnh thoại cải tiến không tùy thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh ứng với một số liên lạc là tên hoặc biệt hiệu được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh được tổng hợp, mở thẻ liên lạc và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Play voice tag (Phát khẩu lệnh)**.

Gọi điện bằng khẩu lệnh



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- 1 Để khởi động chức năng quay số bằng khẩu lệnh, bấm và giữ . Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích qua phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now (Xin mời nói)** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 1,5 giây, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó.

Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next (Kế tiếp)** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit (Thoát)** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile (Di động)**, **Mobile (home) (Di động (nhà))**, **Mobile (business) (Di động (cơ quan))**, **Telephone (Điện thoại)**, **Tel. (home) (Điện thoại (nhà riêng))** và **Tel. (business) (Điện thoại (cơ quan))**.

Gọi điện video

Khi thực hiện cuộc gọi video, bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video thực, hoặc ảnh phim được quay bằng camera trên điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận trong cuộc gọi video.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương

thích hoặc một thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

Biểu tượng:

 Bạn không nhận được video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển).

 Bạn đã từ chối gửi tín hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần "Call settings (Cài đặt cuộc gọi)" trên trang 102.

- 1 Để khởi động cuộc gọi video, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ, hoặc chọn **Contacts (Danh bạ)** và chọn một số liên lạc.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Video call (Cuộc gọi video)**.

Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài. Thông báo **Waiting for image (Đang chờ hình)** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gửi tin nhắn thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video có hiệu lực khi bạn nhìn thấy ảnh video của hai bên và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh () , và trong trường hợp này, bạn sẽ nghe thấy

âm báo và nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

Để thay đổi giữa chế độ hiển thị phim hoặc chỉ nghe thấy âm thanh, chọn **Enable (Bật)/Disable (Vô hiệu) > Sending video (Đang gửi video), Sending audio (Đang gửi âm thanh) hoặc Sending audio & video (Đang gửi âm thanh & video)**.

Để phóng to/thu nhỏ hình ảnh của bạn, chọn **Zoom in (Phóng to) hoặc Zoom out (Thu nhỏ)**. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở trên đầu màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình phim đã gửi trên màn hình, chọn **Change image order (Đổi thứ tự hình ảnh)**.

Mặc dù bạn đã ngăn không gửi tín hiệu phim khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra việc tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Chia sẻ video

Sử dụng chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** (dịch vụ mạng) để gửi phim trực tuyến hoặc một đoạn video clip từ điện thoại di động của bạn đến

một điện thoại di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần mời người nhận cuộc gọi xem phim thực hoặc một đoạn video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.

Loa sẽ được kích hoạt khi bạn kích hoạt **Video sharing (Chia sẻ video)**. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe để tiếp tục cuộc gọi thoại trong khi truyền video. Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options (Tùy chọn) > Share video (Chia sẻ video) > Live (Trực tiếp)** hoặc **Clip (Đoạn)**.

Để ngưng chia sẻ phim, chọn **Stop (Ngừng)** hoặc đóng nắp trượt camera. Chức năng chia sẻ phim cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing (Chia sẻ video)** yêu cầu kết nối mạng UMTS (Hệ thống Viễn thông Di động Toàn cầu) 3G, khả năng sử dụng **Video sharing (Chia sẻ video)** tùy thuộc vào khả năng hỗ trợ 3G của mạng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết khả năng đáp ứng của mạng và chi phí liên quan đến việc sử dụng ứng dụng này. Để sử dụng **Video sharing (Chia sẻ video)** bạn phải:

- Bảo đảm chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** đã được cài vào điện thoại Nokia.
- Bảo đảm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần "**Cài đặt**" trên trang 18.
- Bảo đảm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần "**Cài đặt**" trên trang 18. Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngừng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục. Bạn sẽ không thể khởi động chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** khi không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS (ví dụ trong mạng GSM).
- Bảo đảm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UMTS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ nhưng người này tắt điện thoại, không nằm trong vùng phủ sóng của mạng UMTS hoặc chưa cài đặt chức năng Video sharing hoặc chưa thiết lập kết nối một chiều, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

Cài đặt

Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được biết là kết nối SIP. Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn. Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi các thông số cài đặt qua mạng hoặc gửi cho bạn một danh sách các thông số cần thiết.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Mở **Contacts (Danh bạ)** từ menu chính của điện thoại và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options (Tùy chọn) > Add detail (Thêm chi tiết) > Web address (Địa chỉ web)**. Nhập địa chỉ SIP theo định dạng sip: username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Chia sẻ video thực và video clip

Để nhận một phiên chia sẻ dữ liệu, người nhận phải cài đặt chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** và cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động của họ. Cả bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ dữ liệu.

- 1 Chọn **Options (Tùy chọn) > Share video (Chia sẻ video) > Live (Trực tiếp)** hoặc **Clip (Đoạn)**.

Nếu bạn chọn **Clip (Đoạn)**, danh sách các đoạn phim sẽ mở ra. Chọn một đoạn phim mà bạn muốn chia sẻ và chọn **Options (Tùy chọn) > Send invitation (Gửi lời mời)**.

- 2 Chọn địa chỉ SIP của người nhận mà bạn muốn gửi lời mời đến từ danh sách liên lạc. Nếu địa chỉ SIP của người nhận không có, nhập địa chỉ SIP vào.

- 3 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.

- 4 Chọn **Pause (Tạm ngưng)** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục việc chia sẻ. Nếu chia sẻ một đoạn phim, bạn có thể chỉnh lui về hoặc tiến nhanh về trước đoạn phim.

- 5 Để ngưng chia sẻ phim, chọn **Stop (Ngừng)** hoặc đóng nắp trượt camera. Chức năng chia sẻ phim cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu không được cài **Silent (Im lặng)**, điện thoại sẽ báo chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và điện thoại của bạn tắt hoặc bạn không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết mình nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, chọn một trong các tùy chọn sau:

Accept (Nhận) — để kích hoạt phiên chia sẻ dữ liệu.

Reject (Từ chối) — để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn cũng có thể bấm phím Kết thúc để từ chối chia sẻ dữ liệu và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop (Ngừng)**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời cuộc gọi, bấm .

Để tắt âm chuông báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence (Im lặng)**.

 **Mẹo!** Nếu tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím tai nghe để trả lời và kết thúc cuộc gọi.

Nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi, bấm  để từ chối cuộc gọi. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert settings (Cài đặt chuyển hướng cuộc gọi) > If busy (Nếu bận)** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần **"Chuyển hướng cuộc gọi"** trên trang 110.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn cũng có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options (Tùy chọn) > Send text message (Gửi tin nhắn văn bản)**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Xem thêm phần **Reject call with SMS (Từ chối cuộc gọi cùng với SMS)** trên trang 102.

Nếu bạn trả lời một cuộc gọi thoại khi đang có một cuộc gọi video, cuộc gọi video sẽ bị ngắt. Chức năng **Call waiting (Cuộc gọi chờ)** sẽ không có trong cuộc gọi video.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video,  sẽ hiển thị.

 **Mẹo!** Bạn có thể gán kiểu chuông cho cuộc gọi video. Bấm  và chọn **Profiles (Cấu hình)**.

Bấm  để trả lời cuộc gọi video.

Để gửi phim, hình ảnh phim trực tuyến, đoạn phim đã được quay, hoặc hình ảnh được chụp bằng camera của điện thoại sẽ hiển thị trên máy người gọi. Nếu bạn không kích hoạt cuộc gọi video, phim sẽ không được gửi và bạn sẽ nghe thấy một âm báo. Một màn hình màu xám sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh phim. Để thay màn hình xám bằng một hình tĩnh, xem phần "**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**" **Image in video call (Hình trong cuộc gọi video)**, trên trang 102.

Mặc dù bạn đã ngăn không gửi tín hiệu phim khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này sẽ vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra việc tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Call waiting (Cuộc gọi chờ)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting (Cuộc gọi chờ)** (dịch vụ mạng) trong **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Call (Gọi)** > **Call waiting (Cuộc gọi chờ)**.

 **Mẹo!** Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại được sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau (ví dụ, khi bạn muốn tắt âm thanh của điện thoại), xem phần "**Profiles (Cấu hình)** — **cài âm báo**" trên trang 9.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap (Hoán đổi)**. Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Transfer (Nối chuyển)** để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm . Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn)** > **End all calls (Kết thúc tất cả các cuộc gọi)**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options (Tùy chọn)** khi đang gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute (Tắt âm)** hoặc **Unmute (Bật âm)**, **Answer (Trả lời)**, **Reject**

(Tù chối), Swap (Hoán đổi), Hold (Giữ) hoặc Unhold (Nhả), Activate handset (Bật chế độ điện thoại), Activate loudsp. (Bật loa), hoặc Activate handsfree (Bật chức năng nói chuyện trực tiếp qua loa) (nếu bộ tai nghe Bluetooth tương thích được gắn vào), End active call (Kết thúc cuộc gọi hiện tại) hoặc End all calls (Kết thúc tất cả các cuộc gọi), New call (Cuộc gọi mới), Conference (Hội nghị), và Transfer (Nối chuyển). Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace (Thay thế) — để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (Gửi MMS) (chỉ trong mạng UMTS) — Để gửi một hình ảnh hoặc phim trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

Send DTMF (Gửi DTMF) — để gửi các chuỗi âm DTMF (ví dụ mật mã). Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts (Danh bạ)**. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm * liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number (Số điện thoại)** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.

Các tùy chọn trong khi gọi điện video

Chọn **Options (Tùy chọn)** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Hold (Giữ)** hoặc **Disable (Vô hiệu)** (phim, âm thanh hoặc cả hai), **Activate handset (Bật chế độ điện thoại)** (nếu có gắn kèm theo tai nghe Bluetooth), **Activate loudsp. (Bật loa)**, hoặc **Activate handsfree (Bật chức năng nói chuyện trực tiếp qua loa)** (nếu chỉ tai nghe với kết nối Bluetooth được gắn kèm), **End active call (Kết thúc cuộc gọi hiện tại)**, **Change image order (Đổi thứ tự hình ảnh)**, **Zoom in (Phóng to)/Zoom out (Thu nhỏ)**, và **Help (Trợ giúp)**.



Log (Nhật ký)

Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)

Để kiểm soát các số điện thoại của các cuộc gọi bị nhớ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)** > **Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhớ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

 **Mẹo!** Khi bạn thấy thông báo về các cuộc gọi bị nhỡ ở chế độ chờ, chọn **Show (Hiển thị)** để vào danh sách các cuộc gọi bị nhỡ. Để gọi lại, di chuyển đến một tên hoặc số và bấm .

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi mới nhất, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear recent calls (Xóa các cuộc gọi gần đây)** trong giao diện các cuộc gọi mới nhất. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa và chọn **Options (Tùy chọn) > Clear list (Xóa danh sách)**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration (Thời lượng cuộc gọi)

Để kiểm soát thời lượng xấp xỉ của các cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đi, bấm , và chọn **My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Call duration (Thời lượng cuộc gọi)**.

 **Lưu ý:** Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear timers (Xóa bộ đếm giờ)**. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần **"Security (Bảo mật)", "Phone and SIM (Máy và thẻ SIM)"** trên trang 107.

Packet data (Dữ liệu gói)

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận qua các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Packet data (Dữ liệu gói)**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

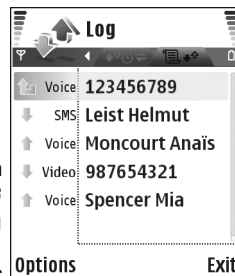
Các biểu tượng trong **Log (Nhật ký)**:

 Sự kiện đến

 Sự kiện đi

 Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại và video, tin nhắn văn bản hoặc những phiên kết nối dữ liệu được điện thoại ghi lại, bấm , chọn **My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký)**, và bấm phím di chuyển sang phải để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.



 **Mẹo!** Nếu bạn muốn kiểm soát thời lượng của cuộc gọi thoại trên màn hình chính trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Show call duration (Hiển thị thời lượng cuộc gọi) > Yes (Có)**.

 **Mẹo!** Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm  và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Sent (Đã gửi)**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để lọc nhật ký, chọn **Options (Tùy chọn) > Filter (Lọc)** và chọn một bộ lọc.

Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và các báo cáo gửi tin nhắn cố định, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear log (Xóa nhật ký)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.

Để cài **Log duration (Thời lượng nhật ký)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Log duration (Thời lượng nhật ký)**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log (Không có nhật ký)**, tất cả

nội dung, nhật ký cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện và bấm phím di chuyển.

 **Mẹo!** Trong giao diện chi tiết, bạn có thể sao chép một số điện thoại và dán vào tin nhắn văn bản chẳng hạn. Chọn **Options (Tùy chọn) > Copy number (Copy số)**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem có bao nhiêu dữ liệu, được tính bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack. (Gói)**, và chọn **Options (Tùy chọn) > View details (Xem chi tiết)**.



Số liên lạc (danh bạ điện thoại)

Bấm và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Trong **Contacts (Danh bạ)**, bạn có thể thêm vào kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail đến nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**" trên trang 57. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin liên lạc từ các thiết bị tương thích.

Mẹo! Thường xuyên sao lưu thông tin trên điện thoại vào một thẻ nhớ tương thích. Bạn có thể lưu thông tin, chẳng hạn như các số liên lạc, vào điện thoại sau. Xem phần "**Công cụ dùng cho thẻ nhớ**" trên trang 6. Bạn cũng có thể sử dụng Nokia PC Suite để lưu dự phòng số liên lạc của bạn vào máy PC tương thích. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **New contact (Số liên lạc mới)**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done (Xong)**.



Mẹo! Nếu bạn sử dụng chức năng chia sẻ video (dịch vụ mạng) với một số liên lạc, lưu địa chỉ giao thức phiên họp của đối tác (SIP) vào trường **Web address (Địa chỉ web)** của thẻ liên lạc. Nhập địa chỉ SIP theo định dạng sip: username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**, chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn các số liên lạc và bấm để xóa.

 **Mẹo!** Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor có sẵn trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa) > Options (Tùy chọn) > Add thumbnail (Thêm hình nhỏ)**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)**, **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Xem phần "Nhắn tin" trên trang 49 và phần "Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth" trên trang 89.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào thẻ liên lạc. Bằng cách này, nếu một đối tượng liên lạc sử dụng nhiều số điện thoại hoặc địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi đi hay gửi tin nhắn đến đối tượng đó qua một số điện thoại hoặc địa chỉ nhất

định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- 1 Trong danh bạ, hãy chọn một số liên lạc và bấm .
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Defaults (Mặc định)**.
- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào **Assign (Gán)**.
- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Sao chép số liên lạc

Nếu các số điện thoại được lưu trên thẻ SIM, hãy sao chép chúng vào **Contacts (Danh bạ)**. Các mục chỉ được lưu trên thẻ SIM sẽ không được hiển thị trong danh mục liên lạc, và cho các cuộc gọi và tin nhắn gửi đến, điện thoại không thể tìm thấy các số điện thoại trùng khớp với tên.

Khi thẻ SIM mới được gắn vào điện thoại và bạn mở chức năng **Contacts (Danh bạ)** lần đầu tiên, bạn sẽ được hỏi bạn có muốn sao chép các mục liên lạc trên thẻ SIM vào bộ nhớ máy hay không. Chọn **Yes (Có)** để sao chép các mục đó vào danh mục liên lạc của bạn.

Để sao chép các tên và số điện thoại riêng từ thẻ SIM vào điện thoại của bạn, bấm  và chọn **Contacts (Danh bạ) > Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Các số liên lạc trên SIM) > SIM directory (Thư mục thẻ SIM)**. Chọn tên bạn muốn sao chép và chọn **Options (Tùy chọn) > Copy to Contacts (Copy vào Danh bạ)**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm  và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và **Options (Tùy chọn) > Copy to SIM direct. (Copy vào thư mục thẻ SIM)**, hoặc **Options (Tùy chọn) > Copy (sao chép) > To SIM directory (Tới thư mục thẻ SIM)**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

SIM directory (Thư mục thẻ SIM) và các dịch vụ SIM khác

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm  và chọn **Contacts (Danh bạ) > Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Các số liên lạc trên SIM) >**

SIM directory (Thư mục thẻ SIM) để xem các tên và số điện thoại được lưu trên thẻ SIM. Trong danh mục SIM, bạn có thể thêm, chỉnh sửa hoặc sao chép các số điện thoại vào danh bạ và thực hiện cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Các số liên lạc trên SIM) > Fixed dialling contacts (Các số liên lạc quay số ẩn định)**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options (Tùy chọn) > Activ. fixed dialling (Kích hoạt gọi số ẩn định)**.

Để thêm số mới vào danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options (Tùy chọn) > New SIM contact (Số liên lạc mới trên SIM)**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling (Gọi số ẩn định)**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc, hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Bấm **Options (Tùy chọn) > Ringing tone (Kiểu chuông)**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone (Âm mặc định)** trong danh sách các kiểu chuông.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts (Danh bạ)**, bấm  để mở danh sách nhóm.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > New group (Nhóm mới)**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định, và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm và chọn **Options (Tùy chọn) > Add members (Thêm thành viên)**.

- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.

- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options (Tùy chọn) > Rename (Đổi tên)**, nhập vào tên mới và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
 - 2 Di chuyển đến số liên lạc và chọn **Options (Tùy chọn) > Remove from group (Xóa khỏi nhóm)**.
 - 3 Chọn **Yes (Có)** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.
-  **Mẹo!** Để kiểm tra một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc và chọn **Options (Tùy chọn) > Belongs to groups (Thuộc các nhóm)**.

Camera và gallery (Bộ sưu tập)



Camera

Điện thoại Nokia N70 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt sau của điện thoại, và camera với độ phân giải thấp hơn trên nằm ở mặt trước của điện thoại. Cả hai đều có chức năng chụp ảnh và quay phim.

Để kích hoạt camera mặt sau, mở nắp ống kính camera ở mặt sau của điện thoại. Ứng dụng **Camera** sẽ khởi động khi camera được kích hoạt và bạn có thể quan sát hình ảnh trước khi chụp. Để sử dụng camera mặt trước, chọn **Options (Tùy chọn) > Use second. camera (Dùng camera phụ)**.

Trong **Camera**, bạn có thể chụp hình và quay phim. Để chuyển giữa hai chế độ chụp hình và quay phim, chọn **Options (Tùy chọn) > Image mode (Chế độ hình)** hoặc **Video mode (Chế độ video)**.

Các hình ảnh và đoạn phim đã quay sẽ được tự động lưu vào ứng dụng **Gallery (Bộ sưu tập)**. Camera sẽ tạo ra các hình ảnh dạng .jpeg và các đoạn phim được thu lại dưới dạng 3GPP với phần mở rộng .3gp (các chế độ chất lượng phim **Normal (Bình thường)** và **Sharing (Chia sẻ)**) hoặc định dạng

file .mp4 (chế độ chất lượng phim **High (Cao)**). Xem phần **"Cài đặt video"** trên trang 35. Bạn cũng có thể gửi các hình ảnh hoặc phim dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail hoặc sử dụng tính năng kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Bạn có thể chèn hình vào thẻ liên lạc. Xem phần **"Lưu tên và số điện thoại"** trên trang 24.

Điện thoại Nokia N70 hỗ trợ hình chụp với độ phân giải lên đến 1600 x 1200 pixel sử dụng camera ở mặt sau. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Chụp hình

Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi chụp hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Image setup (Cài đặt hình) > Shooting mode (Chế độ chụp), Flash, White balance (Cân bằng trắng), hoặc Colour tone (Tông màu)**. Xem phần **"Điều chỉnh ánh sáng và màu sắc"** trên trang 32 và phần **"Chế độ chụp"** trên trang 32.

 **Mẹo!** Bạn có thể bấm phím  hoặc sử dụng phím chụp camera (nằm ở cạnh bên phải của điện thoại) để chụp hình.

Các chỉ báo camera cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📶) và thẻ nhớ (💾) (1) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (2) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ chứa trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích.
- Chỉ báo chế độ (3) hiện chế độ đang được kích hoạt. Xem phần "[Chế độ chụp](#)" trên trang 32.
- Chỉ báo đèn flash (4) cho biết chế độ đèn flash là **Automatic (Tự động)** (🔧), **On/forced (Bật/Bắt buộc)** (🔧), hoặc **Off (Tắt)** (🔧).
- Chỉ báo độ phân giải (5) cho biết chất lượng hình ảnh được chọn. Xem phần "[Điều chỉnh cài đặt camera hình ảnh](#)" trên trang 31.
- Chỉ báo chế độ liên tiếp (6) cho biết chế độ liên tiếp đã được kích hoạt. Xem phần "[Chụp hình liên tiếp](#)" trên trang 30.



- Chỉ báo chụp tự động (7) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần "[Chụp tự động — Self-timer](#)" trên trang 30.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng chỉnh tỉ lệ, ánh sáng hoặc màu sắc.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Nên sử dụng cả hai tay để giữ camera yên.
- Để chụp hình hoặc quay phim trong các điều kiện khác nhau, sử dụng chế độ hợp lý cho từng điều kiện. Xem phần "[Chế độ chụp](#)" trên trang 32.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong 1 phút. Để tiếp tục chụp hình, bấm 🔄.

Sau khi chụp ảnh, bạn nên lưu ý các vấn đề sau:

- Nếu bạn không muốn giữ hình lại, bấm 🗑️.
- Để gửi hình, bấm 📧 và chọn **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, bấm 📶. Để biết thêm thông tin, xem chương "[Nhắn tin](#)" trên trang 49 và "[Kết nối Bluetooth](#)" trên trang 88. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.

- Để gửi hình cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Send to caller (Gửi tới người gọi)**.
- Để chỉnh sửa hình ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần "**Chỉnh sửa hình ảnh**" trên trang 33.
- Để in hình đã chụp, chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**. Xem phần "**In hình ảnh**" trên trang 42.

Chụp hình liên tiếp

Để cài camera chụp hình liên tiếp chỉ với một lần bấm phím  hoặc phím chụp camera, chọn **Options (Tùy chọn) > Sequence mode (Chế độ chụp liên tiếp)**. Nếu bạn bấm và giữ phím  hoặc phím chụp camera, việc chụp hình sẽ tiếp tục cho đến khi bạn thả phím ra. Bạn có thể chụp tới đa 100 hình, tùy thuộc vào bộ nhớ hiện có.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp tuần tự với **Activate self timer (Bật chụp tự động)**. Xem phần "**Chụp tự động — Self-timer**" trên trang 30. Nếu chế độ chụp tự động được kích hoạt, bạn có thể chụp tới đa 6 hình.

Hình chụp sẽ được tự động lưu vào **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Chụp tự động — Self-timer

Sử dụng chế độ chụp tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp ảnh của mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate self timer (Bật chụp tự động) > 10 seconds (10 giây.)**, **20 seconds (20 giây.)**, hoặc **30 seconds (30 giây.)**. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn **Activate (Khởi động)**. Chỉ báo chụp tự động () sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định. Bạn cũng có thể sử dụng **Activate self timer (Bật chụp tự động)** trong chế độ chụp tuần tự. Xem phần "**Chụp hình liên tiếp**" trên trang 30.

Đèn flash

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn flash. Không sử dụng đèn flash khi ở gần người hoặc động vật. Không che đèn flash khi đang chụp hình.

Camera mặt sau được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash gồm: **Automatic (Tự động)** ()^A, **On/forced (Bật/Bắt buộc)** ()^A, và **Off (Tắt)** ()^A).

Chọn **Options (Tùy chọn) > Image setup (Cài đặt hình) > Flash > On/forced (Bật/Bắt buộc)** để sử dụng đèn flash.

Nếu đèn flash được cài ở chế độ **Off (Tắt)** hoặc **Automatic (Tự động)** trong điều kiện đủ ánh sáng, đèn flash vẫn phát ra luồng sáng cường độ thấp khi chụp ảnh. Điều này cho phép đối tượng được chụp hình biết được khi nào chụp xong. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi chụp.

Điều chỉnh cài đặt camera hình tĩnh

Có hai kiểu cài đặt dành cho camera hình tĩnh: Cài đặt **Image setup (Cài đặt hình)** và cài đặt chính. Để điều chỉnh cài đặt **Image setup (Cài đặt hình)**, xem phần **"Điều chỉnh ánh sáng và màu sắc"** trên trang 32. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn các tùy chọn sau:

Image quality (Chất lượng ảnh) — **High - Print (Cao - In)**, **Med. - E-mail (Trung bình - E-mail)**, hoặc **Low - Multimedia (Thấp - Đa phương tiện)**. Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ. Nếu bạn muốn in hình ảnh, chọn **High -**

Print (Cao - In) (độ phân giải 1600x1200). Nếu bạn muốn gửi hình qua e-mail, chọn **Med. - E-mail (Trung bình - E-mail)** (độ phân giải 1024x768). Để gửi hình qua MMS, chọn **Low - Multimedia (Thấp - Đa phương tiện)** (độ phân giải 640x480).



Chú giải: Độ phân giải là một giá trị đo độ sắc nét và độ rõ của một hình ảnh. Độ phân giải nói đến số lượng điểm ảnh (pixel) trong một hình. Càng nhiều điểm ảnh, hình càng chi tiết và càng chiếm nhiều bộ nhớ.

Add to album (Thêm vào album) — Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh vào một album trong bộ sưu tập. Nếu bạn chọn **Yes (Có)**, danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

Extended zoom (Zoom mở rộng) — Chọn **On (Bật)** nếu bạn muốn đạt được zoom tối đa nhưng độ phân giải của hình sẽ thấp hơn.

Show captured image (Hiển thị ảnh đã chụp) — Chọn **Yes (Có)** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp hoặc chọn **No (Không)** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.

Default video name (Tên video mặc định) — Đặt tên mặc định cho những hình bạn sẽ chụp. Bạn có thể thay ngày tháng bằng tên hình riêng của bạn (ví dụ 'Holiday_2004').

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Điều chỉnh ánh sáng và màu sắc

Để cho phép camera tái hiện màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm các hiệu ứng vào hình ảnh hoặc phim, chọn **Options (Tùy chọn) > Image setup (Cài đặt hình)** hoặc **Video setup (Cài đặt video)**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Shooting mode (Chế độ chụp) — chọn một chế độ phù hợp với môi trường mà bạn đang chụp ảnh. Xem phần "**Chế độ chụp**" trên trang 32. Mỗi chế độ sử dụng thông số cài đặt độ sáng riêng đã được điều chỉnh theo loại môi trường nhất định.

Flash (chỉ dành cho hình và camera mặt sau) — Cài đèn flash sang chế độ **Automatic (Tự động)**, **On/forced (Bật/Bắt buộc)**, hoặc **Off (Tắt)**. Xem phần "**Đèn flash**" trên trang 30.

White balance (Cân bằng trắng) (chỉ dành cho camera mặt sau) — Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Colour tone (Tông màu) (chỉ dành cho camera mặt sau) — Chọn hiệu ứng màu trong danh sách.

Bất kỳ thay đổi nào cũng được thể hiện một cách tương ứng qua màn hình, giúp bạn quan sát ảnh hưởng của sự thay đổi của hình ảnh hoặc phim.

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng camera. Nếu bạn chọn một chế độ mới, cài đặt sẽ được thay thế bằng cài đặt của chế độ được chọn. Xem phần "**Chế độ chụp**" trên trang 32. Nếu bạn cần thay đổi thông số cài đặt, bạn có thể thay đổi sau khi chọn chế độ.

Chế độ chụp

Chế độ chụp sẽ giúp bạn tìm thông số cài đặt ánh sáng và màu sắc đúng cho môi trường hiện tại. Chọn chế độ phù hợp để chụp hình hoặc quay phim từ danh sách các chế độ. Cấu hình cho từng chế độ được thiết lập theo mẫu hiện tại hoặc môi trường hình được chụp. Chọn **Options (Tùy chọn) > Image setup (Cài đặt hình)/Video setup (Cài đặt video) > Shooting mode (Chế độ chụp)**:

Chế độ video

Normal (Bình thường) () (mặc định) — Sử dụng chế độ này trong mọi điều kiện.

Night (Đêm) () — Sử dụng chế độ này trong các điều kiện ánh sáng yếu.

Chế độ hình ảnh

Automatic (Tự động) () (mặc định) — Sử dụng chế độ này trong mọi điều kiện.

User defined (Do người dùng tạo) () — Sử dụng chế độ này để tạo một chế độ được cá nhân hóa với các thông số cài đặt đèn flash, white balance, exposure value và colour tone của riêng bạn.

Portrait (Chân dung) () — Sử dụng chế độ này để chụp hình chân dung, ví dụ như chế độ ngồi và phần đầu.

Landscape (Phong cảnh) () — Sử dụng chế độ này khi bạn muốn chụp các đối tượng ở xa.

Night (Đêm) () — Sử dụng chế độ này trong các điều kiện ánh sáng yếu.

Sport (Thể thao) () — Sử dụng chế độ này để chụp hình của các đối tượng di chuyển nhanh. Khi bạn sử dụng chế độ này, độ phân giải của hình ảnh sẽ giảm từ 1600x1200 xuống 800x600. Xem **Image quality (Chất lượng ảnh)** trên trang 31.

Khi chụp hình, chế độ mặc định là **Automatic (Tự động)**. Tuy nhiên, nếu bạn chọn chế độ **User defined (Do người dùng tạo)** nó sẽ được cài làm chế độ mặc định.

Để tạo chế độ cho riêng bạn phù hợp với một môi trường nhất định, chọn **User defined (Do người dùng**

tạo). Trong chế độ người sử dụng, bạn có thể điều chỉnh các tùy chọn **Based on mode (Dựa trên chế độ)**, **Flash, White balance (Cân bằng trắng)**, **Colour tone (Tông màu)**, và **Reset user mode (Cài lại chế độ người dùng)**. Để sao chép cài đặt của một chế độ khác, chọn **Based on mode (Dựa trên chế độ)** và chọn chế độ theo ý muốn.

Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa hình ảnh sau khi chụp xong, hoặc các hình ảnh đã được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)**.

Chọn **Apply effect (Áp dụng hiệu ứng)** để cắt và xoay hình; điều chỉnh độ sáng, màu sắc, độ tương phản, độ nén và độ phân giải; và thêm vào các hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật hoặc khung cho hình chụp.

Để cắt ảnh, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Apply effect (Áp dụng hiệu ứng)** > **Crop (Cắt)**. Chọn **Manual (Thủ công)** để cắt kích thước hình theo cách thủ công, hoặc chọn một tỷ lệ co từ danh sách. Nếu bạn chọn **Manual (Thủ công)**, dấu thập sẽ xuất hiện ở góc trái phía trên của hình. Để di chuyển dấu thập, và chọn vùng sẽ được cắt, di chuyển phím di chuyển. Chọn **Set (Cài)**. Một dấu thập khác sẽ xuất

hiện ở góc dưới bên phải. Chọn lại vùng sẽ được cắt, và chọn **Crop (Cắt)**.

Để thêm hình mẫu vào ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Clip-art (Hình mẫu)**. Chọn mục bạn muốn thêm trong danh sách, và bấm . Để di chuyển, xoay, và thay đổi kích thước của mục, chọn **Options (Tùy chọn) > Move (Di chuyển), Resize (Chỉnh kích thước), hoặc Rotate (Xoay)**.

Để thêm văn bản vào ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Text (Văn bản)**. Nhập văn bản vào, và chọn **OK**. Để chỉnh sửa văn bản, chọn **Options (Tùy chọn) > Move (Di chuyển), Resize (Chỉnh kích thước), Rotate (Xoay), hoặc Select colour (Chọn màu)**.

Các phím tắt trong chế độ chỉnh sửa hình ảnh:

- Để xem một ảnh ở chế độ toàn màn hình, bấm *****. Để trở lại xem bình thường, nhấn ***** lần nữa.
- Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm **5** và **0**.

Quay phim

Để chuyển giữa hai chế độ chụp hình và quay phim, chọn **Options (Tùy chọn) > Image mode (Chế độ hình)** hoặc **Video mode (Chế độ video)**. Mở giao diện **Video mode (Chế độ video)**.

Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi quay phim, chọn **Options (Tùy chọn) > Video setup (Cài đặt video) > Scene (Cảnh), White balance (Cân bằng trắng), hoặc Colour tone (Tông màu)**. Xem phần **"Điều chỉnh ánh sáng và màu sắc"** trên trang 32.

Để chọn một chế độ, chọn **Options (Tùy chọn) > Video setup (Cài đặt video) > Shooting mode (Chế độ chụp)**. Xem phần **"Chế độ chụp"** trên trang 32.

- 1 Bấm  để bắt đầu quay phim. Ký hiệu quay  sẽ xuất hiện. Đèn LED sẽ sáng, và một âm thanh sẽ phát ra cho biết đối tượng đang được quay. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi quay.
- 2 Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, chọn **Pause (Tạm ngưng)**. Biểu tượng tạm ngưng () nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay phim tự động ngưng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút.
- 3 Chọn **Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục quay phim.
- 4 Chọn **Stop (Ngừng)** để ngừng quay phim. Đoạn phim sẽ được tự động lưu vào thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** của **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần **"Gallery (Bộ sưu tập)"** trên trang 39.

Các chỉ báo máy quay phim cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📶) và thẻ nhớ (💾) (1) cho biết nơi lưu trữ đoạn phim.
- Chỉ báo chiều dài đoạn phim hiện thời (2) hiển thị thời gian đã dùng và thời gian còn lại.
- Chỉ báo chế độ (3) hiện chế độ đang được kích hoạt. Xem phần "[Chế độ chụp](#)" trên trang 32.
- Chỉ báo micro (4) cho biết micro đã được tắt tiếng.
- Chỉ báo chất lượng video (5) cho biết chất lượng video được chọn.



Sau khi quay xong một đoạn phim:

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.
- Nếu bạn không muốn giữ lại đoạn phim, bấm **[X]**.
- Để trở về chế độ kính ngắm để quay đoạn phim mới, bấm **[OK]**.
- Để gửi phim, bấm **[Menu]** và chọn **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Để biết thêm thông tin, xem phần "[Nhắn tin](#)" trên trang

49 và "[Kết nối Bluetooth](#)" trên trang 88. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.

- Để gửi một đoạn phim cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Send to caller (Gửi tới người gọi)**.
- Để chỉnh sửa đoạn phim, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần "[Biên tập các đoạn video clip](#)" trên trang 36.

Cài đặt video

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay phim: Cài đặt **Video setup (Cài đặt video)** và cài đặt chính. Để điều chỉnh cài đặt **Video setup (Cài đặt video)**, xem phần "[Điều chỉnh ánh sáng và màu sắc](#)" trên trang 32. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn các tùy chọn sau:

Audio recording (Đang ghi âm) — Chọn **On (Bật)** nếu bạn muốn ghi lại cả hình ảnh và âm thanh.

Video quality (Chất lượng video) — Cài đặt chất lượng của đoạn phim sang **High (Cao)**, **Normal (Bình thường)**, hoặc **Sharing (Chia sẻ)**. Nếu bạn chọn **High (Cao)** hoặc **Normal (Bình thường)**, thời gian quay sẽ giới hạn ở khoảng một giờ với không gian hiện có cho mỗi đoạn phim. Nếu bạn muốn

xem đoạn video trên TV hoặc trên máy PC, chọn chất lượng phim **High (Cao)** với độ phân giải CIF (352x288) và định dạng file .mp4.

Bạn không thể gửi các đoạn video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Nếu bạn muốn xem các đoạn phim trên điện thoại di động, chọn **Normal (Bình thường)**, với độ phân giải QCIF (176x144) và định dạng file .3gpp. Để gửi đoạn phim qua MMS hoặc qua tin chia sẻ phim, chọn **Sharing (Chia sẻ)** (độ phân giải QCIF, định dạng file .3gpp). Xem phần "**Chia sẻ video**" trên trang 16.

Đoạn phim **Normal (Bình thường)** được giới hạn trong khoảng 300 KB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Tuy nhiên, một số mạng chỉ hỗ trợ gửi các tin nhắn đa phương tiện với kích thước tối đa 100 KB. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin.

Add to album (Thêm vào album) — Chọn lưu hoặc không lưu đoạn video clip vào một album trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Chọn **Yes (Có)** để mở danh sách các album hiện có.

Show captured video (Hiển thị video đã quay) — Chọn xem bạn có muốn đoạn video clip sẽ được phát tự động sau khi quay xong.

Default video name (Tên video mặc định) — Xác định tên hoặc chọn ngày.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Xác định bộ nhớ mặc định: bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Biên tập các đoạn video clip

Bạn có thể chỉnh sửa đoạn video clip trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Để chỉnh sửa các đoạn phim và tạo các đoạn video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một đoạn video clip và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)**. Để hiệu chỉnh các đoạn video clip, kết hợp và cắt cảnh các đoạn phim và thêm vào hình ảnh, tập tin âm thanh, các đoạn chuyển cảnh, và hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn phim.

Trong chế độ biên tập phim, bạn có thể thấy hai thanh thời gian: một dành cho đoạn video clip và một dành cho file âm thanh. Nếu bạn thêm hình ảnh, văn bản hoặc đoạn chuyển cảnh vào một đoạn video clip, chúng sẽ được hiển thị trên thanh thời gian của đoạn video clip. Để chuyển đến một thanh thời gian, di chuyển sang trái hoặc phải. Để chuyển giữa các thanh thời gian, di chuyển lên hoặc xuống.

Biên tập phim, âm thanh, hình ảnh, văn bản và đoạn chuyển cảnh

Để tạo các đoạn video clip tùy chỉnh, đánh dấu và chọn một hoặc nhiều đoạn video clip, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Bấm  và  để chuyển giữa đoạn video clip và tập tin âm thanh.

Để chỉnh sửa phim, chọn một trong các tùy chọn sau:

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip):

Cut (Cắt) — Cắt đoạn video clip trong giao diện cut video clip.

Add colour effect (Thêm hiệu ứng màu) — Chèn hiệu ứng màu cho đoạn video clip.

Use slow motion (Sử dụng quay chậm) — Làm giảm tốc độ chiếu của đoạn video clip.

Mute sound (Tắt âm)/Unmute sound (Bật âm) — Tắt hoặc mở âm thanh của đoạn phim gốc.

Move (Di chuyển) — Di chuyển đoạn phim đến vị trí đã chọn.

Remove (Xóa) — Xóa đoạn video clip khỏi phim.

Duplicate (Nhân bản) — Tạo bản sao của đoạn video clip đã chọn.

Edit text (Chỉnh sửa văn bản) (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm văn bản vào) — Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi văn bản; thay đổi màu và kiểu văn bản; xác định thời gian văn bản hiển thị trên màn hình; và thêm một số hiệu ứng cho văn bản.

Edit image (Chỉnh sửa hình) (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm hình ảnh vào) — Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi hình; xác định thời gian hình sẽ hiển thị trên màn hình; và cài nền hoặc hiệu ứng màu cho hình ảnh.

Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh):

Cut (Cắt) — Cắt file âm thanh trong giao diện cut sound clip.

Move (Di chuyển) — Di chuyển tập tin âm thanh đến vị trí đã chọn.

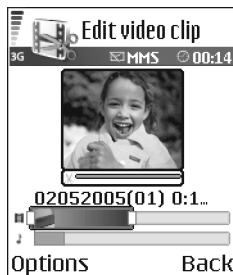
Remove (Xóa) — Xóa file âm thanh ra khỏi đoạn phim.

Duplicate (Nhân bản) — Tạo bản sao của tập tin âm thanh đã chọn.

Set duration (Cài thời lượng) — Thay đổi độ dài của file âm thanh.

Edit transition (Chỉnh sửa đoạn chuyển cảnh)

— Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu phim, ở cuối phim, và ở giữa các đoạn phim. Đoạn chuyển cảnh ở đầu đoạn phim có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của phim đang được bật.

**Insert (Chèn):**

Video clip (File hình ảnh) — Để chèn đoạn video clip đã chọn. Màn hình chính sẽ hiển thị một hình thu nhỏ ứng với đoạn phim. Hình thu nhỏ chính là cảnh phim có hình đầu tiên của đoạn phim đó. Tên và chiều dài của đoạn phim được chọn cũng được hiển thị.

Image (Hình ảnh) — Chèn hình ảnh đã chọn vào. Một hình thu nhỏ sẽ hiển thị trên màn hình chính.

Text (Văn bản) — Chèn văn bản vào đoạn video clip. Bạn có thể chèn tiêu đề, phụ đề hoặc danh sách những người đã thực hiện đoạn phim này.

Sound clip (Đoạn âm thanh) — Chèn tập tin âm thanh đã chọn vào. Tên và chiều dài của tập tin âm thanh được chọn cũng được hiển thị trong màn hình chính.

New sound clip (File âm thanh mới) — Ghi âm tập tin âm thanh mới vào vị trí đã chọn.

Movie (Phim) — Xem trước movie ở chế độ toàn màn hình hoặc dưới dạng hình thu nhỏ, lưu lại hoặc gửi movie, hoặc cắt đoạn movie với kích thước hợp lý để gửi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.

💡 **Mẹo!** Để chụp hình các cảnh trong đoạn video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Take snapshot (Chụp cảnh)** trong giao diện xem trước hình thu nhỏ hoặc cut video.

Để lưu phim của bạn, chọn **Options (Tùy chọn) > Movie (Phim) > Save (Lưu lại)**. Để xác định **Memory in use (Chọn bộ nhớ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**. Mặc định là bộ nhớ máy.

💡 **Mẹo!** Trong giao diện **Settings (Cài đặt)**, bạn có thể xác định **Default video name (Tên video mặc định)**, **Default sc. shot name (Tên cảnh mặc định)**, **Resolution (Độ phân giải)**, và **Memory in use (Chọn bộ nhớ)**.

Chọn **Send (Gửi) > Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)** nếu bạn muốn gửi phim. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc nhà điều hành mạng để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu đoạn phim của

bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, ✉ sẽ xuất hiện.

💡 **Mẹo!** Nếu muốn gửi một đoạn video clip với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua Bluetooth. Xem phần "[Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth](#)" trên trang 89. Bạn cũng có thể chuyển các đoạn phim vào máy PC sử dụng công nghệ vô tuyến Bluetooth hoặc sử dụng một thiết bị đọc thẻ nhớ (phụ kiện nâng cấp).



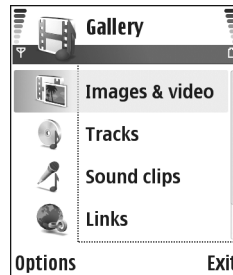
Gallery (Bộ sưu tập)

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, đoạn phim, tập tin âm thanh, danh mục bài hát, liên kết xem các nội dung phát trực tuyến, bấm , và chọn **Gallery (Bộ sưu tập)**. Để mở bộ sưu tập trong ứng dụng **Camera**, chọn **Options (Tùy chọn) > Go to Gallery (Đến Bộ sưu tập)**. Trong **Camera**, chỉ có thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**.



Mẹo! Để chuyển từ **Gallery (Bộ sưu tập)** sang camera, chọn **Camera** trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**.

Chọn **Images & video (Hình ảnh & video)** , **Tracks (Đoạn nhạc)** , **Sound clips (File âm thanh)** , **Links (Liên kết)** , hoặc **All files (Tất cả các tập tin)** , và bấm  để mở ra.



Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục; đánh dấu chọn, sao chép và chuyển các mục vào thư mục. Các video clip, các tập tin .ram, và các đường dẫn trực tuyến sẽ được mở ra và phát trong ứng dụng RealPlayer. Xem phần "[RealPlayer™](#)" trên trang 43. Các đoạn nhạc được phát và quản lý trong ứng dụng máy nghe nhạc. Xem phần "[Máy nghe nhạc](#)" trên trang 81.



Mẹo! Bạn có thể truyền hình ảnh từ điện thoại đến máy PC tương thích bằng trình Nokia Phone Browser hiện có trong phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Để sao chép hoặc chuyển các tập tin vào một thẻ nhớ tương thích hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options (Tùy chọn) > Organise (Sắp xếp) > Copy to memory card (Sao chép vào thẻ nhớ)/Move to memory card (Đời vào thẻ nhớ)** hoặc **Copy to phone mem. (Sao chép vào bộ nhớ điện thoại)/Move to phone mem. (Đời vào bộ nhớ điện thoại)**. Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .

Để tải tập tin về **Gallery (Bộ sưu tập)** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downls. (Đồ họa tải xuống từ mạng)**, hoặc **Video downlds. (Video tải xuống từ mạng)**, **Track downlds. (Đoạn nhạc tải xuống từ mạng)**, hoặc **Sound downlds. (Các tải xuống âm thanh)**. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Xem hình ảnh và các đoạn video clip

Hình chụp và các đoạn video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Chất lượng của đoạn phim được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:  (High),  (Normal), và  (Sharing). Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và đoạn phim dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, hoặc qua tính năng kết nối Bluetooth. Để có thể xem một hình hoặc đoạn phim

nhận được trong bộ sưu tập hoặc trong media player, bạn phải lưu nó vào trong bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Mở thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Hình ảnh và đoạn video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được xếp theo ngày tháng. Số tập tin có thể được nhìn thấy trên màn hình. Để trình duyệt tập tin, di chuyển sang trái hoặc phải. Bấm và giữ  hoặc  để trình duyệt các tập tin trong vòng liên tục.

Để chỉnh sửa hình hoặc đoạn video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc phim sẽ mở ra.

Để tiết kiệm khoảng trống trong bộ nhớ sau khi in hoặc tải hình lên, đồng thời vẫn giữ hình cỡ nhỏ trong điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Shrink (Thu nhỏ)**.

Để thêm một hình ảnh hoặc một đoạn video clip vào album trong bộ sưu tập, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to album (Thêm vào album)**. Xem phần **"Album"** trên trang 41.

Để tạo các đoạn video clip tùy chỉnh, chọn một hoặc vài đoạn video clip trong bộ sưu tập và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần **"Biên tập các đoạn video clip"** trên trang 36.

Để in hình ảnh bằng máy in được nối với điện thoại, hoặc để lưu hình vào thẻ nhớ tương thích của bạn để in, chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**. Xem phần **"In hình ảnh"** trên trang 42.

Để chỉnh tỉ lệ hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Zoom in (Phóng to)**. Tỉ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ hiển thị ở phía trên màn hình. Tỉ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để xóa hình hoặc đoạn video clip, bấm **C**.

Trình chiếu

Sử dụng **Slide show (Trình chiếu)** để xem các hình ảnh và đoạn video clip ở chế độ toàn màn hình.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Start (Bắt đầu)** — để khởi động trình chiếu.
- **Play (Phát)** — để mở ứng dụng RealPlayer.
- **Pause (Tạm ngưng)** — để tạm ngưng trình chiếu.
- **Continue (Tiếp tục)** — để tiếp tục trình chiếu.
- **End (Kết thúc)** — để đóng trình chiếu.

Bấm **⏮** (nhANH HƠN) hoặc **⏭** (CHẬM HƠN) để điều chỉnh **Tempo (Nhịp độ)**. Bấm **⏮** (trước đó) hoặc **⏭** (kế tiếp) để xem các hình thu nhỏ.

Để thêm âm thanh vào trình chiếu, chọn **Options (Tùy chọn) > Slide show (Trình chiếu) > Music settings (Cài đặt nhạc)** và chọn các tùy chọn sau:

- **Music (Nhạc)** — Chọn **On (Bật)**, hoặc **Off (Tắt)**.
- **Track (Đoạn nhạc)** — Chọn một tập tin nhạc trong danh sách.
- **Volume (Âm lượng)** — Bấm **🔊** để giảm âm lượng hoặc **🔊** để tăng âm lượng.

Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và các đoạn phim một cách thuận tiện. Để xem danh sách album, trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album)**. Album sẽ được xếp theo thứ tự abc. Để xem nội dung của một album, bấm **📁**.

Để tạo một album mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New album (Album mới)**. Đặt tên cho album và chọn **OK**.

Để thêm hình hoặc một đoạn video clip vào album trong bộ sưu tập, di chuyển đến một hình hoặc đoạn phim và chọn **Options (Tùy chọn) > Add to album (Thêm vào album)**. Một danh sách các album sẽ mở ra. Chọn album mà bạn muốn thêm hình hoặc đoạn phim vào và bấm **📁**.

Để xóa một tập tin trong album, bấm **C**. Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Imaging (Hình ảnh)

In hình ảnh

Để in hình bằng **Image print (In ảnh)**, chọn tùy chọn in trong bộ sưu tập, camera, trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc giao diện hình ảnh.

Chọn **Image print (In ảnh)** để in hình ảnh của bạn sử dụng cáp dữ liệu USB tương thích, kết nối Bluetooth, hoặc thẻ nhớ tương thích.

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpeg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ được tự động lưu ở dạng .jpg.

Để in bằng máy in hỗ trợ PictBridge, chọn tùy chọn in trước khi bạn nối cáp USB.

Chọn hình bạn muốn in và chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Chọn máy in

Khi bạn sử dụng chức năng **Image print (In ảnh)** lần đầu tiên, danh sách các máy in hiện có sẽ hiển thị sau khi bạn chọn hình ảnh. Chọn máy in bạn muốn sử dụng. Máy in sẽ được cài làm máy in mặc định. Nếu bạn đã kết nối một máy in tương thích với

PictBridge sử dụng cáp dữ liệu tương thích, ví dụ Nokia Connectivity Cable CA-53, máy in sẽ tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị.

Xem trước bản in

Màn hình xem trước bản in chỉ mở khi bạn bắt đầu in một hình ảnh trong bộ sưu tập hoặc ở chế độ chờ.

Hình ảnh mà bạn đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không đủ để trình bày trên một trang đơn, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size (Kích cỡ giấy)**, chọn khổ giấy trong danh sách và bấm **OK**. Chọn **Cancel (Hủy)** để quay về màn hình trước đó.

Bấm  và chọn **Imaging (Hình ảnh) > RealPlayer**. Với trình **RealPlayer**, bạn có thể xem lại các đoạn video clip, nghe tập tin âm thanh, danh sách nhạc hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu liên kết này vào bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích.

RealPlayer hỗ trợ các dạng tập tin có phần mở rộng như .aac, .awb, .m4a, .mid, .mp3, và .wav. Tuy nhiên, **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này. Ví dụ như, **RealPlayer** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền tải các tập tin âm nhạc từ điện thoại vào một thẻ nhớ tương thích bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Phát đoạn video clip hoặc đoạn âm thanh

- 1 Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích, chọn **Options (Tùy chọn) > Open (Mở)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Most recent clips (Những đoạn nhạc mới nhất) — để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlayer**.

Saved clip (Đoạn nhạc đã lưu) — để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**" trên trang 39.

- 2 Di chuyển đến một tập tin và bấm  để phát tập tin đó.

 **Mẹo!** Để xem một đoạn phim ở chế độ toàn màn hình, bấm . Bấm một lần nữa để trở về chế độ màn hình bình thường.

Các biểu tượng trong **RealPlayer**:  — Repeat;  — Random;  — Lặp lại và ngẫu nhiên; và  — Tắt loa.

Tạo danh sách bài nhạc

Để tạo danh sách các bài nhạc trên bộ nhớ điện thoại hoặc trên một thẻ nhớ tương thích:

- 1 Chọn **Options (Tùy chọn) > New track list (Danh sách đoạn nhạc mới)**.
- 2 Chọn bộ nhớ mà bạn muốn chọn các bài nhạc.
- 3 Đặt tên cho danh sách bài nhạc.
- 4 Chọn các bài nhạc bạn muốn thêm vào danh sách.
- 5 Chọn **Back (Trở về)**. Danh sách bài nhạc sẽ tự động phát.

 **Mẹo!** Để thoát khỏi một ứng dụng đang mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm  hai lần để trở về chế độ chờ. Để trở về ứng dụng, bấm  và chọn **RealPlayer**.

Các phím tắt trong khi chạy chương trình:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt âm, bấm và giữ  cho đến khi chỉ báo  hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ  cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Trong ứng dụng **RealPlayer**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://. Tuy nhiên, **RealPlayer** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một liên kết đến nội dung trực tuyến trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, trên trang Web, hoặc nhận liên kết trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu nạp nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlayer** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"** trên trang 57. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Video — để **RealPlayer** tự động phát lại các đoạn video clip đã phát xong.

Audio settings (Cài đặt âm thanh) — để chọn bật hoặc tắt chế độ phát lặp lại các danh mục âm thanh và phát các tập tin âm thanh trong danh mục âm thanh theo thứ tự ngẫu nhiên.

Connection settings (Cài đặt kết nối) — để chọn sử dụng một máy chủ proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và xác định khoảng thời gian chờ và khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận các cài đặt phù hợp.

Proxy settings (Cài đặt proxy):

Use proxy (Sử dụng proxy) — Để sử dụng máy chủ proxy, chọn **Yes (Có)**.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Nhập địa chỉ IP của máy chủ proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng của máy chủ proxy.



Chú giải: Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các tập tin âm thanh hoặc các đoạn video clip.

Network settings (Cài đặt mạng):

Default access point (Điểm truy cập mặc định) — Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

Online time (Thời gian trực tuyến) — Cài thời lượng để **RealPlayer** ngắt khỏi mạng khi bạn đã ngưng phát tập tin media qua liên kết mạng, chọn **User defined (Do người dùng tạo)**, và bấm . Nhập thời gian vào, và chọn **OK**.

Lowest UDP port (Cổng UDP thấp nhất) — Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị cực tiểu là 6970.

Highest UDP port (Cổng UDP cao nhất) — Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị cực đại là 32000.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



Movie director (Đạo diễn phim)

Để tạo muvee, bấm , và chọn **Imaging (Hình ảnh)** > **Movie (Phim)**. Mueves là các đoạn phim ngắn được biên tập có chứa phim, nhạc và văn bản. **Quick muvee (mueve nhanh)** đã được tự động tạo bằng **Movie director (Đạo diễn phim)** sau khi bạn đã chọn kiểu mueve. **Movie director (Đạo diễn phim)** sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Mỗi kiểu có đặc điểm riêng về phông chữ, màu sắc, nhạc và giai điệu. Trong **Custom muvee (Mueve tùy chỉnh)** bạn có thể chọn các đoạn phim và các đoạn nhạc riêng, hình ảnh và kiểu thể hiện, đồng thời thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi mueve trong tin nhắn đa phương tiện.

Mở **Movie (Phim)**, và bấm hoặc để chuyển qua lại giữa hai giao diện và . Bạn cũng có thể trở về giao diện chính từ giao diện bằng cách chọn **Done (Xong)**.

Giao diện có chứa một danh sách các đoạn phim mà bạn có thể **Play (Phát)**, **Send (Gửi)**, **Rename (Đổi tên)** và **Delete (Xóa)**.

Tạo quick muvee

- 1 Trong giao diện **Movie (Phim)**, chọn **Quick muvee (mueve nhanh)**.
- 2 Chọn một kiểu mueve trong danh sách. Mueve đã tạo sẽ được lưu trong danh sách **Movie director (Đạo diễn phim)**. Mueve sẽ tự động phát sau khi lưu lại.

Mẹo! Để tải các kiểu mới về điện thoại, chọn **Style downlds. (Các kiểu chương trình tải từ mạng)** (dịch vụ mạng) trong giao diện **Movie director (Đạo diễn phim)**.

Tạo mueve tùy chỉnh

- 1 Trong giao diện **Movie (Phim)**, chọn **Custom muvee (Mueve tùy chỉnh)**.
- 2 Chọn clip mà bạn muốn thêm vào mueve của bạn trong **Video**, **Image (Hình ảnh)**, **Style (Kiểu)**, hoặc **Music (Nhạc)**.

Sau khi bạn đã chọn các đoạn video clip và hình ảnh, để xác định thứ tự mà các tập tin sẽ được phát trong mueve, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Advanced options (Tùy chọn nâng cao)**. Để chọn tập tin bạn muốn chuyển, bấm phim di chuyển. Sau đó, di chuyển đến tập tin mà sau đó bạn muốn thay thế bằng tập tin được đánh dấu, và bấm phim di chuyển.

Để cắt các đoạn video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Select contents (Chọn nội dung)**. Xem phần "**Chọn nội dung**" trên trang 47.

Trong **Message (Tin nhắn)** bạn có thể thêm đoạn văn bản mở đầu và kết thúc cho muvee.

- 3 Chọn **Create muvee (Tạo muvee)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) — để tối ưu độ dài của muvee khi gửi trong tin nhắn đa phương tiện.

Auto-select (Chọn tự động) — để bao gồm tất cả các hình ảnh và các đoạn phim được chọn trong muvee.

Same as music (Giống như nhạc) — để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn.

User defined (Do người dùng tạo) — để xác định độ dài đoạn muvee.

- 4 Chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Để xem trước các đoạn muvee tùy chỉnh trước khi gửi, trong giao diện **Preview muvee (Xem trước muvee)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.

Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options (Tùy chọn) > Recreate (Tạo lại)**.

Chọn nội dung

Sau khi chọn hình ảnh và các đoạn video clip cho muvee, bạn có thể chỉnh sửa các đoạn video clip được chọn. Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Options (Tùy chọn) > Select contents (Chọn nội dung)**. Bạn có thể chọn những phần của đoạn video clip nào sẽ được thêm vào hoặc loại ra trong muvee. Một thanh trượt bên dưới màn hình phim sẽ cho biết các phần được thêm vào, loại ra và những phần được trung lập bằng các màu: màu xanh lá cây là phần được thêm vào, màu đỏ là phần được loại ra và màu xám là các phần trung lập.

Để thêm một phần của đoạn phim vào muvee, di chuyển đến phần đó và chọn **Options (Tùy chọn) > Include (Bao gồm)**.

Để loại một phần ra khỏi đoạn phim, di chuyển đến phần đó và chọn **Options (Tùy chọn) > Exclude (Loại trừ)**.

Để ứng dụng **Movie director (Đạo diễn phim)** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên một phần của đoạn phim, di chuyển đến phần đó và chọn **Options (Tùy chọn) > Mark as neutral (Đánh dấu là trung lập)**.

Để loại trừ một cảnh trong đoạn phim, chọn **Options (Tùy chọn) > Exclude shot (Loại trừ cảnh)**.

Để ứng dụng **Movie director (Đạo diễn phim)** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên các phần của đoạn video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Mark all as neutral (Đánh dấu tất cả là trung lập)**.

Cài đặt

Chọn **Settings (Cài đặt)** để chỉnh sửa các tùy chọn sau:

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn nơi lưu các muvee của bạn.

Resolution (Độ phân giải) — Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn.

Default muvee name (Tên muvee mặc định) — Đặt tên mặc định cho các muvee.



Nhắn tin

Bấm  và chọn **Messaging (Nhắn tin)**. Trong phần **Messaging (Nhắn tin)** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và tổ chức các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu nhờ tính năng kết nối Bluetooth, nhận tin nhắn dịch vụ Web, tin nhắn quảng bá và gửi các lệnh dịch vụ.

Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Khi bạn mở **Messaging (Nhắn tin)**, bạn có thể nhìn thấy chức năng **New message (Tin nhắn mới)** và một danh sách các thư mục:

 **Inbox (Hộp thư đến)** — Chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox (Hộp thư)**.

 **My folders (Thư mục riêng)** — Để sắp xếp các tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.

 **Mailbox (Hộp thư)** — Trong **Mailbox (Hộp thư)**, bạn có thể kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin nhắn e-mail đã được tải về trước trong chế độ offline. Xem phần **"E-mail"** trên trang 64.

 **Drafts (Nháp)** — Lưu các tin nháp chưa được gửi đi.

 **Sent (Đã gửi)** — Lưu 20 tin nhắn được gửi gần đây nhất, ngoại trừ những tin nhắn gửi đi nhờ tính năng kết nối Bluetooth. Để thay đổi số tin nhắn sẽ được lưu, xem phần **"Other settings (Cài đặt khác)"** trên trang 67.

 **Outbox (Hộp thư đi)** — Là nơi lưu tạm thời các tin nhắn đang chờ gửi.

 **Reports (Báo cáo)** — Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

 **Mẹo!** Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, bạn có thể chuyển đổi giữa các thư mục bằng cách bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options (Tùy chọn) > Service command (Lệnh dịch vụ)** trong màn hình chính của phần **Messaging (Nhắn tin)**.

Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá) (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging (Nhắn tin)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)**. Trong giao diện chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, số hiệu của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu (►) cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

Kiểu nhập văn bản truyền thống

ABC, **abc**, và **Abc** cho biết kiểu chữ được chọn.
123 cho biết kiểu số.

✎ sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

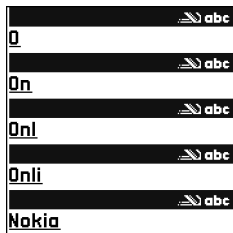
- Bấm một phím số (**1 — 9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Để nhập số, bấm và giữ phím số.
- Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ #.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm ⌂ để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào).
- Để xóa một ký tự, bấm **[]**. Bấm và giữ **[]** để xóa nhiều ký tự.
- Các dấu chấm câu phổ biến nhất có trong **1**. Bấm **1** nhiều lần cho đến khi tìm đúng dấu chấm câu bạn cần.
Bấm * để mở danh sách các ký tự đặc biệt. Sử dụng ⌂ để di chuyển qua danh sách và chọn một ký tự.

- Để chèn khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.
- Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

Kiểu nhập văn bản tiên đoán — từ điển

Bạn chỉ cần nhấn mỗi phím một lần để nhập bất kỳ ký tự nào. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm vào từ mới. Khi từ điển đầy, từ được thêm vào mới nhất sẽ thay thế từ cũ nhất.

- 1 Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Dictionary on (Mở từ điển)**. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các chế độ chỉnh sửa trong điện thoại.  sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.
- 2 Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2 — 9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ "Nokia" bằng từ điển tiếng



Anh đã chọn, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a.

Từ định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.

- 3 Khi bạn viết đúng một từ, để xác nhận lại, bấm , hoặc bấm **0** để chèn khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm ***** nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm , và chọn **Dictionary (Từ điển) > Matches (Các từ khác)**.

Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell (Thêm)**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- 4 Bắt đầu viết từ kế tiếp.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi sử dụng kiểu nhập tiên đoán

Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**. Nếu bạn bấm nhanh **#** hai lần, máy sẽ tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán.

 **Mẹo!** Kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ cố gắng đoán dấu chấm câu thông dụng nào (.,?!') cần dùng. Thử tự và tính khả dụng của các dấu câu tùy thuộc vào ngôn ngữ trong từ điển.

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ #.

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**. Bấm **1** rồi bấm * liên tục để tìm dấu chấm câu bạn cần.

Bấm và giữ * để mở danh sách các ký tự đặc biệt.

Bấm * liên tục để xem từng từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy.

Bấm , chọn **Dictionary (Từ điển)**, và bấm  để chọn một trong các tùy chọn sau:

Matches (Các từ khác) — Xem danh sách các từ tương thích với các phím bấm.

Insert word (Điền từ) — Thêm một từ vào từ điển sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

Edit word (Sửa từ) — Chỉnh sửa từ sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Tính năng này chỉ có hiệu lực đối với từ đang được dùng (được gạch chân).

 **Mẹo!** Khi bạn bấm , các tùy chọn sau sẽ xuất hiện (tùy thuộc vào chế độ chỉnh sửa): **Dictionary (Từ điển)** (kiểu nhập văn bản tiên đoán), **Alpha mode (Chế độ alpha)** (kiểu nhập văn bản truyền thống), **Number mode (Kiểu nhập số)**, **Cut (Cắt)** (nếu văn bản đã được chọn), **Copy (sao chép)** (nếu văn bản đã được chọn), **Paste (Dán)** (nếu trước đó văn bản đã được cắt hoặc sao chép), **Insert number (Điền số)**, **Insert symbol (Điền ký hiệu)**, và **Writing language: (Ngôn ngữ viết:)** (thay đổi ngôn ngữ nhập văn bản đối với tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại).

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm  để chèn khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Bấm , và chọn **Dictionary (Từ điển)** > **Off (Tắt)** để tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán dùng cho tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại.

Sao chép văn bản

- 1 Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng lúc, bấm  hoặc . Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.
- 2 Để sao chép văn bản, trong khi đang giữ , chọn **Copy (sao chép)**.
- 3 Để chèn văn bản vào một tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste (Dán)**, hoặc bấm  một lần, và chọn **Paste (Dán)**. Để chọn các dòng chữ, bấm và giữ . Cùng lúc, bấm  hoặc . Để xóa đoạn văn bản được chọn trong tài liệu, bấm .

Soạn và gửi tin nhắn

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

-  **Mẹo!** Bạn có thể soạn một tin nhắn từ bất kỳ ứng dụng nào có tùy chọn **Send (Gửi)**. Chọn một tập tin (hình ảnh hoặc văn bản) sẽ thêm vào tin nhắn, và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)**.

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần "[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)" trên trang 55 và phần "[E-mail](#)" trên trang 64.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

- 1 Chọn **New message (Tin nhắn mới)**. Danh sách các tùy chọn tin nhắn sẽ mở ra.
Text message (Tin nhắn văn bản) — để gửi tin nhắn văn bản.
Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) — để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS).
E-mail — để gửi e-mail. Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này.
- 2 Bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Bấm * để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ.

 **Mẹo!** Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Bạn có thể đánh dấu chọn nhiều người nhận cùng lúc.

- 3 Bấm  để di chuyển đến trường người nhận.
- 4 Viết tin nhắn.
- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert object (Chèn đối tượng) > Image (Hình ảnh), Sound clip (Đoạn âm thanh), hoặc Video clip (Đoạn hình ảnh)**. Khi âm thanh được thêm vào,  sẽ hiển thị.

Bạn không thể gửi các đoạn phim được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần "[Cài đặt video](#)" trên trang 35.

- 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn âm thanh hoặc phim mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert new (Chèn mới) > Image (Hình ảnh), Sound clip (Đoạn âm thanh), hoặc Video clip (File**



hình ảnh). Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide (Trang)**.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Preview (Xem trước)** để xem qua trước các tin đa phương tiện.

- 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert (Chèn) > Image (Hình ảnh), Sound clip (Đoạn âm thanh), Video clip (Đoạn hình ảnh), hoặc Note (Ghi chú)**. Các tập tin đính kèm theo e-mail sẽ được chỉ báo bằng  trên thanh di chuyển.

 **Mẹo!** Để gửi các tập tin không phải là âm thanh hoặc ghi chú, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via e-mail (Qua e-mail)**.

- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)**, hoặc bấm .

Điện thoại hỗ trợ việc gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10(2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong thư mục **Outbox (Hộp thư đi)** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox (Hộp thư đi)** với trạng thái **Failed (Không thành công)**.

 **Mẹo!** Trong phần **Messaging (Nhắn tin)** bạn cũng có thể tạo các tập tin trình chiếu và gửi chúng dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Trong màn hình trình biên tập tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Create presentation (Tạo phần trình bày)** (chỉ hiển thị trong trường hợp **MMS creation mode (Chế độ tạo MMS)** được cài ở trạng thái **Guided (Được hướng dẫn)** hoặc **Free (Bộ nhớ còn trống)**). Xem phần "**Tin nhắn đa phương tiện**" trên trang 63.

 **Mẹo!** Khi bạn gửi một tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail hoặc một điện thoại có khả năng thu nhận những hình ảnh kích thước lớn, hãy chọn ảnh có kích thước lớn để gửi đi. Nếu bạn không chắc chắn rằng thiết bị nhận, hoặc mạng có hỗ trợ gửi các tập tin kích thước lớn hay không, bạn nên sử dụng hình ảnh có kích thước nhỏ hơn hoặc đoạn ghi âm có độ dài không quá 15 giây. Để thay đổi thông số cài đặt, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) > Image size (Kích cỡ hình)** trong cửa sổ chỉnh của phần **Messaging (Nhắn tin)**.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**" trên trang 57.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Nhập các thông số cài đặt MMS theo cách thủ công:

- 1 Chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Access points (Điểm truy cập)**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần "**Connection settings (Cài đặt kết nối)**" trên trang 103.
- 2 Chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) > Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng)** và điểm truy cập bạn tạo sẽ được dùng làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần "**Tin nhắn đa phương tiện**" trên trang 63.

Để có thể gửi, nhận, tải về, hồi âm, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "[Connection settings \(Cài đặt kết nối\)](#)" trên trang 103.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Xem phần "[E-mail](#)" trên trang 64. Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Hộp thư đến — nhận tin nhắn

Các biểu tượng trong **Inbox (Hộp thư đến)**: — tin nhắn chưa đọc trong **Inbox (Hộp thư đến)**; — tin nhắn văn bản chưa đọc; — tin đa phương tiện chưa đọc; — dữ liệu nhận được qua tính năng kết nối Bluetooth.

Khi bạn nhận tin nhắn, và thông báo **1 new message (1 tin nhắn mới)** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Chọn **Show (Hiển thị)** để mở tin nhắn. Để mở tin nhắn trong **Inbox (Hộp thư đến)**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Tin nhắn đa phương tiện



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được thông báo bạn có tin nhắn đa phương tiện mới được lưu trên trung tâm tin nhắn đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve (Tải tin)**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện (), bạn có thể thấy một hình ảnh và một thông báo, đồng thời nghe một âm hiệu phát qua loa (sẽ hiển thị trong trường hợp có kèm âm thanh). Nhấp vào mũi tên trên biểu tượng để nghe âm thanh đó.

Để biết tin nhắn đa phương tiện có kèm theo những loại đối tượng media nào, mở tin nhắn, và chọn **Options (Tùy chọn) > Objects (Đối tượng)**. Bạn có thể chọn lưu một tập tin chứa đối tượng đa phương tiện vào điện thoại của bạn hoặc gửi tập tin này đi, ví dụ như qua tính năng kết nối Bluetooth đến một thiết bị tương thích khác.

Để xem các trình chiếu đa phương tiện nhận được, chọn **Options (Tùy chọn) > Play presentation (Phát diễn thuyết)**.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại của bạn có thể nhận nhiều loại tin nhắn văn bản có chứa dữ liệu () , còn được gọi là tin nhắn qua mạng vô tuyến (OTA):

Configuration message (Tin nhắn cấu hình) —

Bạn có thể nhận tin nhắn văn bản chứa các thông tin cấu hình như số dịch vụ, số hộp thư thoại, thông số cài đặt điểm truy cập Internet, cài đặt mã script đăng nhập điểm truy cập hoặc cài đặt e-mail do nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty của bạn gửi đến dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options (Tùy chọn) > Save all (Lưu tất cả)**.

Business card (Danh thiếp) — Để lưu các thông tin này vào **Contacts (Danh bạ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Save business card (Lưu danh thiếp)**.

Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone (Kiểu chuông) — Để lưu kiểu chuông, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Operator logo (Logo mạng) — Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Calendar entry (Mục nhập lịch) — Để lưu lời mời, chọn **Options (Tùy chọn) > Save to Calendar (Lưu sang lịch)**.

Web message (Tin nhắn Web) — Để lưu chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang Web, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to bookmarks (Thêm vào chỉ mục)**. Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options (Tùy chọn) > Save all (Lưu tất cả)**.

E-mail notification (Thông báo e-mail) — Thông báo cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

 **Mẹo!** Nếu bạn nhận một tập tin vCard có kèm theo ảnh, ảnh đó sẽ được lưu vào danh bạ.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web () là những thông báo văn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



My folders

Trong **My folders (Thư mục riêng)**, bạn có thể sắp xếp tin nhắn của bạn trong các thư mục, tạo thư mục mới, đổi tên và xóa thư mục.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng các đoạn văn trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn bạn thường gửi.



Mailbox

Nếu bạn chọn **Mailbox (Hộp thư)** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Xem phần **"E-mail"** trên trang 64. Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox (Hộp thư)** trong cửa sổ chính của phần **Messaging (Nhắn tin)**. Bạn có thể tạo đến tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, bạn có thể chọn xem các e-mail đã tải về trước đây và tiêu đề e-mail ở chế độ không trực tuyến hoặc kết nối với server e-mail.

Khi bạn di chuyển đến hộp thư và bấm , máy sẽ hỏi bạn có muốn **Connect to mailbox? (Kết nối vào hộp thư?)**.

Chọn **Yes (Có)** để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu gói. Xem thêm phần **"Connection settings (Cài đặt kết nối)"** trên trang 103.

Chọn **No (Không)** để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái không trực tuyến, chọn **Options (Tùy chọn) > Connect (Kết nối)** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve e-mail (Nhận e-mail)**.
New (Mới) — để tải tất cả các e-mail mới về điện thoại của bạn.
Selected (Đã chọn) — để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu.

All (Tất cả) — để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư.

Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel (Hủy)**.

- 2 Sau khi bạn đã tải e-mail về, bạn vẫn có thể xem chúng trực tuyến hoặc chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail ở trạng thái không trực tuyến.

Biểu tượng tình trạng e-mail:

 E-mail mới (ở chế độ không trực tuyến hoặc trực tuyến): phần nội dung chưa được tải về điện thoại của bạn.

 E-mail mới: phần nội dung đã được tải về điện thoại của bạn.

 Tin nhắn e-mail đã đọc.

 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.

- 3 Để mở một tin nhắn e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về (mũi tên trên biểu tượng sẽ hướng ra phía ngoài) và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm được chỉ báo bởi , và chọn **Options (Tùy chọn) > Attachments (Tập tin đính kèm)**. Nếu biểu tượng đính kèm bị mờ, điều này có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại của bạn; chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve**

(Tải tin). Trong **Attachments (Tập tin đính kèm)**, bạn có thể tải về, mở, lưu hoặc xóa tập tin đính kèm. Bạn cũng có thể gửi các tập tin đính kèm bằng cách sử dụng tính năng kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Nếu hộp thư của bạn sử dụng giao thức IMAP4, bạn có thể qui định bao nhiêu e-mail sẽ được tải về, và có tải về các tập tin đính kèm hay không. Xem phần **"E-mail"** trên trang 64. Với giao thức POP3, các tùy chọn sẽ gồm **Headers only (Chỉ tiêu đề)**, **Partially (kB) (Một phần (kB))**, hoặc **Msgs. & attaches. (Thư và tập tin đính kèm)**.

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải tin nhắn về, chọn **Options (Tùy chọn) > E-mail settings (Cài đặt e-mail) > Automatic retrieval (Nhận tự động) > Header retrieval (Nhận tiêu đề)**. Chọn **Always on (Luôn bật)** hoặc **Only in home net. (Chỉ trong mạng chủ)**, và xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Trong **Delete msg. from: (Xóa tin nhắn trong:)**, chọn **Phone only (Chỉ trên máy)**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa trước, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

 **Mẹo!** Để sao chép một e-mail từ hộp thư từ xa vào một thư mục trong **My folders (Thư mục riêng)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Copy to folder (Copy vào thư mục)**, một thư mục trong danh sách và **OK**.

Để xóa e-mail trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Trong **Delete msg. from: (Xóa tin nhắn trong:)**, chọn **Phone and server (Điện thoại và server)**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lẫn trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp () , và chọn **Options (Tùy chọn) > Undelete (Hủy xóa)**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)** để ngắt kết nối dữ liệu gói với hộp thư từ xa.

 **Mẹo!** Nếu bạn duy trì kết nối với hộp thư, e-mail mới đến (**Headers only (Chỉ tiêu đề)** dưới dạng mặc định) sẽ được tải tự động từ hộp thư từ xa về điện thoại (chỉ trong trường hợp máy chủ hỗ trợ chức năng IMAP IDLE). Để duy trì ứng dụng nhắn tin chạy ẩn, bấm  hai lần. Việc duy trì kết nối có thể làm tăng cước phí cuộc gọi do việc truyền nhận dữ liệu vẫn được tiếp tục.

Xem tin nhắn e-mail khi ở trạng thái không trực tuyến

Khi bạn mở **Mailbox (Hộp thư)** trong lần kế tiếp và bạn muốn xem và đọc tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, bạn trả lời **No (Không)** cho câu hỏi **Connect to mailbox? (Kết nối vào hộp thư?)**. Bạn có thể đọc các phần tiêu đề e-mail, nội dung của những tin nhắn e-mail đã tải về trước đó hoặc cả hai. Bạn cũng có thể soạn e-mail mới, trả lời hoặc chuyển tiếp e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối hộp thư kế tiếp.



Outbox — các tin nhắn chờ gửi

Outbox (Hộp thư đi) là vùng lưu trữ tạm thời dành cho các tin nhắn chờ được gửi đi.

Tình trạng tin nhắn trong **Outbox (Hộp thư đi)**:

Sending (Đang gửi) — Đang kết nối và đang gửi tin nhắn đi.

Waiting (Đang chờ)/Queued (Đã xếp hàng) — Tin nhắn sẽ được gửi khi các tin nhắn trước có cùng kiểu đã được gửi.

Resend at (Gửi lại vào lúc) (giờ) — Điện thoại sẽ gửi lại tin nhắn sau thời gian nghỉ. Chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)** để bắt đầu gửi lại tin nhắn ngay lập tức.

Deferred (Trạng thái chờ) — Bạn có thể cài tài liệu sang trạng thái chờ khi chúng đang được lưu trong **Outbox (Hộp thư đi)**. Di chuyển đến tin nhắn đang được gửi đi và chọn **Options (Tùy chọn) > Defer sending (Gửi trễ)**.

Failed (Không thành công) — Đã đạt số lần tối đa được phép gửi đi. Tin nhắn không gửi được. Nếu bạn đang cố gắng gửi một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này và kiểm tra xem các tùy chọn gửi tin có đúng hay không.



Ví dụ: Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messaging (Nhắn tin)**, chọn **Options (Tùy chọn) > SIM messages (Tin nhắn trên thẻ SIM)**.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Mark/Unmark (Đánh dấu/Bỏ đánh dấu) > Mark (Chọn)** hoặc **Mark all (Đánh dấu tất cả)** để đánh dấu tin nhắn.
- 3 Chọn **Options (Tùy chọn) > Copy (sao chép)**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Chọn một thư mục và chọn **OK** để bắt đầu sao chép. Mở thư mục để xem các tin nhắn.

Cài đặt tin nhắn

Tin nhắn văn bản

Chọn **Messaging (Nhắn tin)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Text message (Tin nhắn văn bản)**.

Message centres (Trung tâm nhắn tin) — Liệt kê tất cả các trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Msg. centre in use (Trung tâm nhắn tin đang sử dụng) — Chọn trung tâm nhắn tin nào sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Receive report (Nhận báo cáo) — Để yêu cầu mạng gửi báo cáo cho tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng). Khi cài sang **No (Không)**, chỉ tình trạng **Sent (Đã gửi)** sẽ được hiển thị trong nhật ký. Xem phần "**Log (Nhật ký)**" trên trang 21.

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Nếu không kết nối đến được người nhận tin nhắn trong một khoảng thời gian nhất định, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin. Mạng phải hỗ trợ tính năng này. **Maximum time (Thời gian tối đa)** là thời gian tối đa mạng cho phép.

Message sent as (Tin nhắn được gửi dưới dạng) — Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred connection (Kết nối ưu tiên) — Bạn có thể gửi các tin nhắn văn bản qua mạng GSM thông thường hoặc dưới dạng dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần "**Connection settings (Cài đặt kết nối)**" trên trang 103.

Reply via same ctr. (Trả lời qua cùng trung tâm nhắn tin) — Chọn **Yes (Có)** nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Thêm trung tâm nhắn tin văn bản mới

- 1 Chọn **Message centres (Trung tâm nhắn tin)** > **Options (Tùy chọn)** > **New msg. centre (Trung tâm nhắn tin mới)**.
- 2 Bấm , nhập tên cho trung tâm nhắn tin, và chọn **OK**.
- 3 Bấm  và , và nhập số trung tâm nhắn tin. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cấp cho bạn số này.
- 4 Chọn **OK**.

- 5 Để sử dụng các cài đặt mới, trở về màn hình cài đặt. Di chuyển đến **Msg. centre in use (Trung tâm nhắn tin đang sử dụng)**, và chọn trung tâm nhắn tin mới.

Tin nhắn đa phương tiện

Chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)**.

Image size (Kích cỡ hình) — Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện. Các tùy chọn gồm **Original (Gốc)** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode (Chế độ tạo MMS)** được cài ở trạng thái **Guided (Được hướng dẫn)** hoặc **Free (Bộ nhớ còn trống)**), **Small (Nhỏ)**, và **Large (Lớn)**. Chọn **Original (Gốc)** để làm tăng kích thước của tin nhắn đa phương tiện.

MMS creation mode (Chế độ tạo MMS) — Nếu bạn chọn **Guided (Được hướng dẫn)**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Chọn **Restricted (Bị hạn chế)**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) (Must be defined (Phải được xác định)) — Chọn điểm truy cập nào sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) — Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về mạng chủ, chọn **Aut. in home network (Tự động trong mạng chủ)**. Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo bạn có tin nhắn đa phương tiện mới được lưu trên trung tâm tin nhắn đa phương tiện. Bạn có thể chọn nếu bạn muốn tải tin nhắn về điện thoại.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, chi phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) > Always automatic (Luôn tự động)**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. messages (Cho phép tin nhắn匿 danh) — Chọn **No (Không)** nếu bạn không muốn nhận các tin nhắn匿 danh.

Receive adverts (Nhận tin nhắn quảng cáo) — Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report (Nhận báo cáo) — Chọn **Yes (Có)** nếu bạn muốn hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending (Từ chối gửi báo cáo) — Chọn **Yes (Có)** nếu bạn không muốn điện thoại của bạn gửi những báo cáo gửi tin của các tin nhắn đa phương tiện đã nhận.

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Nếu không kết nối được với người nhận tin nhắn trong một khoảng thời gian nhất định, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Mạng phải hỗ trợ tính năng này. **Maximum time (Thời gian tối đa)** là thời gian tối đa mạng cho phép.

 **Mẹo!** Bạn cũng có thể nhận được các thông số cài đặt đa phương tiện và e-mail từ nhà cung cấp dịch vụ của bạn qua tin nhắn cấu hình. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" trên trang 57.

E-mail

Chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > E-mail**, hoặc trong cửa sổ chính của hộp thư, chọn **Options (Tùy chọn) > E-mail settings (Cài đặt e-mail)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Mailbox in use (Hộp thư thoại đang dùng) — Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Mailboxes (Hộp thư) — Sẽ mở danh sách các hộp thư đã được xác nhận. Nếu không có hộp thư nào được xác nhận, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau: **Mailbox settings (Cài đặt hộp thư)**, **User settings (Cài đặt người dùng)**, và **Automatic retrieval (Nhận tự động)**.

Mailbox settings (Cài đặt hộp thư):

Mailbox name (Tên hộp thư) — Đặt tên cho hộp thư.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) (Must be defined (Phải được xác định)) — Chọn điểm truy cập Internet (IAP) cho hộp thư. Xem phần "[Connection settings \(Cài đặt kết nối\)](#)" trên trang 103.

My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng) (Must be defined (Phải được xác định)) — Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail server (Server thư đi) (Must be defined (Phải được xác định)) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server gửi e-mail. Bạn có thể chỉ được sử dụng server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Send message (Gửi tin nhắn) — Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately (Ngay lập tức)** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message (Gửi tin nhắn)**. Nếu bạn chọn **When conn. avail. (Khi có kết nối)**, E-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

User name (Tên thuê bao) — Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password: (Mật mã:) — Nhập mật khẩu của bạn. Nếu bạn để trường này trống, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn cố kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail server (Server thu đến:) (**Must be defined (Phải được xác định)**) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Mailbox type: (Loại hộp thư:) — Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu bạn sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi điện thoại đang ở chế độ trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports) (Bảo mật (cổng)) — Được sử dụng với các giao thức POP3, IMAP4 và SMTP để bảo mật cho kết nối với hộp thư từ xa.

APOP secure login (Đăng nhập APOP an toàn) (không hiển thị nếu IMAP4 đã chọn làm **Mailbox type (Loại hộp thư)**) — Được sử dụng với giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã đến server e-mail từ xa trong khi kết nối vào hộp thư.

User settings (Cài đặt người dùng):

E-mails to retrieve (Những e-mail sẽ tải về) (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) — Xác định số e-mail mới sẽ được tải về hộp thư.

Retrieve (Tải tin) (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang IMAP4) — Xác định xem những phần e-mail nào sẽ được tải về: **Headers only (Chỉ tiêu đề)**, **Partially (kB) (Một phần (kB))**, hoặc **Msgs. & attachs. (Thư và tập tin đính kèm)**.

Retrieve attachments (Nhận tập tin đính kèm) (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) — Xác định việc tải e-mail có hoặc không có các tập tin đính kèm.

Subscribed folders (Các thư mục được đăng ký)

(sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) — Bạn có thể thuê bao các thư mục khác trong hộp thư từ xa và tải nội dung về từ các thư mục đó.

Send copy to self (Gửi bản sao cho chính mình) —

Chọn **Yes (Có)** để lưu bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng)**.

Include signature (Có chữ ký) — Chọn **Yes (Có)**

nếu bạn muốn đính kèm chữ ký vào tin nhắn e-mail của bạn.

My name (Tên thuê bao) — Nhập tên của bạn vào đây. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Automatic retrieval (Nhận tự động):

Header retrieval (Nhận tiêu đề) — Khi chức năng này được kích hoạt, điện thoại sẽ tự động tải tin nhắn về. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc kích hoạt **Header retrieval (Nhận tiêu đề)** có thể làm tăng cước phí của bạn do dung lượng dữ liệu sẽ lớn hơn.

Tin nhắn dịch vụ web

Chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Service message (Tin dịch vụ)**.

Cho phép bạn chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi điện thoại nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages (Tải tin nhắn xuống) > Automatically (Tự động)**.

Tin nhắn quảng bá

Kiểm tra lại với nhà cung cấp dịch vụ của bạn về các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan, và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)** để thay các thông số cài đặt.

Reception (Nhận) — Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language (Ngôn ngữ) — **All (Tất cả)** cho phép bạn nhận tin nhắn quảng bá dưới dạng tất cả các ngôn ngữ mà điện thoại hỗ trợ. **Selected (Đã chọn)** cho phép bạn chọn ngôn ngữ thể hiện trong tin nhắn quảng bá mà bạn sẽ nhận. Nếu bạn không thể tìm thấy ngôn ngữ mình cần, chọn **Other (Khác)**.

Topic detection (Dò chủ đề) — Nếu bạn cài **Topic detection (Dò chủ đề)** > **On (Bật)**, điện thoại sẽ tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới và lưu các mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề. Chọn **Off (Tắt)** nếu bạn không muốn máy tự động lưu các mã số chủ đề mới.

Other settings (Cài đặt khác)

Chọn **Messaging (Nhắn tin)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Other (Khác)**.

Save sent messages (Lưu tin nhắn đã gửi) — Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của từng tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent (Đã gửi)**.

No. of saved msg.s. (Số lượng tin nhắn đã lưu) — Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent (Đã gửi)** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn loại bộ nhớ để lưu các tin nhắn của bạn: **Phone memory (Bộ nhớ điện thoại)** hoặc **Memory card (Thẻ nhớ)**.

New e-mail alerts (Các thông báo e-mail mới) — Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như nhạc chuông hoặc chú thích, khi tải e-mail mới về từ hộp thư.

Radio (Đài FM)

Bấm  và chọn **Radio (Đài FM)**. Bạn có thể sử dụng ứng dụng như một đài FM bình thường với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh đã lưu, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio trên màn hình, nếu bạn chỉnh đến các đài cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe radio FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

 **Mẹo!** Để truy cập Radio trong chế độ chờ khi dùng thiết bị Nokia N70 Music Edition, bấm và giữ .

Để sử dụng dịch vụ Visual Radio, bạn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điện thoại phải được bật lên.
- Điện thoại phải có một thẻ SIM hợp lệ.
- Đài bạn chọn nghe và nhà điều hành mạng phải hỗ trợ dịch vụ này.
- Điểm truy nhập Internet của bạn phải được xác định để truy nhập đến server Visual Radio của nhà điều hành.
- Kênh radio phải có số ID dịch vụ Visual Radio đúng và có hỗ trợ dịch vụ Visual Radio. Xem phần **"Các kênh đã lưu"** trên trang 70.

Nếu bạn không thể truy cập được dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến bình thường khi đang nghe radio. Chức năng radio sẽ tắt khi có cuộc gọi. Khi cuộc gọi kết thúc, bạn phải bật lại chức năng radio.

Radio chọn băng tần dựa trên thông tin nhận được từ mạng. Nếu thông tin này không có, bạn sẽ được yêu cầu chọn vùng mà bạn đang ở hoặc bạn có thể chọn vùng trong cài đặt Visual Radio.

Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gần tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bấm  và chọn **Radio (Đài FM)**. Để dò tìm kênh, chọn  hoặc . Việc tìm kiếm sẽ kết thúc khi đã dò đúng kênh. Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options (Tùy chọn) > Manual tuning (Dò đài thủ công)**.

Nếu bạn đã lưu kênh radio trước đó, chọn  hoặc  để sang kênh radio kế tiếp hoặc trước đó, hoặc bấm phím số tương ứng để chọn vị trí kênh.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc . Để nghe radio qua loa, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate loudsp. (Bật loa)**.

 **Cảnh báo:** Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để xem các kênh hiện có dựa trên vị trí, chọn **Options (Tùy chọn) > Station directory (Danh mục kênh)** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > Save station (Lưu kênh)**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options (Tùy chọn) > Stations (Kênh)**. Xem phần "[Các kênh đã lưu](#)" trên trang [70](#).

Để trở về chế độ chờ và chức năng đài FM vẫn hoạt động ẩn, chọn **Options (Tùy chọn) > Play in background (Chạy ẩn)**.

Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn  hoặc **Options (Tùy chọn) > Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan)**. Nếu ID dịch vụ trực quan đã được lưu, nhập số này vào hoặc chọn **Retrieve (Tải tin)** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan hiện tại do nhà cung cấp nội dung thiết kế.

Để điều chỉnh thông số cài đặt giao diện nội dung trực quan, chọn **Options (Tùy chọn) > Display settings (Cài đặt hiển thị) > Lighting (Ánh sáng)** hoặc **Pwr. saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện)**.

Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu lên đến 20 kênh radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Stations (Kênh)**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Listen (Nghe)**. Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh với dịch vụ Visual Radio, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan)**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Cài đặt

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và một trong các tùy chọn sau:

Start-up tone (Âm khởi động) — Chọn âm sẽ phát khi khởi động ứng dụng.

Auto-start service (Tự khởi động dịch vụ) — Chọn **Yes (Có)** để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ trực quan.

Access point (Điểm truy cập) — Chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.

Current region (Vùng hiện thời) — Chọn vùng mà bạn đang ở. Cài đặt này chỉ hiển thị khi khởi động ứng dụng, điện thoại không nằm trong phạm vi phủ sóng.



Lịch

Phím tắt: Bấm phím bất kỳ (**1 — 0**) trong bất kỳ giao diện lịch nào. Mục Meeting sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject (Chủ đề)**.

Mẹo! Thường xuyên sao lưu thông tin trên điện thoại vào một thẻ nhớ tương thích. Bạn có thể khôi phục lại thông tin, ví dụ như các mục lịch, cho điện thoại sau này. Xem phần "**Công cụ dùng cho thẻ nhớ**" trên trang 6.

Tạo các mục nhập lịch

1 Bấm , và chọn **Calendar (Lịch)** > **Options (Tùy chọn)** > **New entry (Mục nhập mới)** và các tùy chọn sau:

Meeting (Họp) — Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.

Memo (Ghi nhớ) — Để viết một mục chung trong ngày.



Anniversary (Ngày kỷ niệm) — Để nhắc bạn các ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.

2 Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Sử dụng  để di chuyển giữa các trường.

Alarm (Báo thức) (dành cho hội họp và ngày kỷ niệm) — Chọn **On (Bật)**, và bấm  để điền vào các trường **Alarm time (Giờ báo thức)** và **Alarm date (Ngày báo thức)**.  trong giao diện ngày cho biết có cài báo thức.

Repeat (Lặp lại) — Bấm  để thay đổi ghi chú lịch sẽ được lặp lại ( sẽ hiển thị trong chế độ xem theo ngày).

Repeat until (Lặp lại cho tới khi) — Bạn có thể cài ngày kết thúc cho ghi chú lặp lại.

Synchronisation (Đồng bộ):

Private (Riêng) — Sau khi đồng bộ, chỉ có bạn là người có thể nhìn thấy mục lịch và người khác sẽ không nhìn thấy mục này cho dù họ đang truy cập trực tuyến để xem lịch.

Public (Chung) — Mục lịch này sẽ hiển thị cho những người đang truy cập trực tuyến vào lịch.

None (Không có gì) — Mục lịch sẽ không được copy vào máy tính khi bạn đồng bộ.

3 Để lưu các mục lịch, chọn **Done (Xong)**.

Để ngừng âm báo lịch, chọn **Silence (Im lặng)** để tắt âm báo lịch. Vẫn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Chọn **Stop (Ngừng)** để ngừng âm báo. Chọn **Snooze (Báo lại)** để cài phát lại âm báo.

 **Mẹo!** Để gửi một ghi chú lịch đến một máy tương thích, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)** > **Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)**, **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**.

 **Mẹo!** Bạn có thể chuyển dữ liệu lịch và công việc từ nhiều điện thoại Nokia khác nhau vào điện thoại của bạn hoặc đồng bộ hóa lịch và ghi chú việc với máy tính bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD-ROM được cung cấp kèm theo điện thoại của bạn.

Cài đặt âm báo lịch

Bạn có thể cài một âm báo nhắc nhở bạn về cuộc họp và ngày kỷ niệm.

- 1 Mở một mục mà bạn muốn cài âm báo và chọn **Alarm (Báo thức)** > **On (Bật)**.
- 2 Cài **Alarm time (Giờ báo thức)** và **Alarm date (Ngày báo thức)**.

3 Di chuyển đến chức năng **Repeat (Lặp lại)**, và bấm  để chọn chu kỳ lặp lại âm báo.

4 Chọn **Done (Xong)**.

Để xóa một âm báo lịch, mở mục bạn muốn xóa âm báo và chọn **Alarm (Âm báo)** > **Off (Tắt)**.

Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** để thay đổi ngày đầu tuần hoặc để hiển thị nó khi bạn mở lịch.

Trong chế độ xem tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong chế độ xem tuần, các memo và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Nhấn * để chuyển xem giữa tháng, tuần, và ngày.

Các biểu tượng trong giao diện ngày và tuần:  **Memo (Ghi nhớ)** và  **Anniversary (Ngày kỷ niệm)**. Sẽ không có biểu tượng nào dành cho mục **Meeting (Họp)**.

Bấm # để vào trực tiếp ngày đó. Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Go to date (Chọn ngày)**, nhập ngày đó vào và chọn **OK**.

Xóa các mục nhập lịch

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar (Lịch)** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, vào giao diện tháng và chọn **Options (Tùy chọn) > Delete entry (Xóa mục nhập)** và một trong các tùy chọn sau:

Before date (Trước ngày) — Để xóa tất cả các ghi chú lịch được đặt trước ngày cụ thể.

All entries (Tất cả các mục nhập) — Để xóa tất cả các ghi chú lịch.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone (Âm báo lịch)**, **Default view (Giao diện mặc định)**, **Week starts on (Tuần bắt đầu vào)**, và **Week view title (Tiêu đề giao diện tuần)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**.



Web

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được thiết kế đặc biệt để dùng cho các điện thoại di động. Để truy cập những trang web này, bấm  và chọn **Web**. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

 **Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ  khi ở chế độ chờ.

Truy cập Web

- Lưu các cài đặt cần thiết để truy cập trang Web bạn muốn sử dụng. Xem phần "[Nhận các thông số cài đặt trình duyệt](#)" trên trang 74 hoặc phần "[Nhập cài đặt theo cách thủ công](#)" trên trang 74.
- Kết nối vào trang Web. Xem phần "[Tạo kết nối](#)" trên trang 76.

- Bắt đầu duyệt trang web. Xem phần "[Trình duyệt](#)" trên trang 76.
- Kết thúc một kết nối Web. Xem phần "[Ngưng kết nối](#)" trên trang 78.

Nhận các thông số cài đặt trình duyệt

 **Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang Web. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" trên trang 57. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

- 1 Bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Access points (Điểm truy cập)**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Xem phần "**Connection settings (Cài đặt kết nối)**" trên trang 103.
- 2 Chọn **Web > Options (Tùy chọn) > Bookmark manager (Quản lý chỉ mục) > Add bookmark (Lưu chỉ mục)**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định trong **Web**, chọn **Web > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Access point (Điểm truy cập)**.

Giao diện chỉ mục

 **Chú giải:** Một chỉ mục bao gồm một địa chỉ Internet (bắt buộc), tiêu đề của chỉ mục, điểm truy cập và tên người dùng kèm mật khẩu, nếu trang Web yêu cầu.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chúng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Các biểu tượng trong giao diện chỉ mục:

 Trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định. Nếu bạn sử dụng điểm truy cập mặc định khác để trình duyệt, trang bắt đầu sẽ thay đổi tương ứng.

 Thư mục chỉ mục tự động chứa các chỉ mục () được thu thập tự động khi bạn trình duyệt các trang. Các chỉ mục trong thư mục này được sắp xếp theo tên miền.

 Bất kỳ chỉ mục nào cũng hiển thị tiêu đề hoặc địa chỉ Internet của chỉ mục đó.

 (Nếu có) Thư mục chứa các chỉ mục dành cho các nội dung tải về.

Thêm chỉ mục theo cách thủ công

- 1 Trong giao diện chỉ mục, chọn **Options (Tùy chọn) > Bookmark manager (Quản lý chỉ mục) > Add bookmark (Lưu chỉ mục)**.
- 2 Điền thông tin vào các trường dữ liệu. Chỉ địa chỉ URL được xác nhận. Điểm truy cập mặc định sẽ được gán cho chỉ mục nếu không có giá trị nào khác được chọn. Bấm * để nhập các giá trị đặc biệt như /, ., :, và @. Bấm  để xóa các ký tự.
- 3 Chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)** để lưu chỉ mục.

Gửi chỉ mục

Di chuyển đến một chỉ mục và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)** > **Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)**. Bấm  để gửi. Bạn có thể gửi nhiều chỉ mục cùng lúc.

Tạo kết nối

Sau khi bạn lưu tất cả các cài đặt kết nối cần thiết, bạn có thể truy cập các trang trình duyệt.

- 1 Chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường (). Khi bạn nhập địa chỉ, chỉ mục khớp với địa chỉ này sẽ hiển thị phía trên trường. Bấm  để chọn một chỉ mục tương ứng.
- 2 Bấm  để bắt đầu tải trang web về.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Details (Chi tiết)** > **Security (Bảo mật)** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Những tính năng bảo vệ có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Đối với những kết nối như vậy, bạn sẽ cần đến các chứng chỉ bảo vệ. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem thêm phần "[Quản lý chứng chỉ](#)" trên trang 108.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch chân màu xanh và những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để mở một liên kết, đánh dấu ô lựa chọn, và để lựa chọn, bấm .

 **Phím tắt:** Sử dụng # để chuyển nhanh xuống cuối trang và * để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back (Trở về)**. Nếu tùy chọn **Back (Trở về)** không có, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > History (Lịch sử)** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian. Danh sách các trang đã xem sẽ bị xóa sau mỗi lần kết thúc phiên trình duyệt.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Reload (Tải lại)**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options (Tùy chọn) > Save as bookmark (Lưu làm chỉ mục)**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Back to page (Trở về trang)**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Save page (Lưu trang)**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc thẻ nhớ tương thích (nếu được lắp), và xem lại các trang này không cần kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages (Những trang đã lưu)**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Go to web address (Tới địa chỉ web)**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Service options (Tùy chọn dịch vụ)**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề và đoạn phim. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.



Mẹo! Trình duyệt của bạn sẽ tự động thu thập các chỉ mục trong khi bạn đang duyệt các trang Web. Các chỉ mục sẽ được lưu vào trong thư mục chỉ mục tự động () và được tự động sắp xếp theo tên miền. Xem thêm phần "[Cài đặt web](#)" trên trang 79.

Xem các trang đã lưu

Nếu bạn thường trình duyệt các trang có chứa thông tin không thay đổi, bạn có thể lưu lại để xem không cần kết nối. Trong giao diện các trang đã lưu, bạn cũng có thể tạo các thư mục để lưu lại các trang mà bạn đã trình duyệt.

Để mở giao diện các trang đã lưu, bấm  trong giao diện chỉ mục. Trong giao diện các trang đã lưu, bấm  để mở một trang đã lưu ().

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Save page (Lưu trang)**.

Để khởi động kết nối với dịch vụ trình duyệt và để tải về phiên bản mới nhất của trang, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Reload (Tải lại)**. Điện thoại sẽ ở trạng thái trực tuyến sau khi bạn tải lại trang đó.

Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử

lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery (Bộ sưu tập)**.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ "Mua".
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept (Nhận)**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel (Hủy)**.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Ngưng kết nối

Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Disconnect (Ngắt kết nối)** để ngưng kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, hoặc **Options (Tùy chọn) > Exit (Thoát)** để ngưng kết nối và đóng trình duyệt.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Clear cache (Xóa bộ nhớ cache)**.

Cài đặt web

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Access point (Điểm truy cập) — Để thay đổi điểm truy cập mặc định, bấm  để mở danh sách các điểm truy cập hiện có. Xem phần "**Connection settings (Cài đặt kết nối)**" trên trang 103.

Show images (Hiển thị hình ảnh) — Để chọn xem bạn có muốn tải hình ảnh về trong khi đang duyệt không. Nếu bạn chọn **No (Không)**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options (Tùy chọn) > Show images (Hiển thị hình ảnh)**.

Font size (Cỡ chữ) — Để chọn kích cỡ chữ.

Default encoding (Chế độ mã hóa mặc định) — Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Automatic bookmarks (Chỉ mục tự động) — Để tắt chức năng thu thập chỉ mục tự động, chọn **Off (Tắt)**. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder (Ẩn thư mục)**.

Screen size (Kích thước màn hình) — Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. Chọn **Select keys only (Chỉ những phím đã chọn)**, hoặc **Full screen (Toàn màn hình)**.

Homepage (Trang chủ) — Để xác định trang chủ.

Search page (Tìm trang) — Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Open search page (Mở tìm kiếm web)** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

Volume (Âm lượng) — Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering (Hiển thị) — Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen (Màn hình nhỏ)**, chọn **By quality (Theo chất lượng)**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed (Theo tốc độ)**.

Cookies (Cookie) — Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

 **Chú giải:** Cookies là một phương tiện của các nhà cung cấp nội dung để nhận diện người dùng và những sở thích của họ đối với những nội dung thường dùng.

Java/ECMA script (Mã script Java/ECMA) — cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings (Cảnh báo bảo mật) — Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Serial no. sending (Đang gửi số sơ ri) — Để bật hoặc tắt chức năng gửi số sơ ri. Một số nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn bật chức năng này trước khi có thể trình duyệt Web.

Conf. DTMF sending (Đang gửi DTMF cấu hình) — Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem thêm phần "[Các tùy chọn trong khi gọi](#)" trên trang 20.

Bản quyền © 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

My own (Cá nhân)

Trò chơi

Bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** và chọn trò chơi. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Help (Trợ giúp)**.



Máy nghe nhạc

Bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** > **Music (Nhạc)**. Với máy nghe nhạc, bạn có thể nghe các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc.

 **Mẹo!** Để truy cập Nhạc trên thiết bị Nokia N70 Music Edition, bấm .

 **Cảnh báo:** Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để xem các bài hát được phân loại theo album hoặc nghệ sĩ, chọn **Albums (Album)** hoặc **Artists (Nghệ sĩ)**. Các thông tin về nghệ sĩ và album này được thu từ các nội dung chứa trong tag ID3 của các tập tin bài hát, nếu có.

Để sao chép hoặc chuyển các tập tin vào một thẻ nhớ tương thích hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Organise (Sắp xếp)** > **Copy to memory card (Sao chép vào thẻ nhớ)/Move to memory card (Đổi vào thẻ nhớ)** hoặc **Copy to phone mem. (Sao chép vào bộ nhớ điện thoại)/Move to phone mem. (Đổi vào bộ nhớ điện thoại)**. Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển hay chuyển tiếp một số tập tin nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Phát nhạc

Để phát nhạc, chọn **All songs (Tất cả các bài hát)**, **Playlists (Danh sách bài hát)**, **Artists (Nghệ sĩ)**, **Albums (Album)**, **Recently added (Những bài hát mới thêm)**, và chọn một bài hát. Bài hát được chọn và các bài hát khác trong màn hình sẽ được phát. Để mở xem thông tin về bài hát hiện đang nghe, chọn **Go to Now playing (Vào Danh sách Đang hát)**.

Để thay đổi trạng thái phát nhạc và tạm ngưng, bấm phím di chuyển. Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ . Để lui về, bấm và giữ .

Để điều chỉnh âm lượng, bấm hoặc . Để phát bài hát kế tiếp hoặc bài hát trước đó, bấm hoặc .

Để chọn thay đổi giữa chế độ phát ngẫu nhiên và phát bình thường, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Shuffle (Trộn bài)**. Để chọn phát lại hoặc không phát lại từ đầu mỗi khi phát đến bài hát cuối cùng trong danh sách, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Repeat (Lặp lại)**.

Để tìm các bài hát trong danh sách, bấm các phím số để nhập các ký tự vào khung tìm kiếm.

Để chọn nhiều bài hát để nghe hoặc xóa, bấm và giữ trong khi bấm hoặc .

Để xóa bài hát, chọn bài hát và bấm . Việc xóa bài hát sẽ xóa hẳn bài hát khỏi thẻ nhớ và bộ nhớ máy.

Danh sách bài hát

Máy nghe nhạc hỗ trợ các danh sách bài hát dạng .m3u đơn giản. Sao chép danh sách cùng các tập tin nhạc hoặc tạo danh sách mới trong máy nghe nhạc.

Để thêm bài hát, album hoặc nhạc sĩ vào danh sách, chọn các mục và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add to a playlist (Thêm vào danh sách bài hát)**. Bạn có thể tạo danh sách bài hát mới hoặc thêm vào một danh sách hiện có.

Để nghe danh sách nhạc, chọn **Playlists (Danh sách bài hát)** và chọn một danh sách.

Để xóa danh sách nhạc, di chuyển đến danh sách đó và bấm . Việc xóa danh sách bài hát chỉ có thể xóa danh sách bài hát, không xóa được các tập tin nhạc trong đó.



Go to (Chọn) — gán phím tắt

Phím tắt mặc định: mở **Calendar (Lịch)**, mở **Inbox (Hộp thư đến)**, và mở **Notes (Ghi chú)**.

Để lưu các phím tắt (các liên kết đến hình ảnh, ghi chú, chỉ mục, v.v... mà bạn ưa thích), bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** > **Go to (Chọn)**. Các phím tắt chỉ được gán cho các ứng dụng riêng lẻ. Không phải tất cả các ứng dụng đều có chức năng này.

1 Chọn một mục trong ứng dụng mà bạn muốn tạo phím tắt.

- 2 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add to 'Go to' (Thêm vào 'Go to' (Menu nhanh))**. Phím tắt trong **Go to (Chọn)** sẽ được tự động cập nhật nếu bạn di chuyển ứng dụng đang gán phím (ví dụ như từ thư mục này sang thư mục khác). Để thay đổi tên nhận dạng nằm ở góc trái bên dưới của biểu tượng phím tắt, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Shortcut icon (Biểu tượng phím tắt)**.

Xóa phím tắt

Chọn phím tắt và bấm . Bạn không thể xóa các phím tắt mặc định **Notes (Ghi chú)**, **Calendar (Lịch)**, và **Inbox (Hộp thư đến)**.

Khi bạn xóa ứng dụng hoặc tài liệu có sử dụng phím tắt trong **Go to (Chọn)**, biểu tượng phím tắt của mục bị xóa đó sẽ mờ đi trong màn hình **Go to (Chọn)**. Phím tắt sẽ bị xóa trong lần truy cập kế tiếp bạn vào **Go to (Chọn)**.



IM — tin nhắn trò chuyện (trò chuyện)

Bấm  và chọn **My own (Cá nhân)** > **IM (Nhắn tin trò chuyện)**.

Chức năng tin nhắn trò chuyện (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò

chuyện và tham gia vào diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM.

Chọn **Conversations (Cuộc trò chuyện)** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với người sử dụng IM; **IM contacts (Sổ liên lạc IM)** để tạo, chỉnh sửa hoặc xem trạng thái trực tuyến của các sổ liên lạc IM; **IM groups (Các nhóm IM)** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm với những người sử dụng IM; hoặc **Recorded chats (Các cuộc trò chuyện đã ghi lại)** để xem phiên trò chuyện trước đó mà bạn đã lưu lại.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ trò chuyện với nhà điều hành mạng và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Nhận thông số cài đặt IM

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ IM. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"** trên trang 57. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần **"Cài đặt server trò chuyện"** trên trang 87.

Kết nối với server IM

 **Mẹo:** Để tự động đăng nhập khi bạn kích hoạt **IM (Nhắn tin trò chuyện)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Server settings (Cài đặt server) > IM login type (Loại đăng nhập IM) > On app. start-up (Khi khởi động ứng dụng)**.

- 1 Mở **IM (Nhắn tin trò chuyện)** để điện thoại của bạn kết nối với máy chủ IM hiện đang sử dụng. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần "**Cài đặt server trò chuyện**" trên trang 87.
- 2 Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn vào và bấm  để đăng nhập vào. Tên thuê bao và mật khẩu truy cập máy chủ IM của bạn do nhà cung cấp dịch vụ cấp.
Bạn có thể chọn **Cancel (Hủy)** để chuyển sang trạng thái ngoại tuyến; để đăng nhập vào server IM sau, chọn **Options (Tùy chọn) > Login (Đăng nhập)**. Bạn không thể gửi hoặc nhận tin nhắn khi đang offline.
- 3 Để thoát ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Logout (Thoát)**.

Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > IM settings (Cài đặt IM)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Use screen name (Tên hiển thị) (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM) — Để nhập một bí danh, chọn **Yes (Có)**.

IM presence (Hiện diện IM) — Cho phép những người khác biết bạn có trực tuyến hay không, chọn **Active for all (Hoạt động cho tất cả)**.

Allow messages from (Cho phép tin nhắn từ) — Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All (Tất cả)**.

Allow invitations from (Cho phép lời mời từ) — Để chỉ cho phép nhận các lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only (Chỉ các số liên lạc IM)**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ.

Msg. scrolling speed (Tốc độ hiển thị tin nhắn) — Để chọn tốc độ hiển thị các tin nhắn mới.

Sort IM contacts (Sắp xếp số liên lạc IM) — Để phân loại các số liên lạc IM **Alphabetically (Theo thứ tự trong bảng chữ cái)** hoặc **By online status (Theo trạng thái trực tuyến)**.

Availability reloading (Đang cập nhật tính khả dụng) — Để chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn khi trực tuyến hoặc không trực tuyến, chọn **Automatic (Tự động)** hoặc **Manual (Thủ công)**.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm các nhóm, trong giao diện **IM groups (Các nhóm IM)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Search (Tìm)**. Bạn có thể tìm theo **Group name (Tên nhóm)**, **Topic (Chủ đề)**, và **Members (Thành viên)** (tên thuê bao).

Để tìm người sử dụng, trong giao diện **IM contacts (Số liên lạc IM)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **New IM contact (Số liên lạc IM mới)** > **Search from server (Tìm từ server)**. Bạn có thể tìm theo **User's name (Tên người dùng)**, **User ID (Mã thuê bao)**, **Phone number (Số điện thoại)**, và **E-mail address (Địa chỉ e-mail)**.

Tham gia và rời khỏi nhóm IM

Để tham gia một nhóm IM mà bạn đã lưu, di chuyển đến nhóm đó và bấm .

Để tham gia vào nhóm IM không có trong danh sách nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Join new group (Tham gia nhóm mới)**. Nhập mã ID của nhóm vào và bấm .

Để rời khỏi nhóm IM, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Leave IM group (Rời nhóm IM)**.

Trò chuyện

Sau khi tham gia vào một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

Để gửi một tin nhắn, soạn tin nhắn đó trong trường soạn thảo tin nhắn và bấm .

Để gửi tin nhắn riêng đến một thành viên nhóm, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send private msg. (Gửi tin nhắn riêng)**, chọn người nhận, soạn tin nhắn và bấm .

Để trả lời tin nhắn riêng được gửi đến cho bạn, chọn tin nhắn và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Reply (Trả lời)**.

Để mời các số liên lạc IM trực tuyến cùng tham gia vào nhóm IM, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send invitation (Gửi lời mời)**, chọn các số liên lạc bạn muốn mời, soạn lời mời và bấm .

Để ngăn không nhận các tin nhắn từ một số thành viên nào đó, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Blocking options (Tùy chọn chặn)** và chọn tùy chọn theo ý muốn.

Ghi âm cuộc trò chuyện

Để ghi âm thành một tập tin các tin nhắn được trao đổi trong cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia một nhóm IM, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Record chat (Ghi cuộc trò chuyện)**, nhập tên cho tập tin trò chuyện và bấm . Để ngừng ghi âm, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Stop recording (Ngừng ghi)**.

Các tập tin trò chuyện đã ghi âm sẽ được tự động lưu vào **Recorded chats (Các cuộc trò chuyện đã ghi lại)**.

Để xem các cuộc trò chuyện được ghi âm, trong giao diện chính, chọn **Recorded chats (Các cuộc trò chuyện đã ghi lại)**, chọn cuộc trò chuyện và bấm .

Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Vào giao diện **Conversations (Cuộc trò chuyện)** để thấy một danh sách những người tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm .

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm .

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back (Trở về)**.

Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options (Tùy chọn)** > **End conversation (Kết thúc cuộc trò chuyện)**. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM (Nhắn tin trò chuyện)**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > **New conversation (Cuộc trò chuyện mới)** và chọn các tùy chọn sau:

Select recipient (Chọn người nhận) — Để xem danh sách các số liên lạc trò chuyện đã lưu hiện đang trực tuyến. Di chuyển đến số liên lạc bạn muốn trò chuyện và bấm .

Enter user ID (Nhập mã ID người dùng) — Để nhập tên thuê bao của người bạn muốn trò chuyện và bấm .

 **Chú giải:** Mã thuê bao được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp cho những người đăng ký dịch vụ này.

Để lưu một thành viên chuyện trò vào danh bạ IM, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add to IM contacts (Thêm vào danh bạ IM)**.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Set auto reply on (Bật tự động trả lời)**. Nhập văn bản vào, và chọn **Done (Xong)**.

Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Số liên lạc IM

Vào **IM contacts (Số liên lạc IM)** để lấy lại các số liên lạc trò chuyện từ server hoặc để thêm một số liên lạc trò chuyện mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào máy chủ, danh sách trò chuyện đã sử dụng trước đó đã được tự động lấy lại từ máy chủ.

Quản lý các nhóm IM

Vào giao diện **IM groups (Các nhóm IM)** để xem danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Cài đặt server trò chuyện

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Server settings (Cài đặt server)**. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ trò chuyện. Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Mã thuê hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Để thay đổi server IM mà bạn muốn kết nối đến, chọn **Default server (Server mặc định)**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers (Các máy chủ) > Options (Tùy chọn) > New server (Server mới)**. Nhập vào các cài đặt sau:

Server name (Tên server) — Nhập tên cho server trò chuyện.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server.

Web address (Địa chỉ web) — Nhập địa chỉ URL của server IM.

User ID (Mã thuê bao) — Nhập mã ID của bạn vào.

Password (Mật mã) — Nhập mật mã đăng nhập của bạn vào.

Kết nối



Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối không dây với các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng công nghệ Bluetooth để gửi hình ảnh, đoạn phim, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây đến máy PC tương thích (ví dụ để truyền dữ liệu); hoặc để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print (In ảnh)**. Xem phần **"In hình ảnh"** trên trang 42.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau 10 mét (32 bộ), mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu Hình In Cơ Bản, Cấu Hình Truy Cập Chung, Cấu Hình Cổng Song Song, Cấu Hình Mạng Quay Số, Cấu Hình Tai Nghe, Cấu

Hình Loa Nói Trực Tiếp, Cấu Hình Trao Đổi Đối Tượng Chung, Cấu Hình Đẩy Đối Tượng, Cấu Hình Truyền Tập Tin, Cấu Hình Hình Ảnh Cơ Bản, và Cấu Hình Thiết Bị Giao Diện Cá Nhân. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ không dây Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Loa nói trực tiếp được sử dụng để kết nối thiết bị loa nói trực tiếp và điện thoại. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ không dây Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Những tính năng sử dụng công nghệ không dây Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt

động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm tuổi thọ của pin.

Khi điện thoại bị khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần "[Security \(Bảo mật\)](#)" trên trang [107](#) để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt kết nối Bluetooth

Bấm  và chọn [Connect \(Kết nối\)](#) > [Bluetooth](#). Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi đã kết nối Bluetooth và thay đổi [My phone's visibility \(Phạm vi kết nối\)](#) thành [Shown to all \(Hiển thị tất cả\)](#), những người sử dụng có thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại và tên của bạn.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth — Chọn [On \(Bật\)](#) hoặc [Off \(Tắt\)](#). Để kết nối không dây đến thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth [On \(Bật\)](#), sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility (Phạm vi kết nối) — Để cho phép các thiết bị khác có công nghệ không dây Bluetooth nhận thấy điện thoại của bạn, chọn [Shown to all \(Hiển thị tất cả\)](#). Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn [Hidden \(Ẩn\)](#).

My phone's name (Tên điện thoại) — Chỉnh sửa tên của điện thoại.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng Bluetooth, cài Bluetooth [Off \(Tắt\)](#), hoặc chọn [My phone's visibility \(Phạm vi kết nối\)](#) > [Hidden \(Ẩn\)](#).

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với tai nghe, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, tính năng kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.
- Khi  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang có tính năng kết nối với thiết bị khác.
- Khi  hiển thị liên tục, tính năng kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.

 **Mẹo!** Để gửi văn bản qua tính năng kết nối Bluetooth (thay vì dùng tin nhắn văn bản), mở [Notes \(Ghi chú\)](#), viết văn bản và chọn [Options \(Tùy chọn\)](#) > [Send \(Gửi\)](#) > [Via Bluetooth \(Qua Bluetooth\)](#).

- 1 Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery (Bộ sưu tập)**.
- 2 Chọn mục (ví dụ như hình ảnh) và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Bạn có thể thấy một biểu tượng thiết bị, tên thiết bị, kiểu thiết bị hoặc một tên tắt.

 **Mẹo!** Nếu bạn đã dò thấy những thiết bị trước đây, một danh sách thiết bị đã tìm thấy trước đó được hiển thị trước. Để bắt đầu cuộc dò tìm mới, chọn **More devices (Các thiết bị khác)**. Nếu bạn tắt điện thoại, danh sách sẽ bị xóa.

Các biểu tượng thiết bị:

 — Máy vi tính;  — Điện thoại;  — Âm thanh hoặc video;  — Tai nghe;  — Phụ kiện khác.

Để hủy bỏ việc dò tìm, bấm **Stop (Ngừng)**. Danh sách thiết bị sẽ ngưng.

- 3 Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn

được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần **"Ghép nối thiết bị"** trên trang 90.

- 5 Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data (Đang gửi dữ liệu)** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent (Đã gửi)** trong **Messaging (Nhắn tin)** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã ***#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

 **Chú giải:** Ghép nối có nghĩa là xác nhận. Những người sử dụng của hai thiết bị có công nghệ không dây Bluetooth nên thỏa thuận mã khóa chung và sử dụng cùng mã khóa cho cả hai thiết bị để ghép nối chúng. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước.

Trong giao diện **Bluetooth** chính, bấm  để mở giao diện các thiết bị ghép nối (»»»).

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1—16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị

khác để sử dụng cùng mã khóa. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options (Tùy chọn) > New paired device (Thiết bị ghép nối mới)**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi  trong mục tìm kiếm thiết bị.

 **Mẹo!** Để định nghĩa một tên tắt (biệt hiệu hoặc bí danh) cho một thiết bị ghép nối, di chuyển đến thiết bị, và chọn **Options (Tùy chọn) > Assign short name (Gán tên ngắn)** trong giao diện thiết bị ghép nối. Tên này sẽ giúp bạn nhận ra một thiết bị nào đó trong lúc tìm kiếm thiết bị hay khi một thiết bị gửi yêu cầu kết nối.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, **Options (Tùy chọn)** và chọn các tùy chọn sau:

Set as authorised (Gán quyền) — Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của

bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as authorised (Gán quyền) — Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete all (Xóa tất cả)**.

 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

Nhận dữ liệu qua tính năng kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua tính năng kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận,  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox (Hộp thư đến)** trong **Messaging (Nhắn tin)**. Tin nhắn nhận được qua tính năng kết nối Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần "**Hộp thư đến — nhận tin nhắn**" trên trang 56.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off (Tắt)**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với Nokia PC Suite, bạn có thể đồng bộ sổ liên lạc, lịch, ghi chú công việc, và truyền hình ảnh giữa điện thoại và máy PC tương thích.

Bạn hãy luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Để biết thêm thông tin về cách cài đặt phần mềm Nokia PC Suite (tương thích với Windows 2000 và Windows XP), xem Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng dành cho Nokia PC Suite và mục trợ giúp Nokia PC Suite trong phần "Cài đặt" trên đĩa CD.

CD-ROM

Đĩa CD sẽ khởi động sau khi bạn đưa đĩa vào ổ đĩa CD của một máy PC tương thích. Nếu không, bạn thực hiện các bước sau: Mở Windows Explorer, nhấp phím phải chuột vào ổ đĩa CD và chọn Autoplay (Chạy Tự động).

Điện thoại của bạn hoạt động như một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại như một modem để gửi và nhận e-mail, hay để kết nối Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng tính năng kết nối Bluetooth hay cáp dữ liệu. Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong Tài liệu Hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite trong Tủ chọn modem trên đĩa CD.



Mẹo! Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.



Quản lý kết nối

Bạn có thể có nhiều kết nối dữ liệu hoạt động cùng lúc khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS. Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Conn. mgr. (Quản lý kết nối)** để xem trạng thái của nhiều kết nối dữ liệu, xem chi tiết lượng dữ liệu đã gửi và nhận, và kết thúc các kết nối. Khi bạn mở **Conn. mgr. (Quản lý kết nối)**, bạn sẽ thấy các tùy chọn sau:

- Mở các kết nối dữ liệu: cuộc gọi dữ liệu (**D**) và kết nối dữ liệu gói (**3G**) hoặc (**2G**)
- Trạng thái của từng kết nối
- Lượng dữ liệu được tải lên và tải về cho từng kết nối (chỉ hiển thị cho các kết nối dữ liệu gói)
- Thời lượng kết nối (chỉ hiển thị cho cuộc gọi dữ liệu)



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để kết thúc kết nối, di chuyển đến một kết nối và chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)**.

Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect all (Ngắt tất cả kết nối)**.

Chi tiết kết nối dữ liệu

Để xem chi tiết của một kết nối, di chuyển đến kết nối đó và chọn **Options (Tùy chọn) > Details (Chi tiết)**.

Name (Tên) — Tên của Điểm truy cập Internet (IAP) hoặc tên kết nối modem đang dùng, nếu là kết nối dial-up.

Bearer (Sóng mang) — Loại kết nối dữ liệu: **Data call (Cuộc gọi data)**, **High sp. GSM (Tốc độ cao GSM)**, hoặc **Packet data (Dữ liệu gói)**.

Status (Tình trạng) — Tình trạng hiện thời của kết nối: **Connecting (Đang kết nối)**, **Conn.(inact.) (Kết nối (không hoạt động))**, **Conn.(active) (Kết nối (hoạt động))**, **On hold (Ở chế độ tạm giữ)**, **Disconnectng. (Đang ngắt kết nối)**, hoặc **Disconnected (Ngắt kết nối)**.

Received (Đã nhận) — Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại của bạn đã nhận.

Sent (Đã gửi) — Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã gửi.

Duration (Thời lượng) — Khoảng thời gian kết nối được thiết lập.

Speed (Tốc độ) — Tốc độ nhận và gửi dữ liệu hiện tại theo KB/giây.

Dial-up (Quay số) — Số liên lạc được sử dụng.

Name (Tên) — Tên điểm truy cập được sử dụng.

Shared (Chia sẻ) (sẽ không hiển thị nếu kết nối không được dùng chung) — Số ứng dụng sử dụng cùng kết nối.



Đồng bộ hóa

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Sync (Đồng bộ)**. Ứng dụng **Sync (Đồng bộ)** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch và danh bạ với các ứng dụng Sổ địa chỉ và Lịch khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng Lịch và Sổ địa chỉ mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" trên trang [57](#).

Tạo một cấu hình đồng bộ mới

1 Nếu không có cấu hình nào được quy định, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn tạo một cấu hình mới không. Chọn **Yes (Có)**.

Để tạo thêm một cấu hình mới bổ sung, chọn **Options (Tùy chọn) > New sync profile (Cấu hình đồng bộ mới)**. Chọn hoặc dùng giá trị mặc định hoặc sao chép giá trị của cấu hình đã có và sử dụng như một cấu hình mới.

2 Xác định:

Sync profile name (Tên cấu hình đồng bộ) — Đặt tên cho cấu hình.

Data bearer (Sóng mang) — Chọn kiểu kết nối: **Web**, hoặc **Bluetooth**.

Access point (Điểm truy cập) (chỉ hiển thị nếu **Data bearer (Sóng mang)** được cài chức năng **Web**) — Chọn một điểm truy cập để sử dụng cho việc kết nối dữ liệu.

Host address (Địa chỉ máy chủ) — Nhập địa chỉ URL của server. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Port (Cổng) (chỉ hiển thị nếu **Data bearer (Sóng mang)** được cài chức năng **Web**) — Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

User name (Tên thuê bao) — Mã thuê bao dành cho server đồng bộ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mã số đúng.

Password (Mật mã) — Nhập mật mã của bạn vào. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Allow sync requests (Chấp nhận yêu cầu đồng bộ) — Chọn **Yes (Có)** nếu bạn muốn cho phép server khởi động đồng bộ.

Accept all sync reqs. (Chấp nhận tất cả yêu cầu đồng bộ) — Chọn **No (Không)** nếu bạn muốn điện thoại hỏi bạn trước khi server khởi động quá trình đồng bộ.

Network authentic. (Xác thực mạng) (chỉ hiển thị nếu **Data bearer (Sóng mạng)** được cài sang **Web**) — Chọn **Yes (Có)** để nhập tên thuê bao và mật mã vào. Bấm  để xem các trường tên thuê bao và mật mã.

Bấm  để chọn **Contacts (Danh bạ)**, **Calendar (Lịch)**, hoặc **Notes (Ghi chú)**.

- Chọn **Yes (Có)** nếu bạn muốn đồng bộ cơ sở dữ liệu được chọn.
 - Trong **Remote database (Cơ sở dữ liệu từ xa)**, nhập vào đường dẫn chính xác để truy nhập lịch, số địa chỉ hoặc dữ liệu ghi chú trên server từ xa.
 - Chọn **Synchronisation type (Loại đồng bộ)**: **Normal (Bình thường)** (đồng bộ hai chiều), **To server only (Chỉ đến server)**, hoặc **To phone only (Chỉ đến điện thoại)**.
- 3 Chọn **Back (Trở về)** để lưu cài đặt và trở về giao diện chính.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện **Sync (Đồng bộ)** chính, bạn có thể nhìn thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau và dữ liệu nào sẽ được đồng bộ.

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options (Tùy chọn)** > **Synchronise (Đồng bộ)**. Tình trạng đồng bộ sẽ được hiển thị ở phía dưới màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel (Hủy)**.
- 2 Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Sau khi đồng bộ xong, chọn **Options (Tùy chọn)** > **View log (Xem nhật ký)** để mở một tập tin báo cáo cho thấy trạng thái đồng bộ (**Complete (Hoàn tất)** hoặc **Incomplete (Chưa hoàn tất)**) và bao nhiêu mục lịch hay sổ liên lạc được bổ sung, cập nhật, xóa hay bỏ qua (không đồng bộ) trong điện thoại hay trên server.



Quản lý thiết bị

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối)** > **Dev. mgr. (Quản lý thiết bị)**. Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt

điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, di chuyển đến một cấu hình và chọn **Options (Tùy chọn) > Start configuration (Khởi động cấu hình)**.

Để cho phép hoặc từ chối nhận các thông số cài đặt cấu hình từ nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options (Tùy chọn) > Enable config. (Bật cấu hình)** hoặc **Disable config. (Tắt cấu hình)**.

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name (Tên server) — Nhập tên server cấu hình.

Server ID (Mã ID server) — Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

Server password (Mật mã server) — Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point (Điểm truy cập) — Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address (Địa chỉ máy chủ) — Nhập địa chỉ URL của server.

Port (Cổng) — Nhập số cổng của server.

User name (Tên thuê bao) và **Password (Mật mã)** — Nhập mật mã và tên thuê bao của bạn vào.

Allow configuration (Cho phép cấu hình) — Để nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes (Có)**.

Auto-accept all reqs. (Tự động chấp nhận tất cả yêu cầu) — Nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu xác nhận trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No (Không)**.

Các ứng dụng văn phòng



Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm **☞** và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Calculator (Máy tính)**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

Để lưu số điện thoại vào trong bộ nhớ (được chỉ báo bằng ký tự **M**), chọn **Options (Tùy chọn) > Memory (Bộ nhớ) > Save (Lưu lại)**. Để truy cập một số điện thoại trong bộ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Memory (Bộ nhớ) > Recall (Gọi lại)**. Để xóa một số điện thoại trong bộ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Memory (Bộ nhớ) > Clear (Xóa)**.

Tính phần trăm

- 1 Nhập vào một con số cần tính phần trăm.
- 2 Chọn **×**, **÷**, **-**, hoặc **+**.
- 3 Nhập phần trăm.
- 4 Chọn **⌘**.



Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo, ví dụ như **Length (Độ dài)** từ đơn vị này (**Yards (Thuốc Anh)**) sang đơn vị khác (**Metres (Mét)**), bấm **☞** và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Converter (Bộ chuyển đổi)**.

Lưu ý rằng **Converter (Bộ chuyển đổi)** có độ chính xác giới hạn và các lỗi làm tròn số có thể xảy ra.

- 1 Di chuyển đến trường **Type (Loại)** và bấm **⊙** để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng và chọn **OK**.
- 2 Di chuyển đến trường **Unit (Đơn vị)** đầu tiên và bấm **⊙**. Chọn đơn vị cần chuyển đổi và chọn **OK**. Di chuyển đến trường **Unit (Đơn vị)** kế tiếp, và chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.
- 3 Di chuyển đến trường **Amount (Số tiền)** đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount (Số tiền)** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.
Bấm **#** để thêm dấu thập phân và bấm ***** cho các biểu tượng **+**, **-** (dành cho nhiệt độ), và **E** (số mũ).

-  **Mẹo!** Để thay đổi thứ tự chuyển đổi, nhập giá trị vào trường **Amount (Số tiền)** thứ hai. Kết quả sẽ được hiển thị trong trường **Amount (Số tiền)** thứ nhất.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn loại tiền tệ gốc và thêm tỉ giá chuyển đổi vào. Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

- 1 Chọn **Converter (Bộ chuyển đổi)** > **Options (Tùy chọn)** > **Currency rates (Tỷ giá chuyển đổi)**.
Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách.
-  **Mẹo!** Để đổi tên một loại tiền tệ, vào giao diện tỉ giá chuyển đổi, di chuyển đến loại tiền tệ và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Rename currency (Đổi tên tiền tệ)**.
- 2 Để thay đổi đồng tiền gốc, di chuyển đến loại tiền tệ và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Set as base curr. (Cài làm tiền tệ gốc)**.

- 3 Nhập tỉ giá chuyển đổi. Di chuyển đến tiền tệ và nhập tỉ giá mới vào, điều đó có nghĩa là có bao nhiêu đơn vị tiền tệ sẽ bằng một đơn vị của đồng tiền gốc mà bạn đã chọn.

Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi.

-  **Lưu ý:** Khi bạn thay đổi tiền tệ, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá trước đó đã được chuyển về 0.



To-do

Bấm  và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng)** > **To-do (Công việc)** để soạn ghi chú và lưu danh sách công việc.

Để thêm một ghi chú, bấm phím bất kỳ để nhập công việc vào trường **Subject (Chủ đề)**.

Để cài ngày sẽ làm việc đó, di chuyển đến trường **Due date (Ngày đến hạn)** và nhập một ngày vào.

Để cài mức độ ưu tiên cho ghi chú **To-do (Công việc)**, di chuyển đến trường **Priority (Ưu tiên)**, và bấm  để chọn mức độ ưu tiên. Các biểu tượng ưu tiên là  (**High (Cao)**) và  (**Low (Thấp)**). Sẽ không có biểu tượng nào dành cho mức **Normal (Bình thường)**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do (Công việc)** và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Mark as done (Đánh dấu đã hoàn thành)**.

Để khôi phục lại một công việc, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do (Công việc)** và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Mark as not done (Đánh dấu chưa hoàn thành)**.



Ghi chú

Bấm  và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng)** > **Notes (Ghi chú)** để soạn ghi chú. Bạn có thể gửi nội dung ghi chú đến các thiết bị tương thích khác và lưu các tập tin văn bản đơn giản (dạng .txt) mà bạn nhận được vào **Notes (Ghi chú)**.



Máy ghi âm

Bấm  và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng)** > **Recorder (Máy ghi âm)** để ghi âm lại các cuộc điện đàm và memo thoại. Nếu bạn đang ghi âm lại cuộc trò chuyện, người đối thoại sẽ nghe một tiếng bíp mỗi 5 giây trong quá trình ghi âm.

Tools (Công cụ)

Media key (Phím media) (Nokia N70 (phiên bản gốc))

Phần này mô tả phím media trong máy Nokia N70 (phiên bản gốc) của bạn.

Bấm  để mở phím tắt được gán cho phím đa phương tiện. Bấm  một lần nữa để trở về màn hình trước đó. Để gán một phím tắt mới, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Media key (Phím media) > Options (Tùy chọn) > Change (Thay đổi)**. Chọn một ứng dụng trong danh sách và chọn **OK**.

Phím tắt chỉ có khi bạn bấm .

Music access key (Phím truy cập nhạc) (Nokia N70 Music Edition)

Phần này mô tả phím truy cập nhạc trong máy Nokia N70 Music Edition của bạn.

Với phím truy cập nhạc, bạn sẽ có thể nhanh chóng truy cập vào **Music (Nhạc)** và **Radio (Đài FM)**.

Để mở **Music (Nhạc)**, bấm . Để tạo danh sách bài hát và nghe nhạc, xem phần [“Máy nghe nhạc”](#) trên trang 81.

 **Mẹo!** Để **Music (Nhạc)** mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm  hai lần để trở về chế độ chờ.

Để mở **Radio (Đài FM)**, bấm và giữ . Để nghe **Radio (Đài FM)** và thiết lập các thông số cấu hình, xem phần [“Radio \(Đài FM\)”](#) trên trang 68. Để đóng **Radio (Đài FM)**, chọn **Exit (Thoát)**.



Settings (Cài đặt)

Để thay đổi cài đặt, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt)**. Di chuyển đến nhóm cài đặt và bấm  để mở ra. Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .



Phone settings (Cài đặt cho máy)

General (Bình thường)

Phone language (Ngôn ngữ điện thoại) — Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic (Tự động)** chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ hiển thị, bạn cần khởi động lại điện thoại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language (Ngôn ngữ điện thoại)** hoặc **Writing language (Ngôn ngữ viết)** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong máy và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language (Ngôn ngữ viết) — Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Dictionary (Từ điển) — Bạn có thể cài kiểu nhập văn bản tiên đoán sang **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note or logo (Lời chào hoặc logo) — Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default (Mặc định)** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text (Văn bản)** để nhập lời chào (tối đa 50 ký tự) hoặc **Image (Hình ảnh)** để chọn một hình chụp hoặc hình ảnh trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Orig. phone settings (Cài đặt gốc cho máy) — Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần **"Phone and SIM (Máy và thẻ SIM)"** trên trang 108. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể cần nhiều thời gian hơn khi khởi động. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Standby mode (Chế độ chờ)

Active standby (Chế độ chờ) — Sử dụng phím tắt trên màn hình chính vào các ứng dụng khi ở chế độ chờ. Xem phần **"Chế độ màn hình chờ"** trên trang 12.

Left selection key (Phím chọn trái) — Để gán một phím tắt cho phím chọn trái (⏮) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Right selection key (Phím chọn phải) — Để gán một phím tắt cho phím chọn phải (⏭) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ chờ) — Để chọn các phím tắt ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby (Chế độ chờ)** được bật.

Bạn cũng có thể gán phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển, bằng cách chọn một ứng dụng trong danh sách. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

Operator logo (Logo mạng) — Cài đặt này chỉ được hiển thị khi bạn đã nhận và lưu lại logo mạng. Bạn có thể chọn hiển thị hoặc không hiển thị logo mạng.

Display (Màn hình)

Brightness (Độ sáng) — Bạn có thể thay đổi độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Độ sáng màn hình sẽ tự động điều chỉnh để phù hợp với môi trường.

Pwr. saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện) — Màn hình tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt khi hết thời hạn này.

Light time-out (Thời gian chờ tắt đèn) — Chọn thời gian mà sau đó đèn nền trên màn hình chính sẽ tắt.



Call settings (Cài đặt cuộc gọi)

Send my caller ID (Báo số) — Bạn có thể cài số điện thoại hiển thị (**Yes (Có)**) hoặc ẩn (**No (Không)**) trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network (Lựa chọn gốc)**) (dịch vụ mạng).

Call waiting (Cuộc gọi chờ) — Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng), mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới khi bạn đang có cuộc gọi. Chọn **Activate (Khởi động)** để yêu cầu mạng kích hoạt cuộc gọi đang chờ, **Cancel (Hủy)** để yêu cầu mạng tắt cuộc gọi đang chờ, hoặc **Check status (Hiện trạng)** để kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt hay chưa.

Reject call with SMS (Từ chối cuộc gọi cùng với SMS) — Chọn **Yes (Có)** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần ["Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi"](#) trên trang 19.

Message text (Nội dung tin nhắn) — Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call (Hình trong cuộc gọi video) — Bạn có thể từ chối gửi hình ảnh động khi nhận một cuộc gọi video. Chọn hình tĩnh sẽ được hiển thị thay cho video.

Automatic redial (Tự gọi lại) — Chọn **On (Bật)**, điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa mười lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm **↵**.

Summary after call (Chi tiết cuộc gọi) — Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị vắn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling (Quay số nhanh) — Chọn **On (Bật)**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (**2 — 9**). Xem thêm phần "**Quay nhanh một số điện thoại**" trên trang 14.

Anykey answer (Phím bất kỳ) — Chọn **On (Bật)**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím **↵**, **↶**, **⓪** và **↵**.

Line in use (Số máy đang sử dụng) — Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số

máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2 (Số máy 2)** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số điện thoại, bấm và giữ **#** khi ở chế độ chờ.

Line change (Đổi số máy) — Để ngăn việc chọn số máy (dịch vụ mạng), chọn **Disable (Vô hiệu)** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần phải nhập mã PIN2.



Connection settings (Cài đặt kết nối)

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (**⓪**), ví dụ như GPRS trong mạng GSM.

 **Chú giải:** Dịch vụ Vô tuyến Trộn gói (GPRS) sử dụng công nghệ dữ liệu gói, trong đó thông tin được gửi đi dưới dạng các gói dữ liệu nhỏ qua mạng di động.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML
- Điểm truy cập Internet (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Kết nối dữ liệu gói trong mạng GSM và UMTS

Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại. Để kiểm tra các kết nối dữ liệu đang hoạt động, xem phần "[Quản lý kết nối](#)" trên trang 92.

Các chỉ báo sau đây có thể hiển thị bên dưới chỉ báo cường độ tín hiệu, tùy thuộc vào loại mạng bạn đang sử dụng:

 Mạng GSM, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

 Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

 Mạng GSM, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

 Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang được giữ. (Điều này có thể xảy ra khi đang có cuộc gọi thoại.)

 Mạng UMTS, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

 Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

 Mạng UMTS, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

 Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang được giữ.

Nhận thông số cài đặt điểm truy cập

Bạn có thể nhận thông số cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ, hoặc các thông số được cài đặt sẵn trong điện thoại. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" trên trang 57.

Để tạo một điểm truy cập mới, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Access points (Điểm truy cập)**.

Bạn có thể cài một điểm truy cập sang chế độ được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ (). Bạn không thể chỉnh sửa hoặc xóa các điểm truy cập được bảo vệ.

Access points (Điểm truy cập)

 **Mẹo!** Xem thêm phần "**Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail**" trên trang 55, "**E-mail**" trên trang 64, và phần "**Truy cập Web**" trên trang 74.

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Connection name (Tên kết nối) — Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer (Sóng mang) — Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined (Phải được xác định)**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Access point name (Tên điểm truy cập) (chỉ dành cho dữ liệu gói) — Điện thoại sẽ yêu cầu tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng dữ liệu gói và UMTS. Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

User name (Tên thuê bao) — Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tên thuê bao được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Prompt password (Nhắc nhập mật mã) — Nếu bạn phải nhập mật mã mới mỗi khi đăng nhập vào máy chủ, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes (Có)**.

Password (Mật mã) — Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Mật khẩu thường được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Authentication (Xác thực) — Chọn **Normal (Bình thường)** hoặc **Secure (An toàn)**.

Homepage (Trang chủ) — Tùy thuộc vào cấu hình bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

Network type (Loại mạng) — Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4 settings (Cài đặt IPv4)** hoặc **IPv6 settings (Cài đặt IPv6)**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (Địa chỉ điện thoại IP) (dành cho IPv4) — Nhập địa chỉ IP của điện thoại của bạn.

Name servers (Các server tên) — Trong **Primary name server: (Server tên chính:)**, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second. name server: (Server tên phụ:)**, nhập địa chỉ IP của server DNS thứ hai. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để nhận các địa chỉ này.

 **Chú giải:** Dịch vụ tên miền (DNS) là dịch vụ Internet có chức năng phiên dịch các tên miền như www.nokia-asia.com sang các địa chỉ IP như 192.100.124.195.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Xác định địa chỉ của máy chủ proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng proxy.

Packet data (Dữ liệu gói)

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn. (Kết nối dữ liệu gói) — Nếu bạn chọn **When available (Khi khả dụng)** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng truyền dữ liệu. Tương tự, việc bắt đầu một phiên truyền dữ liệu hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh

hơn. Nếu bạn chọn **When needed (Khi cần)**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu gói và bạn chọn **When available (Khi khả dụng)**, điện thoại sẽ cố gắng khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ.

Access point (Điểm truy cập) — Bạn sẽ cần đến tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Configurations (Cấu hình)

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ qua tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM của bạn. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem hoặc xóa chúng trong **Configurations (Cấu hình)**.



Date and time (Ngày giờ)

Xem phần **"Cài đặt đồng hồ"** trên trang 4.

Xem thêm phần cài đặt ngôn ngữ trong phần **"General (Bình thường)"** trên trang 101.



Security (Bảo mật)

Phone and SIM (Máy và thẻ SIM)

PIN code request (Hỏi mã PIN) — Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép bạn tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần "[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)" trên trang 107.

PIN code (Mã PIN), PIN2 code (Mã PIN2), và Lock code (Mã khóa) — Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Xem phần "[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)" trên trang 107.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để ngăn việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Autolock period (Thời gian tự động khóa) — Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khóa, đây là khoảng thời gian nghỉ của điện thoại mà sau đó máy sẽ tự khóa lại, và để sử dụng máy bạn cần nhập đúng mã khóa. Nhập vào thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn **None (Không có gì)** để tắt chức năng tự động khóa này.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

 **Meo!** Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm . Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone (Khóa máy)**.

Lock if SIM changed (Khóa nếu đổi SIM) — Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được gắn vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group (Nhóm nội bộ) — Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hay họ có thể gọi điện cho bạn (dịch vụ mạng).

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services (Xác nhận dịch vụ SIM) — Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM (dịch vụ mạng).

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Mã số nhận diện cá nhân (PIN) — Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 số) thường được cung cấp cùng với thẻ SIM. Sau ba lần nhập sai, mã PIN sẽ bị khóa và bạn cần phải giải mã khóa trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM. Xem thêm thông tin về mã PUK trong phần này.

Mã UPIN — Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS. Mã UPIN bảo vệ thẻ USIM không bị sử dụng trái phép.

Mã PIN2 — Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và sẽ được yêu cầu để truy cập một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo vệ) — Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại để ngăn điện thoại không bị sử dụng trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2 — Các mã này (8 chữ số) sẽ được yêu cầu để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã

này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK — Mã này (8 số) được yêu cầu để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chúng được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.



Chú giải: Các chứng chỉ kỹ thuật số được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của các trang XHTML hoặc WML và để cài đặt các phần mềm. Tuy nhiên, chúng chỉ đáng tin cậy nếu các chứng chỉ này có nguồn gốc xác thực.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web khác hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc

phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.

 **Chú ý:** Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cái thiện tính an toàn khả dụng. Nếu thông báo **Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn)** hoặc **Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực)** hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ — kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo trên màn hình điện thoại nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ đúng trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ và chọn **Options (Tùy chọn) > Certificate**

details (Chi tiết chứng chỉ). Khi bạn mở xem chi tiết của chứng nhận, tính hợp lệ của Chứng nhận sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted (Chứng chỉ không tin cậy)** — Bạn không cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ. Xem phần **"Thay đổi cài đặt về độ tin cậy"** trên trang 109.
- **Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn)** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực)** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa được bắt đầu.
- **Certificate corrupted (Chứng chỉ bị lỗi)** — Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ và chọn **Options (Tùy chọn) > Trust settings (Cài đặt ủy thác)**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh

sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation (Cài đặt Symbian): Yes (Có)** — Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes (Có)** — Chứng chỉ có thể chứng nhận các máy chủ.
- **App. installation (Cài đặt ứng dụng): Yes (Có)** — Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java mới.
- **Online certif. check (Kiểm tra chứng chỉ trực tuyến)** — Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Edit trust setting (Chỉnh sửa cài đặt tin cậy)** để thay đổi giá trị.



Chuyển hướng cuộc gọi

Call divert (Chuyển hướng) cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

- 1 Bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Call divert (Chuyển hướng)**.

- 2 Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng: **Voice calls (Cuộc gọi thoại)** hoặc **Data and video calls (Các cuộc gọi data và video)**.
- 3 Chọn tùy chọn chuyển hướng theo ý muốn. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy (Nếu bận)**.
- 4 Bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) tùy chọn chuyển hướng hoặc kiểm tra xem tùy chọn nào đang được kích hoạt (**Check status (Hiện trạng)**). Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc.

Khi tắt cả cuộc gọi được chuyển hướng,  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng tính năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call Barring (Chặn cuộc gọi)

Chức năng **Call barring (Chặn cuộc gọi)** (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến điện thoại của bạn. Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check**

status (Hiện trạng). **Call barring (Chặn cuộc gọi)** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Bạn không thể sử dụng tính năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi đã chặn các cuộc gọi, bạn vẫn có thể dùng điện thoại để gọi các số điện thoại khẩn cấp.



Network (Mạng)

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng **3G**.

Network mode (Chế độ mạng) (chỉ hiển thị khi được nhà điều hành mạng hỗ trợ) — Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode (Chế độ kép)**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Xin lưu ý, chế độ mạng mặc định của điện thoại có thể được cài là GSM hoặc UMTS/Chế độ Kép. Chế độ này có thể khác nhau ở từng quốc gia. Vui lòng liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin chi tiết.

Operator selection (Chọn nhà điều hành) — Chọn **Automatic (Tự động)** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có hoặc **Manual (Thủ công)** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.



Chú giải: Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display (Thông tin mạng) — Chọn **On (Bật)** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



Enhancement settings (Cài đặt phụ kiện)

Các chỉ báo hiển thị khi ở chế độ chờ:



Tai nghe được kết nối.



Bộ trợ thính được kết nối.

 Không có tai nghe hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị mất.

Chọn **Headset (Tai nghe)**, **Loopset (Bộ trợ thính)**, hoặc **Bluetooth handsfree (Rảnh tay sử dụng Bluetooth)** và chọn các tùy chọn sau:

Default profile (Cấu hình mặc định) — để chọn cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện nào đó với điện thoại. Xem phần "**Profiles (Cấu hình)** — cài âm báo" trên trang 9.

Automatic answer (Trả lời tự động) — để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once (1 hồi bip)** hoặc **Silent (Im lặng)** chức năng trả lời tự động sẽ được tắt.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng các lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần "**Lệnh thoại**" trên trang 14.

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice com. (Lệnh thoại)** và thư mục **Profiles (Cấu hình)** của ứng dụng này. Bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Voice com.**

(Lệnh thoại) > Profiles (Cấu hình); điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Để sử dụng lệnh thoại cải tiến, bấm và giữ  và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > New application (Ứng dụng mới)**.

Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, di chuyển đến lệnh thoại đó, chọn **Options (Tùy chọn) > Change command (Đổi lệnh)**, và nhập lệnh thoại vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ được chọn trên điện thoại, chọn **Synthesiser (Bộ tổng hợp) > Off (Tắt)**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapts. (Cài lại chức năng nhận giọng nói)**.



Quản lý ứng dụng

Bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Manager (Quản lý)**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java có phần mở rộng là .jad hoặc .jar (📎).
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (📱). Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại Nokia N70. Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N70-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, tải về trong khi trình duyệt hoặc nhận dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail hoặc sử dụng kết nối Bluetooth. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng vào điện thoại hoặc thẻ nhớ tương thích. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào một thẻ nhớ tương thích (ổ đĩa nội bộ).

💡 **Ví dụ:** Nếu bạn đã nhận tập tin cài đặt dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hãy vào hộp thư của bạn, mở e-mail, mở tập tin đính kèm, di chuyển đến tập tin cài đặt và bấm  để bắt đầu cài đặt.

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

💡 **Mẹo!** Bạn cũng có thể sử dụng Nokia Application Installer hiện có trong Nokia PC Suite để cài đặt các ứng dụng. Xem trong đĩa CD-ROM được cung cấp kèm theo điện thoại.

Các biểu tượng của ứng dụng gồm: 📱 ứng dụng .sis; 📎 ứng dụng Java; 📁 ứng dụng chưa được cài đặt hoàn chỉnh; 📁 ứng dụng đã được cài vào thẻ nhớ.

🔄 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > View details (Xem chi tiết)**.
- Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > View certificate (Xem chứng chỉ)**. Xem phần "Quản lý chứng chỉ" trên trang 108.
- Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.

- Bạn sẽ được yêu cầu tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.

- Mở **Manager (Quản lý)** và di chuyển đến tập tin cài đặt. Cách khác, tìm trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ trong **File mgr. (Quản lý tập tin)**, hoặc mở tin nhắn trong **Messaging (Nhắn tin) > Inbox (Hộp thư đến)** có chứa tập tin cài đặt. Chọn ứng dụng và bấm  để khởi động quá trình cài đặt.

 **Mẹo!** Trong khi trình duyệt, bạn có thể tải tập tin cài đặt về và cài đặt mà không cần ngắt kết nối.

- Chọn **Options (Tùy chọn) > Install (Cài đặt)**. Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options (Tùy chọn) > Go to web address (Tới địa chỉ web)**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện vào lúc nào, chọn **Options (Tùy chọn) > View log (Xem nhật ký)**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để thông báo ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options (Tùy chọn) > Send log (Gửi nhật ký) > Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)** hoặc **Via e-mail (Qua e-mail)** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một phần mềm và chọn **Options (Tùy chọn) > Remove (Xóa)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được các tài liệu được tạo bằng phần mềm đó nữa.

Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt ứng dụng

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Software installation (Cài đặt phần mềm) — Chọn nếu có thể cài đặt phần mềm Symbian: **On (Bật)**, **Signed only (Chỉ đã ký)**, hoặc **Off (Tắt)**.

Online certif. check (Kiểm tra chứng chỉ trực tuyến) — Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address (Địa chỉ web mặc định) — Cài đặt địa chỉ mặc định khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ **Manager (Quản lý)** chính, di chuyển đến một ứng dụng và chọn **Options (Tùy chọn) > Suite settings (Cài đặt cho bộ)** để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng riêng biệt đó.



Activation keys (Các mã khóa kích hoạt) — xử lý các tập tin được bảo hộ bản quyền

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > Activation keys (Các mã khóa kích hoạt)** để xem các phím khởi động bản quyền kỹ thuật số được lưu trong điện thoại của bạn:

- Các phím hợp lệ () được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media.
- Với các phím đã hết hạn (), bạn không có thời gian để sử dụng tập tin media hoặc thời hạn sử dụng tập tin đã hết. Để xem các phím khởi động **Expired (Đã hết hạn)**, bấm .

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một phím khởi động và **Options (Tùy chọn) > Activate content (Kích hoạt nội dung)**. Các phím khởi động không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần "[Tin nhắn dịch vụ web](#)" trên trang 66.

Để xem các phím nào hiện không được sử dụng (**Not used (Không được sử dụng)**), bấm  hai lần. Các phím khởi động không sử dụng sẽ không được kết nối với tập tin media nào được lưu trong điện thoại.

Để xem các thông tin chi tiết như tình trạng hợp lệ và khả năng gửi tập tin, chọn một phím khởi động và bấm .

Giải quyết sự cố

Hỏi&Đáp

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Vì sao tôi không thể tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt tính năng kết nối Bluetooth chưa.

Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét (32 feet) và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không. Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Bluetooth > Bluetooth > Off (Tắt)**.

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. (Không đủ bộ nhớ để nhận tin nhắn.) Delete some data first. (Xóa một số dữ liệu trước.)** Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng cho từng nhóm dữ liệu, bấm  và chọn **Tools (Công cụ) > File mgr. (Quản lý tập tin) > Options (Tùy chọn) > Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**.

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message (Đang nhận tin nhắn)** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Bấm  và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)**.

Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

Đáp: Để ngăn máy thực hiện kết nối dữ liệu, bấm  và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)**. Để bỏ qua các tin nhắn đa phương tiện gửi đến, chọn **Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) > Off (Tắt)**. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có số điện thoại hoặc địa chỉ email. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**. Các mục chỉ được lưu trên thẻ SIM sẽ không hiển thị trong danh mục số liên lạc. Để sao chép các số liên lạc từ thẻ SIM sang **Contacts (Danh bạ)**, xem phần **"Sao chép số liên lạc"** trên trang 25.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Lịch

Hỏi: Tạo sao các số tuần không có?

Đáp: Nếu bạn đã thay đổi cài đặt lịch, ngày đầu tuần không phải là Thứ Hai, số tuần sẽ không hiển thị.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm sao nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. (Chưa xác định điểm truy cập hợp lệ nào.) Define one in Web settings. (Xác định một điểm truy cập trong cài đặt Web.)?**

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, bấm  và chọn **My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký)**. Di chuyển đến thẻ **Log (Nhật ký)** và chọn **Options (Tùy chọn) > Filter (Lọc) > All communication (Tất cả giao tiếp)**.

Hỏi: Làm thế nào để xóa thông tin nhật ký?

Đáp: Để xóa nhật ký, bấm  và chọn **My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký)**. Di chuyển đến thẻ **Log (Nhật ký)** và chọn **Options (Tùy chọn) > Clear log (Xóa nhật ký)**. Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn cố định, bấm  và chọn **My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Log duration (Thời lượng nhật ký) > No log (Không có nhật ký)**.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ phần mềm Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem Hướng dẫn Sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa CD. Nếu Nokia PC Suite đã được cài đặt và hoạt động, bạn có thể sử dụng chức năng Nokia Get connected wizard hiện có trong Nokia PC Suite để kết nối với máy PC. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng.

Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Mở cửa sổ hoàn chuyển ứng dụng bằng cách bấm và giữ . Sau đó di chuyển đến ứng dụng và bấm  để đóng ứng dụng.

Màn hình

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của mình?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu lấm chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi phải làm gì nếu bộ nhớ điện thoại không đủ?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox (Hộp thư đến)**, **Drafts (Nháp)**, và **Sent (Đã gửi)** trong phần **Messaging (Nhắn tin)**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery (Bộ sưu tập)**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cước cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. (Không đủ bộ nhớ để thực hiện thao tác.) Delete some data first. (Xóa một số dữ liệu trước.)** hoặc **Memory low. (Bộ nhớ gần hết.) Delete some data. (Xóa một số dữ liệu.)**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng Nokia PC Suite để tạo bản sao lưu tất cả dữ liệu vào một máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng tính năng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Nếu bạn dùng pin thay thế lần đầu hoặc nếu pin không dùng trong một khoản thời gian dài, bạn cần phải kết nối vào bộ sạc và sau đó ngắt kết nối và gắn vào trở lại để bắt đầu sạc pin.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bắt ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nổi hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Không được tháo rời, mở hoặc làm vỡ pin điện thoại. Trong trường hợp pin rò rỉ, không được để chất lỏng đổ rơi trúng da hay mắt. Trong trường hợp bị rò rỉ hoặc nhiễm độc, hãy đến ngay bác sĩ để được giúp đỡ.

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ hai bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều

- 1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.
- 2 Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, truy cập trang web www.nokia-asia.com/batterycheck.



Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Tai nghe	HS-5
Bộ tai nghe âm thanh nổi	HDS-3
Bộ tai nghe	HDB-4
Bộ trợ thính cảm ứng	LPS-4
Bộ tai nghe không dây	HDW-3
Tai nghe không dây Clip-on	HS-21W
Tai nghe không dây	HS-11W
Tai nghe hình ảnh không dây	HS-13W
Tai nghe không dây	HS-36W
Tai nghe không dây	HS-37W
Thiết bị nổi Audio	AD-15
Đế nhạc	MD-1

Trên xe

Bộ tai nghe có tựa đầu	BHF-3
Tai nghe trên xe Plug-in	HF-3
Tai nghe trên xe Plug-in Không dây	HF-6W
Bộ phụ kiện dùng trên xe không dây	CK-1W
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Giá đỡ vận năng	CR-39
Bộ sạc di động	DC-4

Bao đeo

Bao đeo	CP-70
Bao đeo	CP-71
Bao đeo	CP-69

Dữ liệu

Môđun GPS vô tuyến	LD-1W
Cáp kết nối	CA-53
Thẻ nhớ RS MMC 128 MB	MU-2
Thẻ nhớ RS MMC 256 MB	MU-9
Thẻ nhớ RS MMC 512 MB	MU-12

Hình ảnh

Camera Nokia Từ xa

PT-6

Nhấn tin

Bàn phím không dây

SU-8W

Bút Ký thuật số

SU-1B

Điện nguồn

Bộ sạc du lịch

AC-4

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5C	Li-Ion	Đạt 3 giờ 30 phút (WCDMA) Đạt 3 giờ 35 phút (GSM)	Đạt 250 giờ (WCDMA) Đạt 210 giờ (GSM)

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Tai nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W



Thoải mái khi lái xe trên đường với Tai nghe trên xe Plug-in không dây Nokia. Thiết bị nhỏ gọn này giao tiếp với điện thoại tương thích của bạn qua công nghệ vô tuyến Bluetooth trong phạm vi 10 mét.

"Định vị nguồn âm thanh" sử dụng bốn micro có khả năng chọn từ 19 hướng để định hướng phát nguồn âm thanh và loại bỏ nhiễu tạp âm từ những hướng khác. Hơn nữa, đây là thiết bị dễ cài đặt - chỉ cần cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe.

Các tính năng chính:

- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích qua công nghệ Bluetooth
- Công nghệ định vị nguồn âm thanh giúp giảm nhiễu tạp âm nền
- Trả lời và kết thúc cuộc gọi và điều chỉnh âm lượng bằng các phím tích hợp
- Cài đặt chỉ với một động tác: cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe
- Cáp có thể thu gọn để nạp pin cho điện thoại khi đang di chuyển

Bàn phím không dây Nokia SU-8W



Tăng cường năng suất với Bàn phím Không dây Nokia. Soạn e-mail, tin nhắn văn bản, hoặc ghi chú cuộc họp nhanh chóng và dễ dàng với bàn phím QWERTY đầy đủ chức năng. Với thiết kế nhỏ, nhẹ, xếp lại được, Bàn phím Không dây Nokia thuận tiện trong việc sử dụng và mang theo, đồng thời là một công cụ hoàn hảo cho văn phòng không dây di động của bạn.

Các tính năng chính:

- Bàn phím QWERTY gọn nhẹ, xếp lại được
- Phím bật/tắt nguồn cộng với chức năng tự động tắt nguồn khi được xếp lại
- Các phím tắt dành cho chức năng nhắn tin và menu ứng dụng chính của điện thoại tương thích
- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích (công nghệ vô tuyến Bluetooth)
- Đèn LED chỉ thị 3 tình huống: Bật/tắt nguồn, trạng thái kết nối không dây, tình trạng pin
- Được cấp nguồn bằng 2 pin AAA

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi đặt pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.

- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.
- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính (ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng).
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại (ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch) trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.
- Đôi lúc khi cài lại thiết bị để tối ưu hóa khả năng hoạt động, hãy tắt nguồn thiết bị, và tháo pin. Hãy lưu dự phòng tất cả các dữ liệu quan trọng.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cài tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Thiết bị này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí sử dụng thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm (5/8 inches). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Điện thoại có thể hút các vật chất bằng kim loại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi nhiễu bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ rắc rối nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- Luôn giữ điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch)
- Không để điện thoại trong túi áo ngực

- Nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiều sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử và hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô

tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu-thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và-hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím đàm thoại.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

THIẾT BỊ DI ĐỘNG NÀY ĐÁP ỨNG CÁC HƯỚNG DẪN VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Thiết bị di động của quý khách là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Thiết bị được thiết kế sao cho không vượt quá các giới hạn tiếp xúc với sóng vô tuyến được khuyến nghị theo các hướng dẫn quốc tế. Các hướng dẫn này được phát triển bởi tổ chức khoa học độc lập ICNIRP và bao gồm các ngưỡng an toàn được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Các hướng dẫn về tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo lường được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hay còn gọi là SAR. Giới hạn SAR được nêu trong các hướng dẫn của ICNIRP là 2,0 W/kg* bình quân trên 10 gram mô cơ thể. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành có sử dụng các vị trí vận hành chuẩn khi thiết bị truyền phát ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể ở dưới giá trị cực đại vì điện thoại được thiết kế để chỉ sử dụng mức năng lượng cần có để nối mạng. Mức năng lượng thay đổi tùy thuộc vào một số các yếu tố như khoảng cách giữa quý khách và một trạm phát của mạng.

Giá trị SAR cao nhất theo các hướng dẫn của ICNIRP khi sử dụng thiết bị này gần tai là 0,95 W/kg.

Việc sử dụng các phụ tùng và phụ kiện nâng cấp cho thiết bị có thể tạo ra các giá trị SAR khác nhau. Giá trị SAR có thể thay đổi tùy thuộc vào các yêu cầu thử nghiệm và báo cáo trong nước và băng tần của mạng. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại trang web www.nokia-asia.com.

* Giá trị SAR có thể khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và băng tần của mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

B

Bộ nhớ

- xem mức sử dụng bộ nhớ 5
- xóa bộ nhớ 6, 22

Bộ PC Suite

- đồng bộ 92
- dữ liệu lịch 72
- truyền các tập tin media 6
- truyền hình ảnh đến máy PC 39
- truyền tải tập tin âm nhạc vào thẻ nhớ 43
- xem dữ liệu trong bộ nhớ điện thoại 5

Bộ tai nghe

- xem *loa*

Biên tập phim

- hiệu chỉnh đoạn phim 36
- thêm đoạn chuyển cảnh 36
- thêm hiệu ứng 36
- thêm sound clip 36

Bluetooth 88

- địa chỉ thiết bị 90
- bảo mật 89
- ghép nối 90
- kết nối hai thiết bị, ghép nối 90

- mã khóa được cài trước 90
- mã khóa, giải thích thuật ngữ 90
- tai nghe 111
- tắt 92

Â

Âm báo

- báo thức 3
- lịch 72

Âm thanh

- tắt chuông báo 19

C

Cache, xóa 79

Các ứng dụng

- cài đặt 113

Các ứng dụng Java 113

Các đoạn ghi âm 39

Các đoạn phim 39

Các phím khởi động 115

Các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại 25

Cài đặt bộ trợ thính 111

Cài đặt riêng 11

Cài đặt tai nghe 111

Cáp USB 92

Camera 28

- đèn flash 30
- điều chỉnh độ sáng 28, 34
- điều chỉnh cài đặt đèn flash 28
- biên tập phim 36
- cài đặt camera hình tĩnh 31
- cài đặt thiết lập hình ảnh 28, 32
- Cài đặt video 35
- chế độ liên tiếp 30
- chụp tự động 30
- gửi hình 2, 29
- hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc 32
- lưu đoạn phim 34
- modes 32

Cắt văn bản 53

CD-ROM 92

Chứng chỉ 108

Chế độ chờ 8

Chế độ chụp

- Chế độ hình ảnh 33
- Chế độ video 32

Chỉ mục 75

Chủ đề 11

Chuyển nội dung từ điện
thoại khác 10

Clock (Đồng hồ) 3

âm báo 3

cài đặt 4

Connection settings

(Cài đặt kết nối) 103

Cuộc gọi

các số vừa gọi 21

cài đặt 102

cài đặt chuyển hướng
cuộc gọi 110

Call duration (Thời lượng
cuộc gọi) 22

chuyển 20

nhận 21

quốc tế 13

Cuộc gọi hội nghị 13

Cuộc gọi video 15

từ chối 20

trả lời 20

D

Dự phòng 6

Dán văn bản 53

Danh bạ

chèn hình ảnh 25

gửi 25

DNS, dịch vụ tên miền,
giải thích thuật ngữ 106

Đ

Độ phân giải, phần giải thích 31

Độ sáng

cài đặt trong camera 34

Màn hình 102

Địa chỉ IP, giải thích thuật ngữ 106

Định dạng tập tin

.jar 114

.sis 113

RealOne Player 43

Tập tin JAD 113

Tập tin JAR 113

Điểm truy cập 103

cài đặt 105

Điểm truy cập Internet (IAP)

Xem *điểm truy cập*

Điều chỉnh âm lượng 4

loa 5

trong khi gọi 13

E

E-mail 53

cài đặt 64

hộp thư từ xa 58

mở 59

ngoại tuyến 60

nhận từ hộp thư 58

tải tự động 59

xem tập tin đính kèm 59

Enhancement settings

(Cài đặt phụ kiện)

bộ trợ thính 111

tai nghe 111

G

Gửi

các đoạn phim 38

hình 2, 29

thẻ liên lạc, danh thiếp 25

Gallery

sắp xếp các tập tin

trong album 41

tạo album mới 41

thêm tập tin vào album 41

xem hình và phim 40

Gọi số ẩn định 26

H

Hộp thư

tải tự động 59

Hộp thư từ xa 58

Hộp thư thoại 13
 chuyển hướng cuộc gọi đến
 hộp thư thoại 110
 thay đổi số điện thoại 13

I

Internet
 Xem phần *Web*

J

Java
 Xem *các ứng dụng Java*

K

Kết nối dữ liệu
 chi tiết 93
 kết thúc 93

Kết nối dữ liệu gói 93
 cài đặt 106
 GPRS, giải thích thuật ngữ 103

Kết nối máy tính 92

Kết nối PC
 qua Bluetooth hoặc
 cáp USB 92

không trực tuyến 9

Khẩu lệnh 112
 gọi điện 15

Kiểu chuông
 kiểu chuông riêng 27
 nhận trong tin nhắn văn bản 57

L

Lệnh dịch vụ 50

Lệnh thoại 112

Lệnh USSD 50

Lịch
 đồng bộ PC Suite 72
 âm báo 71
 tạo các mục nhập 71

Loa 5

Log
 lọc 23
 xóa nội dung 23

Log điện thoại
 Xem phần *Log (Nhật ký)*

M

Mã
 mã bảo vệ 108
 mã khóa
 Mã PIN 108
 Mã PIN2 108

Mã bảo vệ
 Xem phần *mã khóa*

Mã khóa 108

Mã PIN 108

Mã UPIN 108

Mã UPUK 108

Mail box 58

Máy ghi âm 99

Máy nghe nhạc 81

Menu, sắp xếp lại 9

Movie, muvee
 quick muvee 46
 tùy chỉnh muvee 46

N

Nhắc nhở
 Xem *lịch, âm báo*

Nhắn tin
 e-mail 53
 tin nhắn đa phương tiện 53
 tin nhắn văn bản 53

P

Phản mềm
 truyền file về điện thoại 113

Phím tắt 1

Phụ kiện chính hãng Nokia 124

Profiles (Cấu hình) 9

Q

Quản lý tập tin 5

Quay số bằng khẩu lệnh 14

Quay số nhanh 14

R

Radio 68

Radio FM 68

S

Sao chép

văn bản 53

Số liên lạc

Xem phần *Số liên lạc*

Settings (Cài đặt)

điểm truy cập 105

cài đặt riêng điện thoại 8

Call Barring

(Chặn cuộc gọi) 110

chứng chỉ 108

chuyển hướng cuộc gọi 110

Date and time (Ngày giờ) 106

IM 83, 84, 87

Kết nối Bluetooth 89

kết nối dữ liệu 103

lịch 72

mã khóa 108

Mã PIN 108

Mã UPIN 108

mã UPUK 108

Màn hình 102

màn hình riêng 102

Security (Bảo mật) 107

Synchronise 94

T

Tắt âm 44

Tập tin media

định dạng tập tin 43

lùi về 44

tắt âm 44

tiến nhanh về trước 44

Tập tin sis 113

Thời lượng nhật ký 23

Thêm văn bản 38

Thẻ liên lạc

lưu âm DTMF 21

Thẻ nhớ 6

Thẻ SIM

copy tên và số liên lạc
vào điện thoại 25

tên và số điện thoại 26

tin nhắn 61

Tin nhắn đa phương tiện 53

Tin nhắn thoại 13

Tin nhắn trò chuyện 83

gửi tin nhắn trò chuyện 85

ghi âm tin nhắn 86

kết nối server 84

khóa 85

nhóm 87

tên thuê bao, giải thích

thuật ngữ 86

Tin nhắn văn bản 53

Trợ giúp 1

Trò chuyện

Xem *phần tin nhắn trò chuyện*

Trung tâm nhắn tin văn bản mới

thêm mới 62

Trung tâm SMS, trung tâm dịch vụ tin nhắn ngắn 62

V

Video player

Xem phần *RealOne Player*

Visual Radio 68

ID dịch vụ trực quan 69

xem nội dung 69

W

Web

các điểm truy cập, xem phần
điểm truy cập

trình duyệt 74

X

Xóa màn hình

Xem *chế độ chờ*

Dịch Vụ Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia

THUYẾT TRÌNH
TƯƠNG TÁC



PHẦN MỀM



TÀI LIỆU HƯỚNG
DẪN SỬ DỤNG



CÀI ĐẶT

Hỗ trợ web Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia cung cấp cho bạn thông tin thêm về các dịch vụ trực tuyến của chúng tôi.

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC

Tìm hiểu cách thiết lập điện thoại lần đầu tiên, và tìm hiểu thêm về các chức năng của điện thoại. Thuyết Trình Tương Tác cung cấp các hướng dẫn từng bước về cách sử dụng điện thoại.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tài Liệu hướng Dẫn Sử Dụng trực tuyến bao gồm thông tin chi tiết về điện thoại của bạn. Hãy nhớ kiểm tra thường xuyên để có các cập nhật.

PHẦN MỀM

Tận dụng hết mọi chức năng của điện thoại với phần mềm dành cho điện thoại và máy PC. Nokia PC Suite kết nối điện thoại và máy PC để bạn có thể quản lý lịch, sổ liên lạc, nhạc và hình ảnh, trong khi các ứng dụng khác bổ sung cho việc sử dụng điện thoại.

CÀI ĐẶT

Một số chức năng nhất định của điện thoại, như là nhắn tin đa phương tiện, trình duyệt di động và email*, có thể cần cài đặt trước khi có thể sử dụng chúng. Nhận các thông số cài đặt trên điện thoại miễn phí.

*Không khả dụng với mọi điện thoại.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI?

Mục Thiết Lập, tại www.nokia-asia.com/setup, giúp bạn chuẩn bị điện thoại để sử dụng. Tự làm quen với các chức năng và tính năng của điện thoại bằng cách tham khảo mục Hướng Dẫn Sử Dụng và Demo tại www.nokia-asia.com/guides.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỒNG BỘ ĐIỆN THOẠI VÀ MÁY PC?

Kết nối điện thoại với một máy PC tương thích bằng phiên bản Nokia PC Suite thiết yếu từ www.nokia-asia.com/pcsuite cho phép bạn đồng bộ lịch và các sổ liên lạc.

TÔI CÓ THỂ LẤY PHẦN MỀM CHO ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Sử dụng điện thoại hiệu quả hơn bằng những chương trình tải xuống từ mục Phần Mềm tại www.nokia-asia.com/software.

TÔI CÓ THỂ TÌM CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI PHỔ BIẾN Ở ĐÂU?

Tìm trong mục FAQ (Câu Hỏi Thường Gặp) tại www.nokia-asia.com/faq để có những câu trả lời cho các câu hỏi của bạn về điện thoại, các sản phẩm và dịch vụ khác của Nokia.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CẬP NHẬT VỀ NHỮNG TIN TỨC CỦA NOKIA?

Đăng ký trực tuyến với Kết Nối Nokia tại www.nokia-asia.com/signup, và trở thành người đầu tiên biết về những sản phẩm, khuyến mại mới nhất và những sự kiện sắp tới.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/contactus.

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ sửa chữa, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/repair.

Vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/support để biết chi tiết.

NOKIA

Care